

Biểu số: 01/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
SAO Y: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TIỀN GIANG;
06 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang
Thời gian ký: 2024-04-04T15:12:25+07:00

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án		
											Thi hành xong	Đình chỉ								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		6.548	19.097	10.848	8.249	89	-	19.008	11.345	5.653	5.505	148	5.679	10	3	6.346	1.302	15	13.355	49.83%
I	Tổng số việc chủ động	4.439	10.051	4.100	5.951	37	-	10.014	6.995	4.859	4.850	9	2.133	-	3	2.549	462	8	5.155	69.46%
1	Dân sự	2.250	6.130	3.112	3.018	19	-	6.111	3.828	2.335	2.328	7	1.493	-	-	1.875	402	6	3.776	61.00%
2	Kinh doanh, thương mại	58	229	155	74	2	-	227	124	56	56	-	68	-	-	98	4	1	171	45.16%
3	Tín dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	5	5	4	1	-	-	5	1	1	1	-	-	-	-	4	-	-	4	100.00%
5	DS trong hình sự (các tội XPTTrQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	DS trong hình sự (khác)	669	1.656	652	1.004	15	-	1.641	1.121	752	750	2	369	-	-	469	50	1	889	67.08%
7	DS trong hành chính	6	15	2	13	-	-	15	14	13	13	-	1	-	-	1	-	-	2	92.86%
8	Hôn nhân và gia đình	1.448	2.001	163	1.838	1	-	2.000	1.902	1.699	1.699	-	200	-	3	92	6	-	301	89.33%
9	Lao động	2	4	3	1	-	-	4	1	1	1	-	-	-	-	3	-	-	3	100.00%
10	Phá sản	-	1	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	0.00%
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
13	Loại khác	1	10	8	2	-	-	10	3	2	2	-	1	-	-	7	-	-	8	66.67%

II	Tổng số việc theo yêu cầu	2.109	9.046	6.748	2.298	52	-	8.994	4.350	794	655	139	3.546	10	-	3.797	840	7	8.200	18.25%
1	Dân sự	1.471	6.994	5.356	1.638	29	-	6.965	3.276	543	429	114	2.724	9	-	2.953	731	5	6.422	16.58%
2	Kinh doanh, thương mại	38	237	201	36	3	-	234	120	12	11	1	108	-	-	100	12	2	222	10.00%
3	Tín dụng	35	176	139	37	1	-	175	114	7	7	-	107	-	-	59	2	-	168	6.14%
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	2	5	3	2	-	-	5	1	1	1	-	-	-	-	4	-	-	4	100.00%
5	DS trong hình sự (các tội XPT-TQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	109	450	337	113	8	-	442	145	66	62	4	79	-	-	226	71	-	376	45.52%
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	382	1.056	655	401	11	-	1.045	609	161	141	20	447	1	-	412	24	-	884	26.44%
9	Lao động	1	6	5	1	-	-	6	2	-	-	-	2	-	-	4	-	-	6	0.00%
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	70	121	51	70	-	-	121	83	4	4	-	79	-	-	38	-	-	117	4.82%
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	1	1	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT, CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Vũ



**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC
THI HÀNH AN DÂN SỰ**

Chỉ tiêu			Chủ động	Theo yêu cầu
1	Số đình chỉ thi hành án		9	139
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50		4	2
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50		-	3
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50		-	130
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50		4	4
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50		-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50		1	-
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50		-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50		-	-
2	Trường hợp khác		3	-
2.1	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại		-	-
2.2	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án		-	-
2.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền		3	-
3	Số hoãn thi hành án		462	850
3.1	Điểm a khoản 1 Điều 48		1	1
3.2	Điểm b khoản 1 Điều 48		1	-
3.3	Điểm c khoản 1 Điều 48		-	10
3.4	Điểm d khoản 1 Điều 48		408	808
3.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48		8	24
3.6	Điểm e khoản 1 Điều 48		40	2
3.7	Điểm g khoản 1 Điều 48		-	1
3.8	Điểm h khoản 1 Điều 48		-	-
3.9	Khoản 2 Điều 48		4	4
4	Số tạm đình chỉ thi hành án		8	7
4.1	Khoản 1 Điều 49		8	7
4.2	Khoản 2 Điều 49		-	-
5	Số chưa có điều kiện theo Điều 44a		2.549	3.797
5.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a		2.470	3.722
5.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a		-	1
5.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a		75	74
5.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác		4	-
6	Số chưa có điều kiện đã chuyển số theo dõi riêng		2.123	2.741

*Ghi chú: Mục (6) Số chưa có điều kiện đã chuyển số theo dõi riêng có số theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

Biểu số: 02/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
06 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP

Đơn vị tính: 1.000 VND và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:			Đang thi hành	Hoàn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án			
									Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		4.553.144.654	3.223.175.512	1.329.969.142	81.601.179	-	4.471.543.475	2.221.126.314	486.051.044	445.050.185	41.000.839	-	1.731.968.866	3.044.360	62.044	1.494.032.983	455.656.644	300.727.534	3.985.492.431	21.88%
I	Tổng số việc chủ động	133.175.735	66.637.778	66.537.957	1.062.345	-	132.113.390	86.155.225	46.459.114	45.081.983	1.377.131	-	39.634.067	-	62.044	40.874.786	4.995.179	88.200	85.654.276	53.92%
1	Dân sự	86.921.936	35.741.164	51.180.772	579.250	-	86.342.686	63.624.849	37.531.725	36.155.724	1.376.001	-	26.093.124	-	-	18.240.322	4.457.881	19.634	48.810.961	58.99%
2	Kinh doanh, thương mại	7.935.097	5.530.511	2.404.586	58.692	-	7.876.405	4.886.585	1.438.196	1.438.196	-	-	3.448.389	-	-	2.656.744	266.317	66.759	6.438.209	29.43%
3	Tin dụng	47.064	47.064	-	-	-	47.064	-	-	-	-	-	-	-	-	47.064	-	-	47.064	-
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	261.217	258.417	2.800	-	-	261.217	2.800	2.800	2.800	-	-	-	-	-	258.417	-	-	258.417	100.00%
5	DS trong hình sự (các tội XPT-TQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	31.658.658	22.752.725	8.905.933	410.557	-	31.248.101	12.410.986	3.846.165	3.845.035	1.130	-	8.564.821	-	-	18.619.189	216.119	1.807	27.401.936	30.99%
7	DS trong hành chính	9.220	4.820	4.400	-	-	9.220	4.600	4.400	4.400	-	-	200	-	-	4.620	-	-	4.820	95.65%
8	Hôn nhân và gia đình	6.098.906	2.182.441	3.916.465	13.846	-	6.085.060	5.082.403	3.512.827	3.512.827	-	-	1.507.532	-	62.044	947.795	54.862	-	2.572.233	69.12%
9	Lao động	31.245	8.245	23.000	-	-	31.245	23.000	23.000	23.000	-	-	-	-	-	8.245	-	-	8.245	100.00%
10	Phá sản	1	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	0.00%
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	212.391	112.390	100.001	-	-	212.391	120.001	100.001	100.001	-	-	20.000	-	-	92.390	-	-	112.390	83.33%
II	Tổng số việc theo yêu cầu	4.419.968.919	3.156.537.734	1.263.431.185	80.538.834	-	4.339.430.085	2.134.971.089	439.591.930	399.968.202	39.623.728	-	1.692.334.799	3.044.360	-	1.453.158.197	450.661.465	300.639.334	3.899.838.155	20.59%
1	Dân sự	2.867.160.244	1.877.865.491	989.294.753	69.007.193	-	2.798.153.051	1.415.758.963	369.294.653	336.706.847	32.587.806	-	1.043.720.898	2.743.412	-	971.788.883	373.434.967	37.170.238	2.428.858.398	26.08%
2	Kinh doanh, thương mại	1.062.755.177	942.718.867	120.036.310	7.000.327	-	1.055.754.850	398.617.975	12.857.648	12.379.190	478.458	-	385.760.327	-	-	336.155.007	57.512.772	263.469.096	1.042.897.202	3.23%
3	Tin dụng	324.782.203	230.267.247	94.514.956	3.419.989	-	321.362.214	236.055.726	18.537.756	18.537.756	-	-	217.517.970	-	-	79.974.261	5.332.227	-	302.824.458	7.85%
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	6.780.545	5.887.720	892.825	-	-	6.780.545	210.000	210.000	210.000	-	-	-	-	-	6.570.545	-	-	6.570.545	100.00%
5	DS trong hình sự (các tội XPT-TQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	57.623.301	50.243.057	7.380.244	669.245	-	56.954.056	10.587.965	3.198.118	2.862.056	336.062	-	7.389.847	-	-	33.601.167	12.764.924	-	53.755.938	30.21%
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	86.959.755	36.915.214	50.044.541	372.001	-	86.587.754	71.715.907	35.370.668	29.203.753	6.166.915	-	36.044.291	300.948	-	13.255.272	1.616.575	-	51.217.086	49.32%
9	Lao động	742.464	709.264	33.200	-	-	742.464	394.176	-	-	-	-	394.176	-	-	348.288	-	-	742.464	0.00%
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	13.149.830	11.915.474	1.234.356	70.079	-	13.079.751	1.630.377	123.087	68.600	54.487	-	1.507.290	-	-	11.449.374	-	-	12.956.664	7.55%
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	15.400	15.400	-	-	-	15.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.400	-

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Vũ



**PHẦN TÍCH MỘT SỐ CHỦ TIÊU TIỀN
THI HÀNH AN DÂN SỰ**

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
1	Số đình chỉ thi hành án	1.377.131	39.623.728
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	9.963	398.252
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	200	210.752
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50	-	38.549.110
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	1.364.468	465.614
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	2.500	-
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	Trường hợp khác	62.044	-
2.1	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-
2.2	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	-	-
2.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền	62.044	-
3	Số hoãn thi hành án	4.995.179	453.705.825
3.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	2.236	1
3.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	5.000	-
3.3	Điểm c khoản 1 Điều 48	-	3.044.360
3.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	4.198.756	274.906.734
3.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	128.454	11.854.167
3.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	62.103	67.558
3.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	8.583
3.8	Điểm h khoản 1 Điều 48	-	-
3.9	Khoản 2 Điều 48	598.630	163.824.422
4	Số tạm đình chỉ thi hành án	88.200	300.639.334
4.1	Khoản 1 Điều 49	88.200	300.639.334
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
5	Số chưa có điều kiện theo Điều 44a	40.874.786	1.453.158.197
5.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	39.587.993	1.423.654.600
5.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	5.000	10.000
5.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	1.281.793	29.493.597
5.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
6	Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng	30.570.112	614.884.576

*Ghi chú: Mục (6) Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng có số theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

* Các ô bôi vàng không thực hiện thống kê

Biểu số: 03/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019

KẾT QUẢ THI HÀNH CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
06 tháng/năm 2024

Đơn vị tính: Bàn án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo đôi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:			Đang thi hành	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo đôi riêng)	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án			
										Chia ra:										
										Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ						Giảm nghĩa vụ thi hành án		
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Tổng số việc	3.632	8.559	3.772	4.787	24	-	8.535	5.580	3.724	3.692	32	-	1.853	3	2.520	425	10	4.811	66,74%
II	Tổng số tiền	-	111.888.296	70.524.838	41.363.458	1.149.154	1.416	110.737.726	60.132.971	23.864.335	23.202.634	661.701	-	36.206.592	62.044	45.796.335	4.722.554	85.866	86.873.391	39,69%
1	Án phí	-	67.882.481	47.018.271	20.864.210	767.743	1.416	67.113.322	36.106.818	10.510.550	9.909.183	601.367	-	25.534.224	62.044	26.233.778	4.693.135	79.591	56.602.772	29,11%
2	Lệ phí	-	41.706	29.370	12.336	-	-	41.706	41.706	10.050	10.050	-	-	31.656	-	-	-	-	31.656	24,10%
3	Phạt	-	23.763.294	17.528.369	6.234.925	372.370	-	23.390.924	8.520.578	2.738.800	2.702.191	36.609	-	5.781.778	-	14.845.346	25.000	-	20.652.124	32,14%
4	Tịch thu	-	4.203.078	3.458.908	744.170	2.540	-	4.200.538	1.002.042	689.416	674.716	14.700	-	312.626	-	3.197.946	550	-	3.511.122	68,80%
5	Truy thu	-	2.425.261	2.125.891	299.370	6.500	-	2.418.761	1.046.735	140.607	131.582	9.025	-	906.128	-	1.372.026	-	-	2.278.154	13,43%
6	Thu khác	-	13.572.476	364.029	13.208.447	1	-	13.572.475	13.415.092	9.774.912	9.774.912	-	-	3.640.180	-	147.239	3.869	6.275	3.797.563	72,87%

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024


KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Vũ

Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

Đơn vị tính: Bàn án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bàn án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:								Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo đổi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo đổi riêng)	Thụ lý mới					Chia ra:					Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác					
										Tổng số thi hành xong	Chia ra:											
											Thi hành xong	Đình chỉ										
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
Tổng số		6.548	19.097	10.848	8.249	89	-	19.008	11.345	5.653	5.505	148	5.679	10	3	6.346	1.302	15	13.355	49.83%		
I	Cục THADS tỉnh Tiền Giang	170	488	233	255	3	-	485	325	139	139	-	186	-	-	142	17	1	346	42.77%		
1	Phạm Văn Hân	1	3	-	3	0		3	3	3	3	0	0	-	-	0	0	0	-	100.00%		
2	Đinh Ngọc On	2	4	0	4	0		4	4	4	4	0	0	-	-	0	0	0	-	100.00%		
3	Đặng Thị Cẩm Hà	11	33	18	15	0		33	15	10	10	0	5	-	-	18	0	0	23	66.67%		
4	Trần Thị Kim Tuyền	22	69	34	35	1		68	47	30	30	0	17	-	-	18	3	0	38	63.83%		
5	Lê Anh Quốc	53	162	86	76	1		161	97	42	42	0	55	-	-	54	10	0	119	43.30%		
6	Nguyễn Trọng Thiên	9	28	17	11	0		28	16	9	9	0	7	-	-	11	1	0	19	56.25%		
7	Nguyễn Cẩm Tiên	4	14	7	7	0		14	10	1	1	0	9	-	-	2	2	0	13	10.00%		
8	Trần Văn Dũng	45	98	31	67	0		98	79	21	21	0	58	-	-	18	0	1	77	26.58%		
9	Nguyễn Thanh Điền	21	75	40	35	1		74	52	17	17	0	35	-	-	21	1	0	57	32.69%		
10	Nguyễn Thanh Vũ	2	2	0	2	0		2	2	2	2	0	0	-	-	0	0	0	-	100.00%		
II	Các Chi cục THADS	6.378	18.609	10.615	7.994	86	-	18.523	11.020	5.514	5.366	148	5.493	10	3	6.204	1.285	14	13.009	50.04%		
1	Chi cục THA H. Cái Bè	824	2.786	1.656	1.130	3	-	2.783	1.690	790	753	37	900	-	-	892	199	2	1.993	46.75%		
1.1	Nguyễn Văn Trộn	9	32	16	16	-	-	32	24	3	3	-	21	-	-	7	1	-	29	12.50%		
1.2	Lê Hoàng Hiệp	90	190	94	96	-	-	190	143	54	52	2	89	-	-	43	3	1	136	37.76%		
1.3	Nguyễn Thị Phương	74	209	72	137	-	-	209	169	120	119	1	49	-	-	32	8	-	89	71.01%		
1.4	Lê Văn Mong	60	235	143	92	-	-	235	127	63	60	3	64	-	-	89	19	-	172	49.61%		
1.5	Nguyễn Văn Khâm	67	177	108	69	-	-	177	106	53	53	-	53	-	-	61	10	-	124	50.00%		
1.6	Nguyễn Việt Thắng	45	350	269	81	-	-	350	154	52	52	-	102	-	-	133	63	-	298	33.77%		
1.7	Phạm Văn Tâm	69	265	194	71	2	-	263	121	43	40	3	78	-	-	113	28	1	220	35.54%		
1.8	Mai Thanh Bình	78	168	73	95	-	-	168	120	81	70	11	39	-	-	43	5	-	87	67.50%		
1.9	Trương Phi Hùng	32	243	156	87	-	-	243	141	68	68	-	73	-	-	74	28	-	175	48.23%		
1.10	Lê Nhật Nam	108	323	202	121	-	-	323	163	71	69	2	92	-	-	140	20	-	252	43.56%		
1.11	Phạm Ngọc Thanh	70	197	95	102	-	-	197	126	61	55	6	65	-	-	59	12	-	136	48.41%		
1.12	Hồ Thành Nguyên	78	277	173	104	1	-	276	194	72	71	1	122	-	-	82	-	-	204	37.11%		
1.13	Hồ Lê Thế Bảo	44	120	61	59	-	-	120	102	49	41	8	53	-	-	16	2	-	71	48.04%		
2	Chi cục THA H. Cai Lậy	1.069	2.905	1.793	1.112	8	-	2.897	1.508	832	820	12	676	-	-	1.225	164	-	2.065	55.17%		
2.1	Nguyễn Thị Mộng Thu	-	4	-	4	-	-	4	4	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%		

2.2	Phạm Văn Phi	141	300	159	141	-	-	300	197	128	125	3	69	-	-	77	26	-	172	64.97%
2.3	Nguyễn Ngọc Trang	128	384	243	141	3	-	381	182	109	106	3	73	-	-	176	23	-	272	59.89%
2.4	Lê Văn Đình	159	499	340	159	4	-	495	234	127	127	-	107	-	-	249	12	-	368	54.27%
2.5	Trần Văn Viên	261	595	334	261	-	-	595	321	165	165	-	156	-	-	229	45	-	430	51.40%
2.6	Lê Minh Hải	181	445	254	191	1	-	444	270	153	148	5	117	-	-	149	25	-	291	56.67%
2.7	Nguyễn Thành Tươi	77	309	222	87	-	-	309	104	52	52	-	52	-	-	173	32	-	257	50.00%
2.8	Nguyễn Văn Hùng	122	369	241	128	-	-	369	196	94	93	1	102	-	-	172	1	-	275	47.96%
3	Chi cục THA H. Châu Thành	820	3.122	1.973	1.149	3	-	3.119	1.574	816	812	4	755	-	3	1.150	395	-	2.303	51.84%
3.1	Nguyễn Khánh Linh	107	382	211	171	-	-	382	233	128	128	-	102	-	3	109	40	-	254	54.94%
3.2	Dương Đình Chính	59	239	160	79	-	-	239	108	63	63	-	45	-	-	70	61	-	176	58.33%
3.3	Phan Thanh Nhân	111	291	180	111	-	-	291	180	90	90	-	90	-	-	100	11	-	201	50.00%
3.4	Nguyễn Phạm Đan Thù	47	253	200	53	1	-	252	98	39	37	2	59	-	-	90	64	-	213	39.80%
3.5	Bùi Thị Mến	82	253	154	99	-	-	253	140	68	67	1	72	-	-	107	6	-	185	48.57%
3.6	Nguyễn Chí Tâm	128	397	226	171	-	-	397	222	110	110	-	112	-	-	156	19	-	287	49.55%
3.7	Nguyễn Thị Thanh Xuân	75	355	244	111	1	-	354	146	85	85	-	61	-	-	157	51	-	269	58.22%
3.8	Đặng Minh Đức	33	298	205	93	-	-	298	137	65	65	-	72	-	-	150	11	-	233	47.45%
3.9	Huỳnh Hoàng Hiệp	73	346	211	135	1	-	345	158	92	92	-	66	-	-	101	86	-	253	58.23%
3.10	Nguyễn Thanh Liêm	96	287	174	113	-	-	287	133	65	64	1	68	-	-	108	46	-	222	48.87%
3.11	Lê Thị Thùy	9	21	8	13			21	19	11	11		8			2			10	57.89%
4	Chi cục THA Tp. Mỹ Tho	696	2.190	1.408	782	22	-	2.168	1.091	492	469	23	599	-	-	973	97	7	1.676	45.10%
4.1	Tạ Thanh Tâm	22	28	6	22		-	28	28	14	13	1	14	-	-	-	-		14	50.00%
4.2	Nguyễn Anh Tuấn	67	190	118	72	2	-	188	87	32	31	1	55	-	-	90	10	1	156	36.78%
4.3	Trần Thị Mỹ Long	68	202	134	68	-		202	87	42	39	3	45	-		103	12		160	48.28%
4.4	Trần Thị Thu Bình	119	346	192	154	10		336	188	85	83	2	103	-		122	26		251	45.21%
4.5	Nguyễn Thị Liễu Nga	41	173	124	49	-	-	173	85	36	35	1	49	-	-	82	3	3	137	42.35%
4.6	Lê Trường	92	214	120	94			214	129	56	56		73			73	12		158	43.41%
4.7	Đặng Nghĩa Nhân	97	353	250	103	2	-	351	148	69	62	7	79	-	-	176	26	1	282	46.62%
4.8	Nguyễn Minh Thuật	42	161	98	63	1		160	94	42	38	4	52			64	2		118	44.68%
4.9	Mai Khánh Huy	92	269	171	98	1		268	130	68	67	1	62			131	5	2	200	52.31%
4.10	Nguyễn Thị Kiều Ny	56	253	194	59	6		247	114	48	45	3	66	-		132	1		199	42.11%
4.11	Nguyễn Ngọc Hạnh		1	1				1	1	-			1						1	0.00%
5	Chi cục THA H. Chợ Gạo	459	1.748	1.067	681	19	-	1.729	1.062	479	429	50	579	4	-	614	53	-	1.250	45.10%
5.1	Nguyễn Hoài Ân	58	251	157	94	1		250	156	73	72	1	83	-	-	94	-	-	177	46.79%
5.2	Mai Minh Khương	62	177	92	85			177	126	47	46	1	79			45	6		130	37.30%
5.3	Võ Đức Nhân	42	250	190	60	3		247	107	51	47	4	56			103	37		196	47.66%
5.4	Trần Thị Thu Thắm	65	188	89	99	3		185	154	89	76	13	65			29	2		96	57.79%
5.5	Hứa Văn Bắc	77	237	119	118	4		233	172	75	50	25	93	4		59	2		158	43.60%
5.6	Nguyễn Võ Mai Khanh	98	287	142	145	8		279	172	101	97	4	71			101	6		178	58.72%
5.7	Nguyễn Văn Phong	57	358	278	80	-	-	358	175	43	41	2	132	-	-	183			315	24.57%
6	Chi cục THA H. Gò Công Tây	578	1.236	619	617	2	-	1.234	833	401	391	10	426	6	-	325	74	2	833	48.14%
6.1	Nguyễn Lâm Sơn	3	4	1	3	1		3	3	3	3		-						-	100.00%
6.2	Từ Kim Khoảnh	141	231	82	149	1		230	191	114	110	4	77			39			116	59.69%
6.3	Nguyễn Thân Sinh	133	330	189	141			330	230	70	70		160			72	28		260	30.43%

6.4	Đặng Văn Lợi	96	215	112	103			215	150	85	82	3	59	6		51	12	2	130	56.67%
6.5	Ngô Văn Hoa	45	100	48	52			100	65	34	31	3	31			32	3		66	52.31%
6.6	Võ Anh Phương	160	356	187	169			356	194	95	95		99			131	31		261	48.97%
7	Chi cục THA TX. Gò Công	367	854	340	514	7	-	847	633	355	354	1	278	-	-	194	19	1	492	56.08%
7.1	Nguyễn Trương Dũng	67	208	94	114	-	-	208	147	81	81	-	66	-	-	51	9	1	127	55.10%
7.2	Nguyễn Thị Phương Lan	50	63	3	60	-	-	63	63	50	50	-	13	-	-	-	-	-	13	79.37%
7.3	Phạm Văn Thành	98	167	50	117	5	-	162	132	87	86	1	45	-	-	29	1	-	75	65.91%
7.4	Nguyễn Tấn Danh	67	180	87	93	-	-	180	136	49	49	-	87	-	-	44	-	-	131	36.03%
7.4	Tạ Kim Hồng	85	236	106	130	2	-	234	155	88	88	-	67	-	-	70	9	-	146	56.77%
8	Chi cục THA H. Gò Công Đông	452	1.111	411	700	3	-	1.108	905	524	523	1	381	-	-	174	29	-	584	57.90%
8.1	Ngô Văn Lập	10	28	9	19			28	28	28	28	-	-						-	100.00%
8.2	Nguyễn Hoàng Vũ	149	342	128	214	2		340	272	175	174	1	97			59	9		165	64.34%
8.3	Ngọc Phương Phương	97	221	62	159	1		220	190	143	143	-	47			23	7	-	77	75.26%
8.4	Nguyễn Ngọc Vinh	118	344	147	197	-	-	344	263	127	127	-	136	-	-	69	12	-	217	48.29%
8.5	Lê Thành Danh	78	176	65	111	-	-	176	152	51	51	-	101	-	-	23	1	-	125	33.55%
9	Chi cục THA H. Tân Phước	454	1.082	547	535	7	-	1.075	651	284	277	7	367	-	-	285	137	2	791	43.63%
9.1	Đoàn Văn Phong	13	25	5	20	-	-	25	25	17	17	-	8	-	-	-	-	-	8	68.00%
9.2	Lê Nguyễn Phương Thông	108	341	181	160	-	-	341	192	75	71	4	117	-	-	90	59	-	266	39.06%
9.3	Nguyễn Thị Mai Liên	158	380	208	172	3	-	377	211	83	82	1	128	-	-	99	65	2	294	39.34%
9.4	Trương Thị Kim Quyên	175	336	153	183	4	-	332	223	109	107	2	114	-	-	96	13	-	223	48.88%
9.5			-					-	-	-									-	
10	Chi cục THA H. Tân Phú Đông	250	508	220	288	3	-	505	392	200	198	2	192	-	-	110	3	-	305	51.02%
10.1	Nguyễn Thành Chương	4	12	7	5	-	-	12	12	8	8	-	4	-	-	-	-	-	4	66.67%
10.2	Nguyễn Ngọc Tĩnh	121	291	146	145	1	-	290	214	119	118	1	95	-	-	74	2	-	171	55.61%
10.3	Phan Đình Toàn	61	87	24	63	2	-	85	75	35	34	1	40	-	-	10	-	-	50	46.67%
10.4	Trần Thị Mỹ Nhân	64	118	43	75	-	-	118	91	38	38	-	53	-	-	26	1	-	80	41.76%
11	Chi cục THA TX. Cai Lậy	409	1.067	581	486	9	-	1.058	681	341	340	1	340	-	-	262	115	-	717	50.07%
11.1	Lê Văn Thái Ngọc	30	96	59	37	-		96	56	35	34	1	21	-	-	13	27	-	61	62.50%
11.2	Phan Hoàng Giang	115	331	201	130	-	-	331	211	101	101	-	110	-	-	96	24	-	230	47.87%
11.3	Hồ Quang Khải	139	336	176	160	2	-	334	190	100	100	-	90	-	-	106	38	-	234	52.63%
11.4	Phạm Thị Sương Mai	125	304	145	159	7	-	297	224	105	105	-	119	-	-	47	26	-	192	46.88%

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Vũ

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

2.2	Phạm Văn Phi	36.792.944	31.655.055	5.137.889	9.947	-	36.782.997	14.872.181	7.507.242	7.437.667	69.575	-	7.364.939	-	-	5.625.839	16.284.977	-	29.275.755	50.48%
2.3	Nguyễn Ngọc Trang	55.765.655	47.750.456	8.015.199	20.478	-	55.745.177	23.243.077	4.030.701	3.968.963	61.738	-	19.212.376	-	-	30.047.770	2.454.330	-	51.714.476	17.34%
2.4	Lê Văn Đình	47.272.374	25.617.475	21.654.899	2.047.200	-	45.225.174	26.873.514	11.773.448	11.773.448	-	-	15.100.066	-	-	14.815.632	3.536.028	-	33.451.726	43.81%
2.5	Trần Văn Viên	65.504.435	44.371.122	21.133.313	-	-	65.504.435	22.406.050	9.698.519	9.698.519	-	-	12.707.531	-	-	21.037.386	22.060.999	-	55.805.916	43.29%
2.6	Lê Minh Hải	80.881.860	57.323.027	23.558.833	21.449	-	80.860.411	51.300.566	4.955.486	4.823.104	132.382	-	46.345.080	-	-	23.700.177	5.859.668	-	75.904.925	9.66%
2.7	Nguyễn Thành Tươi	36.303.978	28.999.726	7.304.252	-	-	36.303.978	10.455.144	3.800.482	3.800.482	-	-	6.654.662	-	-	23.455.613	2.393.221	-	32.503.496	36.35%
2.8	Nguyễn Văn Hùng	40.740.132	35.624.527	5.115.605	-	-	40.740.132	11.350.753	2.047.029	1.689.662	357.367	-	9.303.724	-	-	29.319.379	70.000	-	38.693.103	18.03%
3	Chi cục THA H. Châu Thành	575.760.964	485.429.423	90.331.541	833.200	-	574.927.764	155.912.643	22.706.264	20.395.956	2.310.308	-	133.144.335	-	62.044	342.482.638	76.532.483	-	552.221.500	14.56%
3.1	Nguyễn Khánh Linh	30.518.963	16.417.118	14.101.845	-	-	30.518.963	20.052.984	685.208	685.208	-	-	19.305.732	-	62.044	7.234.985	3.230.994	-	29.833.755	3.42%
3.2	Dương Đình Chinh	128.358.457	118.656.738	9.701.719	-	-	128.358.457	17.805.044	5.863.317	4.887.226	976.091	-	11.941.727	-	-	100.637.827	9.915.586	-	122.495.140	32.93%
3.3	Phan Thanh Nhân	73.616.002	62.699.416	10.916.586	-	-	73.616.002	26.925.340	1.310.662	1.307.662	3.000	-	25.614.678	-	-	20.265.839	26.424.823	-	72.305.340	4.87%
3.4	Nguyễn Phạm Đan Thùý	20.723.098	16.431.294	4.291.804	5.200	-	20.717.898	12.487.972	1.803.345	1.400.190	403.155	-	10.684.627	-	-	5.657.753	2.572.173	-	18.914.553	14.44%
3.5	Bùi Thị Mến	23.600.886	17.221.436	6.379.450	-	-	23.600.886	13.539.363	2.312.474	1.705.407	607.067	-	11.226.889	-	-	8.395.523	1.666.000	-	21.288.412	17.08%
3.6	Nguyễn Chí Tâm	47.891.964	35.898.546	11.993.418	-	-	47.891.964	16.752.602	1.017.547	1.017.547	-	-	15.735.055	-	-	19.884.306	11.255.056	-	46.874.417	6.07%
3.7	Nguyễn Thị Thanh Xuân	44.769.830	34.689.569	10.080.261	48.000	-	44.721.830	16.502.286	2.155.249	2.152.144	3.105	-	14.347.037	-	-	18.060.523	10.159.021	-	42.566.581	13.06%
3.8	Đặng Minh Đức	29.951.582	23.304.082	6.647.500	-	-	29.951.582	12.268.646	1.432.448	1.430.448	2.000	-	10.836.198	-	-	16.039.599	1.643.337	-	28.519.134	11.68%
3.9	Huỳnh Hoàng Hiệp	27.732.523	18.367.576	9.364.947	719.800	-	27.012.723	12.688.001	5.465.345	5.214.535	250.810	-	7.222.656	-	-	7.470.767	6.853.955	-	21.547.378	43.07%
3.10	Nguyễn Thanh Liêm	147.444.280	140.593.969	6.850.311	60.200	-	147.384.080	5.792.226	657.619	592.539	65.080	-	5.134.607	-	-	138.780.316	2.811.538	-	146.726.461	11.35%
3.11	Lê Thị Thùy	1.153.379	1.149.679	3.700			1.153.379	1.098.179	3.050	3.050			1.095.129			55.200			1.150.329	0.28%
4	Chi cục THA Tp. Mỹ Tho	1.065.103.855	853.930.307	211.173.548	47.771.889	-	1.017.331.966	281.609.748	38.860.326	26.008.121	12.852.205	-	242.749.422	-	-	315.794.924	181.947.744	237.979.550	978.471.640	13.80%
4.1	Tạ Thanh Tâm	3.003.979	6	3.003.973			3.003.979	3.003.979	735.445	735.444	1		2.268.534	-	-	-	-	-	2.268.534	24.48%
4.2	Nguyễn Anh Tuấn	535.033.358	507.567.835	27.465.523		-	535.033.358	73.982.450	691.856	579.126	112.730	-	73.290.594	-	-	58.667.866	164.431.308	237.951.734	534.341.502	0.94%
4.3	Trần Thị Mỹ Long	50.217.955	45.781.859	4.436.096	0		50.217.955	13.014.222	1.351.356	789.395	561.961		11.662.866			36.641.114	562.619		48.866.599	10.38%
4.4	Trần Thị Thu Bình	64.504.766	45.232.005	19.272.761	1.239.409		63.265.357	36.520.905	10.004.037	4.921.149	5.082.888	-	26.516.868			24.322.090	2.422.362		53.261.320	27.39%
4.5	Nguyễn Thị Liễu Nga	36.162.617	23.411.956	12.750.661	0	-	36.162.617	13.062.900	3.163.614	3.102.257	61.357	-	9.899.286	-	-	22.027.121	1.046.987	25.609	32.999.003	24.22%
4.6	Lê Trường	100.807.021	37.553.847	63.253.174			100.807.021	67.206.136	2.082.173	2.046.719	35.454		65.123.963			22.672.765	10.928.120		98.724.848	3.10%
4.7	Đặng Nghĩa Nhân	123.335.093	64.546.870	58.788.223	#####	-	80.429.164	37.960.435	7.717.249	2.835.447	4.881.802	-	30.243.186	-	-	40.324.211	2.142.711	1.807	72.711.915	20.33%
4.8	Nguyễn Minh Thuật	15.155.608	13.093.040	2.062.568	99.297		15.056.311	4.352.740	1.354.063	783.286	570.777		2.998.677			10.672.477	31.094		13.702.248	31.11%
4.9	Mai Khánh Huy	50.140.467	34.942.373	15.198.094	3.155.660		46.984.807	17.801.147	8.461.986	7.961.986	500.000		9.339.161			28.800.717	382.543	400	38.522.821	47.54%
4.10	Nguyễn Thị Kiều Ny	86.679.400	81.736.925	4.942.475	371.594		86.307.806	14.641.243	3.298.547	2.253.312	1.045.235		11.342.696			71.666.563	-		83.009.259	22.53%
4.11	Nguyễn Ngọc Hạnh	63.591	63.591				63.591	63.591	-				63.591						63.591	0.00%
5	Chi cục THA H. Chợ Gạo	298.497.877	197.476.773	101.021.104	4.238.021	-	294.259.856	191.245.220	41.775.876	26.357.920	15.417.956	-	148.778.396	690.948	-	84.307.691	18.706.945	-	252.483.980	21.84%
5.1	Nguyễn Hoài Ân	30.640.370	17.268.232	13.372.138	28.000		30.612.370	23.011.790	8.675.574	8.203.556	472.018	-	14.336.216	-	-	7.600.580	-	-	21.936.796	37.70%
5.2	Mai Minh Khương	38.985.366	22.920.099	16.065.267			38.985.366	27.325.894	4.563.987	3.976.479	587.508		22.761.907			5.649.884	6.009.588		34.421.379	16.70%
5.3	Võ Đức Nhân	44.686.784	30.652.475	14.034.309	3.603.506		41.083.278	21.050.320	5.903.278	5.275.277	628.001		15.147.042			9.889.539	10.143.419		35.180.000	28.04%
5.4	Trần Thị Thu Thắm	27.957.269	11.782.674	16.174.595	208.575		27.748.694	21.286.127	7.731.586	1.097.972	6.633.614		13.554.541			6.356.289	106.278		20.017.108	36.32%
5.5	Hứa Văn Bắc	67.904.711	56.235.627	11.669.084	70.400		67.834.311	41.228.632	8.500.752	1.808.419	6.692.333		32.036.932	690.948		26.587.929	17.750		59.333.559	20.62%
5.6	Nguyễn Võ Mai Khanh	31.159.869	18.648.783	12.511.086	327.540		30.832.329	15.703.642	3.054.933	2.861.402	193.531		12.648.709			12.698.777	2.429.910		27.777.396	19.45%
5.7	Nguyễn Văn Phong	57.163.508	39.968.883	17.194.625	-	-	57.163.508	41.638.815	3.345.766	3.134.815	210.951		38.293.049			15.524.693			53.817.742	8.04%
6	Chi cục THA H. Gò Công Tây	214.115.771	130.830.214	83.285.557	2.264.120	-	211.851.651	127.569.245	43.679.527	41.739.379	1.940.148	-	81.636.306	2.253.412	-	42.458.881	16.239.404	25.584.121	168.172.124	34.24%
6.1	Nguyễn Lâm Sơn	13.492	1	13.491	8.621		4.871	4.871	4.871	4.871									-	100.00%

6.2	Từ Kim Khoảnh	24.902.537	13.081.034	11.821.503	25.970		24.876.567	22.235.776	10.886.069	10.746.343	139.726		11.349.707				2.640.791			13.990.498	48.96%
6.3	Nguyễn Thân Sinh	48.921.469	27.569.412	21.352.057			48.921.469	35.043.471	9.495.986	9.495.986			25.547.485				8.720.760	5.157.238		39.425.483	27.10%
6.4	Đặng Văn Lợi	73.745.282	52.586.510	21.158.772			73.745.282	43.519.125	9.002.170	7.923.625	1.078.545		32.263.543	2.253.412			4.092.397	549.639	25.584.121	64.743.112	20.69%
6.5	Ngô Văn Hoa	18.234.942	10.321.225	7.913.717			18.234.942	6.760.834	4.281.681	3.633.397	648.284		2.479.153				3.503.247	7.970.861		13.953.261	63.33%
6.6	Võ Anh Phương	48.298.049	27.272.032	21.026.017	2.229.529		46.068.520	20.005.168	10.008.750	9.935.157	73.593		9.996.418				23.501.686	2.561.666		36.059.770	50.03%
7	Chi cục THA TX. Gò Công	100.618.932	58.220.716	42.398.216	776.313	-	99.842.619	67.436.454	15.090.088	14.691.194	398.894	-	52.346.366	-	-	-	24.542.639	7.763.525	100.001	84.752.531	22.38%
7.1	Nguyễn Trương Dũng	22.896.360	16.179.025	6.717.335	-	-	22.896.360	13.521.519	4.167.778	4.002.004	165.774	-	9.353.741	-	-	-	8.718.244	556.596	100.001	18.728.582	30.82%
7.2	Nguyễn Thị Phương Lan	30.003	3	30.000	-	-	30.003	30.003	25.503	25.503	-	-	4.500	-	-	-	-	-	-	4.500	85.00%
7.3	Phạm Văn Thành	20.975.560	12.019.099	8.956.461	581.726	-	20.393.834	17.634.691	2.585.212	2.401.212	184.000	-	15.049.479	-	-	-	2.626.390	132.753	-	17.808.622	14.66%
7.4	Nguyễn Tấn Danh	28.909.508	16.622.191	12.287.317	-	-	28.909.508	23.627.858	4.968.725	4.968.725	-	-	18.659.133	-	-	-	5.281.650	-	-	23.940.783	21.03%
7.5	Tạ Kim Hồng	27.807.501	13.400.398	14.407.103	194.587		27.612.914	12.622.383	3.342.870	3.293.750	49.120	-	9.279.513	-	-	-	7.916.355	7.074.176	-	24.270.044	26.48%
8	Chi cục THA H. Gò Công Đông	318.064.883	245.763.091	72.301.792	3.515.189	-	314.549.694	170.885.328	31.942.092	31.786.092	156.000	-	138.943.236	-	-	-	137.373.793	6.290.573	-	282.607.602	18.69%
8.1	Ngô Văn Lập	10.509	9	10.500	-	-	10.509	10.509	10.509	10.509	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
8.2	Nguyễn Hoàng Vũ	177.626.143	146.004.078	31.622.065	3.514.989		174.111.154	96.494.981	17.247.079	17.091.079	156.000	-	79.247.902				76.393.440	1.222.733		156.864.075	17.87%
8.3	Nguyễn Ngọc Phương	21.783.046	8.960.499	12.822.547	200		21.782.846	18.764.362	2.368.342	2.368.342	-		16.396.020				1.913.169	1.105.315	-	19.414.504	12.62%
8.4	Nguyễn Ngọc Vinh	105.572.165	85.801.683	19.770.482	-	-	105.572.165	44.455.978	8.117.040	8.117.040	-	-	36.338.938	-	-	-	57.197.162	3.919.025	-	97.455.125	18.26%
8.5	Lê Thành Danh	13.073.020	4.996.822	8.076.198	-	-	13.073.020	11.159.498	4.199.122	4.199.122	-	-	6.960.376	-	-	-	1.870.022	43.500	-	8.873.898	37.63%
9	Chi cục THA H. Tân Phước	197.027.549	105.085.241	91.942.308	3.361.260	-	193.666.289	147.792.053	2.660.947	2.342.083	318.864	-	145.131.106	-	-	-	25.178.540	20.690.458	5.238	191.005.342	1.80%
9.1	Đoàn Văn Phong	84.716	30.003	54.713	-	-	84.716	84.716	52.416	52.416	-	-	32.300	-	-	-	-	-	-	21.142.104	61.87%
9.2	Lê Nguyễn Phương Thông	30.747.201	17.630.291	13.116.910	-	-	30.747.201	14.617.233	669.581	462.644	206.937	-	13.947.652	-	-	-	5.130.982	10.998.986	-	10.829.946	4.58%
9.3	Nguyễn Thị Mai Liên	71.336.493	44.741.998	26.594.495	420.828	-	70.915.665	61.635.278	662.768	584.955	77.813	-	60.972.510	-	-	-	4.176.918	5.098.231	5.238	35.990.900	1.08%
9.4	Trương Thị Kim Quyên	94.859.139	42.682.949	52.176.190	2.940.432	-	91.918.707	71.454.826	1.276.182	1.242.068	34.114	-	70.178.644	-	-	-	15.870.640	4.593.241	-	44.377.419	1.79%
							-	-	-												
10	Chi cục THA H. Tân Phú Đông	30.922.238	20.813.283	10.108.955	1.594.283	-	29.327.955	14.245.071	3.553.188	3.060.430	492.758	-	10.591.883	100.000	-	-	14.998.638	84.246	-	25.774.767	24.94%
10.1	Nguyễn Thành Chương	35.878	12.525	23.353	-	-	35.878	35.878	17.527	17.527	-	-	18.351	-	-	-	-	-	-	18.351	48.85%
10.2	Nguyễn Ngọc Tinh	15.551.023	11.458.770	4.092.253	1.507.232	-	14.043.791	7.034.306	2.736.016	2.321.912	414.104	-	4.198.290	100.000	-	-	6.984.739	24.746	-	11.307.775	38.90%
10.3	Phan Đình Toàn	3.162.116	1.085.234	2.076.882	87.051	-	3.075.065	2.218.145	413.679	335.025	78.654	-	1.804.466	-	-	-	856.920	-	-	2.661.386	18.65%
10.4	Trần Thị Mỹ Nhân	12.173.221	8.256.754	3.916.467	-	-	12.173.221	4.956.742	385.966	385.966	-	-	4.570.776	-	-	-	7.156.979	59.500	-	11.787.255	7.79%
11	Chi cục THA TX. Cai Lậy	181.791.522	99.970.277	81.821.245	11.658.797	-	170.132.725	129.196.545	43.706.909	43.627.975	78.934	-	85.489.636	-	-	-	20.290.985	20.645.195	-	126.425.816	33.83%
11.1	Lê Văn Thái Ngọc	30.390.518	14.291.713	16.098.805	200	-	30.390.318	21.528.316	10.194.758	10.127.288	67.470	-	11.333.558	-	-	-	2.334.271	6.527.731	-	20.195.560	47.36%
11.2	Phan Hoàng Giang	26.829.682	17.161.924	9.667.758	-	-	26.829.682	17.347.665	7.772.526	7.772.526	-	-	9.575.139	-	-	-	7.534.099	1.947.918	-	19.057.156	44.80%
11.3	Hồ Quang Khải	80.668.373	42.002.091	38.666.282	2.963	-	80.665.410	69.436.788	23.261.635	23.250.171	11.464	-	46.175.153	-	-	-	8.931.938	2.296.684	-	57.403.775	33.50%
11.4	Phạm Thị Sương Mai	43.902.949	26.514.549	17.388.400	11.655.634	-	32.247.315	20.883.776	2.477.990	2.477.990	-	-	18.405.786	-	-	-	9.872.862	-	-	29.769.325	11.87%

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Vũ

Biểu số: 06/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ, XÉT MIỄN VÀ GIẢM NGHĨA VỤ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP
Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Số đề nghị xét miễn		Số đã được xét miễn		Số đề nghị giảm		Số đã được xét giảm	
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A		1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số		8	19.625	1	2.500	-	-	-	-
I	Cục Thi hành án DS	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	8	19.625	1	2.500	-	-	-	-
1	Chi cục Thi hành án huyện Cái Bè	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi cục Thi hành án huyện Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước	1	2.500	1	2.500	-	-	-	-
4	Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Chi cục Thi hành án Tp. Mỹ Tho	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Chi cục Thi hành án huyện Chợ Gạo	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Tây	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi cục Thi hành án TX Gò Công	7	17.125	-	-	-	-	-	-
9	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Chi cục Thi hành án TX. Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Vũ

Biểu số: 07/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền
Giang
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP

Đơn vị tính: Việc

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc đã ra quyết định cưỡng chế	Chia ra:		Kết quả cưỡng chế	Chia ra:			
			Cưỡng chế không huy động lực lượng	Cưỡng chế có huy động lực lượng		Đương sự tự nguyện trước khi cưỡng chế	Cưỡng chế thành công	Cưỡng chế không thành công	Chưa tổ chức cưỡng chế
A		1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số		133	117	16	133	13	108	-	12
I	Cục Thi hành án DS	3	2	1	3	2	1	-	-
II	Các Chi cục THADS	130	115	15	130	11	107	-	12
1	Chi cục Thi hành án huyện Cái Bè	18	18	-	18	5	9	-	4
2	Chi cục Thi hành án huyện Cai Lậy	3	2	1	3	-	3	-	-
3	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước	2	-	2	2	-	2	-	-
4	Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Chi cục Thi hành án Tp. Mỹ Tho	8	5	3	8	4	4	-	-
6	Chi cục Thi hành án huyện Chợ Gạo	10	10	-	10	-	8	-	2
7	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Tây	26	26	-	26	-	23	-	3
8	Chi cục Thi hành án TX Gò Công	11	3	8	11	2	7	-	2
9	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông	33	33	-	33	-	32	-	1
10	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông	1	-	1	1	-	1	-	-
11	Chi cục Thi hành án TX. Cai Lậy	18	18	-	18	-	18	-	-

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT, CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Vũ

Biểu số: 08/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO
VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Việc và đơn

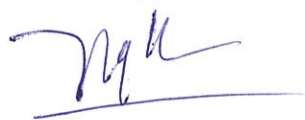
Đơn vị tính: Việc và đơn

STT	Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)	Đơn trùng (Đơn)	Số việc tiếp nhận (Việc)													Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
				Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết										Tổng số	Chia ra:				
							Tổng số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của CQ THAD	Quyết định về thi hành án			Áp dụng biện pháp cưỡng chế			Áp dụng biện pháp bảo đảm	Nội dung khác	Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác						
				Chia ra:		Quyết định thi hành án		Quyết định ủy thác	Quyết định hoãn/ Đình chỉ/ Tạm đình chỉ	Cưỡng chế kê biên tài sản	Cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá	Biện pháp cưỡng chế khác										
				Tổng số	Số năm trước chuyển sang								Số mới nhận									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
I	Tổng số (Khiếu nại)	64	-	64	-	64	64	-	-	-	1	-	3	3	57	-	64	17	9	-	33	5
II	Tổng số (Tổ cáo)	5	-	5	-	5	5	-	-	-	-	-	-	-	5	-	5	-	-	-	4	1
1	Cục Thi hành án dân sự						-										-					
1.1	Khiếu nại	20		20		20	20								20		20	4	1		14	1
1.2	Tổ cáo	4		4		4	4								4		4				3	1
2	Các Chi cục THADS																					
2.1	Khiếu nại	44	-	44	-	44	44		-	-	1	-	3	3	37		44	13	8		19	4
2.2	Tổ cáo	1	-	1	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1		-	-	1	
2.1.1	Chi cục THADS H. Cái Bè			-			-										-				1	
2.1.1.1	Khiếu nại	7		7		7	7								7		7	1	3		2	1
2.1.1.2	Tổ cáo			-			-										-					
2.1.2	Chi cục THADS H. Cai Lậy			-			-										-					
2.1.2.1	Khiếu nại	5		5		5	5							3	2		5	1	2		2	
2.1.2.2	Tổ cáo	1		1		1	1								1		1				1	
2.1.3	Chi cục THADS TX Cai Lậy			-			-										-					
2.1.3.1	Khiếu nại	4		4		4	4						1		3		4				3	1
2.1.3.2	Tổ cáo			-			-										-					
2.1.4	Chi cục THADS H. Châu Thành			-			-										-					
																	-					

2.1.4.1	Khiếu nại	7		7		7	7							7		7	3			2	2
2.1.4.2	Tổ cáo			-		-										-					
2.1.5	Chi cục THADS H. Tân Phước			-		-										-					
2.1.5.1	Khiếu nại	1		1		1	1					1				1				1	
2.1.5.2	Tổ cáo			-		-										-					
2.1.6	Chi cục THADS TP Mỹ Tho			-		-										-					
2.1.6.1	Khiếu nại	8		8		8	8							8		8	4	2		2	
2.1.6.2	Tổ cáo			-		-										-					
2.1.7	Chi cục THADS H. Chợ Gạo			-		-										-					
2.1.7.1	Khiếu nại	6		6		6	6			1		1		4		6	4			2	
2.1.7.2	Tổ cáo			-		-										-					
2.1.8	Chi cục THADS H. Gò Công Tây			-		-										-					
2.1.8.1	Khiếu nại	4		4		4	4							4		4				4	
2.1.8.2	Tổ cáo			-		-										-					
2.1.9	Chi cục THADS H. Gò Công Đông			-		-										-					
2.1.9.1	Khiếu nại	1		1		1	1							1		1		1			
2.1.9.2	Tổ cáo			-		-										-					
2.1.10	Chi cục THADS TX Gò Công			-		-										-					
2.1.10.1	Khiếu nại	1		1		1	1							1		1				1	
2.1.10.2	Tổ cáo			-		-										-					
2.1.11	Chi cục THADS H. Tân Phú Đông			-		-										-					
2.1.11.1	Khiếu nại			-		-										-					
2.1.11.2	Tổ cáo			-		-										-					

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Ngọc Hảo

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024



Nguyễn Thanh Vũ

Biểu số: 09/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP

ngày 21 tháng 11 năm 2019

Ngày nhận báo cáo:

TIẾP CÔNG DÂN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP

Đơn vị tính: Việc, Đoàn và Lượt

Đơn vị tính: Việc, Đoàn và Lượt

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng			Đoàn đông người			Lãnh đạo cơ quan tiếp			Số việc tiếp nhận (việc)							Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền		
											Chia theo nội dung				Chia theo thẩm quyền					
		Số lượt	Số người	Số vụ việc	Số đoàn	Số người	Số vụ việc	Số lượt	Số người	Số vụ việc	Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:				
												Khiếu nại	Tổ cáo	Kiên nghị, phản		Thuộc thẩm quyền	Khác	Tổng số	Số đã giải quyết	Số chưa giải quyết chuyển kỳ
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		57	57	57	0	0	0	32	32	32	57	27	0	30	57	31	26	31	31	0
1	Cục THADS	13	13	13	0	0	0	2	2	2	13	0	0	13	13	0	13	31	31	0
2	Chi cục THADS H. Cái Bè	10	10	10	0	0	0	10	10	10	10	5	0	5	10	0	13	0	0	0
3	Chi cục THADS H. Cai Lậy	5	5	5	0	0	0	2	2	2	5	1	0	4	5	5	0	5	5	0
4	Chi cục THADS TX. Cai Lậy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi cục THADS H. Tân Phước	1	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	1	1	0
6	Chi cục THADS H. Châu Thành	8	8	8	0	0	0	8	8	8	8	8	0	0	8	8	0	8	8	0
7	Chi cục THADS TP. Mỹ Tho	8	8	8	0	0	0	2	2	2	8	6	0	2	8	8	0	8	8	0
8	Chi cục THADS H. Chợ Gạo	4	4	4	0	0	0	4	4	4	4	4	0	0	4	4	0	4	4	0
9	Chi cục THADS H. Tân Phú Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi cục THADS H. Gò Công Tây	2	2	2	0	0	0	2	2	2	2	2	0	0	2	2	0	2	2	0
11	Chi cục THADS TX. Gò Công	3	3	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	3	3	0	3	0	0	0
12	Chi cục THADS H. Gò Công Đông	3	3	3	0	0	0	1	1	1	3	0	0	3	3	3	0	3	3	0

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Ngọc Hảo

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Vũ

Biểu số: 10/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP

ngày 21 tháng 11 năm 2019

Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

06 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP

Số TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám sát (cuộc)							Kết quả thực hiện kháng nghị kiểm sát (cuộc)							Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm sát (bản kiến nghị)							
		Tổng số cuộc	Cơ quan giám sát				Kết quả thực hiện kết luận giám sát			Tổng số kháng nghị đã nhận	Kháng nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kháng nghị khác			Tổng số kiến nghị đã nhận	Kiến nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kiến nghị khác		
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Khác	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Tổng số		5	-	-	-	5	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	8	-	-	1	-	-
I	Cục Thi hành án dân sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	8	-	-	1	-	-
II	Các Chi cục THADS	5	-	-	-	5	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi cục Thi hành án huyện Cái Bè	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	8	-	-	1	-	-
2	Chi cục Thi hành án huyện Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	3	-	-	1	-	-
3	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Chi cục Thi hành án Tp. Mỹ Tho	5	-	-	-	5	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Chi cục Thi hành án huyện Chợ Gạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-
7	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Tây	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-
8	Chi cục Thi hành án TX Gò Công	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
10	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Chi cục Thi hành án TX. Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Vũ

Biểu số: 11/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH
ÁN DÂN SỰ**
06 tháng/ 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Số TT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc thụ lý			Kết quả giải quyết						Kết quả chi trả				Đơn vị tính: Việc và 1.000 VN đồng				
		Tổng số	Chia ra:		Số việc chưa có bản án, quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật	Đã có bản án, quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật				Đã được cấp kinh phí bồi thường		Đã chi trả cho người bị thiệt hại		Đã có Quyết định hoàn trả có hiệu lực pháp luật		Đã thực hiện hoàn trả			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Tổng số		Chia ra:											
								Năm trước chuyển sang	Trong kỳ báo cáo										
						Số việc	Số tiền		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số																			
I	Cục Thi hành án DS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi cục THADS H. Cái Bè	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chi cục THADS H. Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chi cục THADS TX Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chi cục THADS H. Châu Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Chi cục THADS H. Tân Phước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Chi cục THADS TP Mỹ Tho	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Chi cục THADS H. Chợ Gạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi cục THADS H. Gò Công Tây	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Chi cục THADS H. Gò Công Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Chi cục THADS TX Gò Công	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Chi cục THADS Tân Phú Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024																			

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Ngọc Hảo

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Vũ

Biểu số: 12/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THEO DÕI VIỆC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH
06 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Tiền Giang
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS-BTP

Số TT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận từ Tòa án nhân dân	Chia ra:				Số QĐ buộc THAHC được Tòa án nhân dân chuyển giao cho cơ quan THADS chia theo nội dung theo dõi	Chia ra:				Kết quả theo dõi thi hành án hành chính										Số trường hợp người phải thi hành án bị xử lý trách nhiệm theo kiến nghị của cơ quan THADS		
			Tổng số bản án, quyết định có nội dung theo dõi	Chia ra:		Số bản án, quyết định không có nội dung theo dõi		Số bản án, quyết định đã ra thông báo tự nguyện THA	Số quyết định buộc thi hành án hành chính đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS làm việc với người phải thi hành án	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý do không chấp hành án	Tổng số	Chia ra:								Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi chưa thi hành xong		Chia ra:	
				Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới								Chia ra:				Tổng số	Chia ra:		Năm trước chuyển sang			Thụ lý mới	
													Kỳ trước chuyển sang		Thụ lý mới			Chia ra:						
													Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC	Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC		Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC					
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
Tổng số		11	5	3	2	6	9	5	2	2	0	5	1	1	0	0	0	4	1	3	0			
I	Cục THADS	11	5	3	2	6	9	5	2	2	0	5	1	1	0	0	0	4	1	3	0			
II	Các Chi cục THADS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Chi cục Thi hành án huyện Cái Bè	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	Chi cục Thi hành án huyện Cai Lậy	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
4	Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
5	Chi cục Thi hành án Tp. Mỹ Tho	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
6	Chi cục Thi hành án huyện Chợ Gạo	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
7	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Tây	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
8	Chi cục Thi hành án TX Gò Công	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
9	Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
10	Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú Đông	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
11	Chi cục Thi hành án TX. Cai Lậy	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Quốc Hùng

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

KT, CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Vũ

THỐNG KÊ THEO NGUYÊN NHÂN

TT	Nguyên nhân	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
I	Có điều kiện thi hành án	422	1.308.382.689	51.397.605	1.256.985.084
1	1.Thi hành xong	22	13.491.117	9.856.624	3.634.493
2	2.Đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
3	3.Đang thi hành	385	923.656.144	41.390.981	882.265.163
4	4.Hoãn thi hành án	9	63.323.849	150.000	63.173.849
5	5.Tạm đình chỉ thi hành án	3	300.522.333	-	300.522.333
6	6.Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-	-	-
7	7.Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	2	6.409.144	-	6.409.144
8	8.Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	1	980.102	-	980.102
9	9.Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	-	-	-	-
II	Chưa có điều kiện thi hành (chung)	353	242.539.248	47.277.474	195.261.774
III	Tỷ lệ (Thi hành xong + đình chỉ) / Tổng số có điều kiện thi hành	5.21%	7.28%		
	Cộng	775	1.550.921.937	98.675.079	1.452.246.858

Tiền Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu



Phạm Quốc Hùng

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

 Nguyễn Thanh Vũ

THỐNG KÊ THEO TỔ CHỨC TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
1	=:Các Ngân hàng chính sách (Nhà nước):=	14	39.595.241	15.123.593	24.471.648
1.1	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)	11	26.661.047	15.071.093	11.589.954
1.2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	3	12.934.194	52.500	12.881.694
2	=:Ngân hàng Hợp tác xã:=	11	1.398.416	114.111	1.284.305
2.1	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	11	1.398.416	114.111	1.284.305
2.2	Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam (Co-op bank, trước đây là Quỹ tín dụng nhân dân trung ương)	-	-	-	-
3	=:Ngân hàng Thương Mại Nhà nước:=	39	210.982.812	3.803.718	207.179.095
3.1	Đại Dương (Oceanbank)	-	-	-	-
3.2	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	37	131.548.202	3.803.718	127.744.485
3.3	Xây dựng Việt Nam (CBBANK, VNCB)	2	79.434.610	-	79.434.610
4	=:Ngân hàng thương mại cổ phần:=	586	1.287.160.897	79.611.657	1.207.549.240
4.1	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	15	48.880.835	83.915	48.796.920
4.2	An Bình (ABBank)	7	22.768.263	566.470	22.201.793
4.3	Bản Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	38	24.928.115	5.576.756	19.351.360
4.4	Bảo Việt (BaoVietBank, BVB)	2	4.012.985	2.300.000	1.712.985
4.5	Bắc Á (NASBank, NASB)	-	-	-	-
4.6	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	20	105.517.095	732.484	104.784.611
4.7	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	131	636.910.529	35.841.930	601.068.599
4.8	Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank)	-	-	-	-
4.9	Đại Chúng (PVcom Bank)	18	24.281.618	3.290.044	20.991.574
4.10	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	29	106.217.126	2.278.279	103.938.847
4.11	Đông Á (DAB)	34	67.300.338	5.643	67.294.695
4.12	Đông Nam Á (SeABank)	7	17.836.905	3.763.789	14.073.116
4.13	Hàng hải (Maritime Bank, MSB)	4	1.578.509	55.000	1.523.509
4.14	Kiên Long (KienLongBank)	18	8.953.299	169.173	8.784.126
4.15	Kỹ Thương (Techcombank)	3	11.334.453	-	11.334.453

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
4.16	Nam Á (Nam A Bank)	1	999.444	-	999.444
4.17	Ngoại thương (Vietcombank)	8	41.955.753	9.009.670	32.946.083
4.18	Phát Triển Mê Kông (MDB)	-	-	-	-
4.19	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	9	13.672.830	-	13.672.830
4.20	Phương Đông (Orient Commercial Bank, OCB)	4	4.630.814	1.000.000	3.630.814
4.21	Phương Nam (PNB)	-	-	-	-
4.22	Quân Đội (Military Bank, MB)	2	5.605.508	-	5.605.508
4.23	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	11	18.408.357	-	18.408.357
4.24	Quốc tế (VIBBank, VIB)	1	526.589	-	526.589
4.25	Sài Gòn (Sài Gòn, SCB)	3	20.617.327	9.817.018	10.800.309
4.26	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	6	181.481	-	181.481
4.27	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	143	33.862.880	4.686.578	29.176.302
4.28	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	2	12.945.864	-	12.945.864
4.29	Tiền Phong (Tien Phong Bank, TP Bank)	-	-	-	-
4.30	Việt Á (VietABank, VAB)	-	-	-	-
4.31	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	52	26.655.782	39.865	26.615.917
4.32	Việt Nam Thương Tín (VietBank)	1	30.960	-	30.960
4.33	Xăng dầu Petrolimex (Petrolimex Group Bank, PG Bank)	1	2.000.141	-	2.000.141
4.34	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	16	24.547.096	395.044	24.152.052
5	=:Ngân hàng 100% vốn nước ngoài:=	-	-	-	-
5.1	ANZ Việt Nam (ANZVL)	-	-	-	-
5.2	Hong Leong Việt Nam (HLBVN)	-	-	-	-
5.3	HSBC Việt Nam (HSBC)	-	-	-	-
5.4	Shinhan Việt Nam (SHBVN)	-	-	-	-
5.5	Standard Chartered Việt Nam (SCBVL)	-	-	-	-
5	=:Ngân hàng liên doanh:=	-	-	-	-
6.1	Indovina (IVB)	-	-	-	-
6.2	VID Public Bank	-	-	-	-
6.3	Việt – Nga (VRB)	-	-	-	-
6.4	Việt – Thái (VSB)	-	-	-	-
7	=:Công ty tài chính:=	64	2.124.091	22.000	2.102.091

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
7.1	Công ty tài chính cổ phần Điện Lực	-	-	-	-
7.2	Công ty tài chính cổ phần Handico	-	-	-	-
7.3	Công ty tài chính cổ phần Sông Đà	-	-	-	-
7.4	Công ty tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel	-	-	-	-
7.5	Công ty tài chính cổ phần Xi Măng	-	-	-	-
7.6	Công ty tài chính TNHH HD Saison	4	122.935	-	122.935
7.7	Công ty tài chính TNHH MTV Bưu điện	-	-	-	-
7.8	Công ty tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam	-	-	-	-
7.9	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	40	1.098.604	22.000	1.076.604
7.10	Công ty tài chính TNHH MTV Kỹ thương	-	-	-	-
7.11	Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	-	-	-	-
7.12	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	-
7.13	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	18	739.641	-	739.641
7.14	Công ty tài chính TNHH MTV Prudential Việt Nam	-	-	-	-
7.15	Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS	2	162.911	-	162.911
7.16	Công ty tài chính TNHH MTV Tàu thủy	-	-	-	-
7.17	Công ty tài chính TNHH MTV Toyota Việt Nam	-	-	-	-
8	=:Công ty cho thuê tài chính:=	3	7.560.688	-	7.560.688
8.1	Công ty CTTC I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	-	-
8.2	Công ty CTTC II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	-	-
8.3	Công ty CTTC TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy	-	-	-	-
8.4	Công ty CTTC TNHH MTV Kexim Việt Nam	-	-	-	-
8.5	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Á Châu	-	-	-	-
8.6	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	-	-	-
8.7	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	-
8.8	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Chailease	2	7.536.197	-	7.536.197

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
8.9	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	-	-	-	-
8.10	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	-
8.11	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1	24.491	-	24.491
9	=:Ngân hàng khác tại Việt Nam:=	58	2.099.791	-	2.099.791
9.1	Quỹ Cep (liên đoàn lao động Tp. Hồ Chí Minh)	1	90.872	-	90.872
9.2	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	56	1.971.153	-	1.971.153
9.3	Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)	-	-	-	-
9.4	Công ty Tài chính TNHH MTV Việt Nam	1	37.766	-	37.766
9.5	0	-	-	-	-
9.6	0	-	-	-	-
9.7	0	-	-	-	-
9.8	0	-	-	-	-
	Cộng	775	1.550.921.937	98.675.079	1.452.246.858

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu



Phạm Quốc Hùng

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Vũ

Đơn vị báo cáo:
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TIỀN GIANG

Đơn vị nhận báo cáo:
TỔNG CỤC THADS - BỘ TƯ PHÁP

Email: tdnh@moj.gov.vn

DANH SÁCH VIỆC THI HÀNH ÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Từ 01/10/2023 đến 31/3/2024 (06 tháng - 2024)

Biểu mẫu số: 01/TKTDNH-THADS
Ban hành kèm theo Công văn số: 517 /TC/THADS-NV/1 ngày 14/02/2017 của Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
I	TỔNG CỘNG	775	775	775	141	774	1.539.512.397	98.075.079	1.440.837.318	10	11
1	79/2019/QĐST-KDTM	141	141	141	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VSP)	Trần Thị Tuyết Mai; Trần Văn Út	131.542.257	33.974.940	97.567.317	141	0
2	150/2023/PQ-VTD	12/1/2019	86/QĐ-CTHADS	12/05/2020	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	26.238.774	15.018.578	11.220.196	Chưa có điều kiện thi hành	
3	157/2023/PQ-VTD	10/10/2023	80/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Lê Hoàng Nam	23.034	0	23.034	3.Đang thi hành	
4	186/2023/PQ-VTD	10/10/2023	81/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Bùi Thị Xen	49.677	0	49.677	3.Đang thi hành	
5	212/2023/PQ-VTD	10/10/2023	82/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Minh Hiếu	91.704	0	91.704	3.Đang thi hành	
6	213/2023/PQ-VTD	10/10/2023	83/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Lê Thị Kim Chung	20.789	0	20.789	3.Đang thi hành	
7	216/2023/PQ-VTD	10/10/2023	84/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thị Diết	27.055	0	27.055	3.Đang thi hành	
8	222/2023/PQ-VTD	10/10/2023	85/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Phạm Văn Dưa	21.075	0	21.075	3.Đang thi hành	
9	233/2023/PQ-VTD	10/10/2023	86/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thanh Phong	98.226	0	98.226	3.Đang thi hành	
10	242/2023/PQ-VTD	10/10/2023	87/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Huỳnh Hữu Đạt	29.569	0	29.569	3.Đang thi hành	
11	245/2023/PQ-VTD	10/10/2023	88/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Đào Đức Dương	23.471	0	23.471	3.Đang thi hành	
12	245/2023/PQ-VTD	10/10/2023	89/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Huỳnh Thanh Nhã	39.662	0	39.662	3.Đang thi hành	
13	270/2023/PQ-VTD	10/10/2023	90/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Đào Văn Sang	22.010	0	22.010	3.Đang thi hành	
14	277/2023/PQ-VTD	10/10/2023	91/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Đào Văn Sang	27.681	0	27.681	3.Đang thi hành	
15	286/2023/PQ-VTD	10/10/2023	92/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Võ Thị Tào	26.355	0	26.355	3.Đang thi hành	
16	299/2023/PQ-VTD	10/10/2023	93/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Bùi Thanh Bình	23.616	0	23.616	3.Đang thi hành	
17	315/2023/PQ-VTD	10/10/2023	94/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thị Thu Trang	20.671	0	20.671	3.Đang thi hành	
18	334/2023/PQ-VTD	10/10/2023	95/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Dương Hữu Phước	20.673	0	20.673	3.Đang thi hành	
19	335/2023/PQ-VTD	10/10/2023	96/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Mai Phúc Như	23.573	0	23.573	3.Đang thi hành	
20	330/2023/PQ-VTD	10/10/2023	97/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Phạm Chí Thanh	38.452	0	38.452	3.Đang thi hành	
21	337/2023/PQ-VTD	10/10/2023	98/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thanh Duy	27.525	0	27.525	3.Đang thi hành	
22	350/2023/PQ-VTD	10/10/2023	99/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thị Diễm	28.617	0	28.617	3.Đang thi hành	
23	352/2023/PQ-VTD	10/10/2023	100/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thủy Hằng	37.039	0	37.039	3.Đang thi hành	
24	356/2023/PQ-VTD	10/10/2023	101/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Văn Như	24.001	0	24.001	3.Đang thi hành	
25	364/2023/PQ-VTD	10/10/2023	102/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Quốc Cường	27.267	0	27.267	3.Đang thi hành	
26	370/2023/PQ-VTD	10/10/2023	103/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Minh Quang	27.511	0	27.511	3.Đang thi hành	
27	374/2023/PQ-VTD	10/10/2023	104/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Lê Thanh Phúc	25.529	0	25.529	3.Đang thi hành	
28	381/2023/PQ-VTD	10/10/2023	105/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Hồ Văn Tron	28.648	0	28.648	3.Đang thi hành	
29	386/2023/PQ-VTD	10/10/2023	106/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Hoàng Đức Duy	20.455	0	20.455	3.Đang thi hành	
30	394/2023/PQ-VTD	10/10/2023	107/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thị Kim Ngân	28.998	0	28.998	3.Đang thi hành	
31	395/2023/PQ-VTD	10/10/2023	108/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Văn Hoài	11.235	0	11.235	3.Đang thi hành	
32	402/2023/PQ-VTD	10/10/2023	109/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Văn Minh	19.649	0	19.649	3.Đang thi hành	
33	417/2023/PQ-VTD	10/10/2023	110/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Trần Thanh Nguyên	45.408	0	45.408	3.Đang thi hành	
34	461/2023/PQ-VTD	10/10/2023	111/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Mai Văn Lâm	20.771	0	20.771	3.Đang thi hành	
35	483/2023/PQ-VTD	10/10/2023	112/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Đoàn Phương Thái	22.141	0	22.141	3.Đang thi hành	
36	487/2023/PQ-VTD	10/10/2023	113/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Phạm Phương Anh	26.896	0	26.896	3.Đang thi hành	
37	497/2023/PQ-VTD	10/10/2023	114/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Văn Út Đạt	27.583	0	27.583	3.Đang thi hành	
38	506/2023/PQ-VTD	10/10/2023	115/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Phạm Trung Tuyền	21.286	0	21.286	3.Đang thi hành	
39	14/QĐST-KDTM	25/09/2012	116/QĐ-CTHADS	14/03/2024	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Trần Minh Tâm	21.634	0	21.634	3.Đang thi hành	
40	14/2011/KDTM-ST				Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Hoàng An- Đỗ Thị Hương Giang, ấp 10, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	261.283	244.543	16.740	Chưa có điều kiện thi hành	
41	394/2023/PQ-VFC	15/02/2011	68/QĐ-CTHADS	19/10/2011	Đông Á (OAB)	Lê Văn Thắng; Áp Lương Trì, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	329.593	0	329.593	3.Đang thi hành	
		28/03/2022	44/QĐ-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Hoài Văn; 40/17 Trương Vĩnh Ký, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	22.705	0	22.705	3.Đang thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành bản án	Ngày ban hành quyết định thi hành bản án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
42	384/2022/PQ-VFC	28/03/2022	43/QB-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Ngô Thanh Phương, 25D Lê Thị Hồng Gấm, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	25.813	0	25.813	3. Đang thi hành	
43	1139/2022/PQ-VFC	28/03/2022	38/QB-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Ngô Văn Tân, ấp Kinh 2B, xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	24.112	0	24.112	3. Đang thi hành	
44	22/2023/PQ-TT	09/01/2023	29/QB-CTHADS	07/11/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Phạm Minh Thành, ấp Tân Lương A, xã Tân Phước, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	46.319	0	46.319	3. Đang thi hành	
45	1989/2023/QB-PT	17/04/2023	08/QB-CTHADS	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Trần Quang Vinh, 993A Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	31.475	0	31.475	3. Đang thi hành	
46	1782/2023/QB-PT	12/04/2023	06/QB-CTHADS	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Văn Miêng, 107/13 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	27.614	0	27.614	3. Đang thi hành	
47	1991/2023/PQ-TT	17/04/2023	02/QB-CTHADS	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Trần Thị Mười, ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	22.132	0	22.132	3. Đang thi hành	
48	62/2021/PQ-VFC	15/03/2021	01/QB-CTHADS	02/10/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Đặng Nhật Thạc, ấp Mỹ Thuận, xã Long Tuyền, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	82.220	0	82.220	3. Đang thi hành	
49	92/2023/PQ-TT	09/01/2023	114/QB-CTHADS	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Hoa, ấp Tân Đông, xã Ngự Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	38.927	0	38.927	Chưa có điều kiện thi hành	
50	229/2023/PQ-TT	13/01/2023	113/QB-CTHADS	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Lê Thị Tuyết Mai, Số 256, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	37.985	0	37.985	Chưa có điều kiện thi hành	
51	1207/6/2022/PQ-TT	19/12/2022	111/QB-CTHADS	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Đặng Thị Hoa, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	40.834	0	40.834	3. Đang thi hành	
52	52/18	03/05/2019	101/QB-CTHADS	09/06/2023	Công ty tài chính TNHH HD Saigon	Nguyễn Minh Nhứt, Ấp 11, xã Mỹ Thạnh Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	29.306	0	29.306	3. Đang thi hành	
53	772/2022/PQ-VFC	28/03/2022	86/QB-CTHADS	20/03/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Công ty tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Bằng Nang, Ấp 3, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	36.689	0	36.689	3. Đang thi hành	
54	751/2021/PQ-TT	25/01/2021	74/QB-CTHADS	11/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Từ Hữu Nghi, ấp Bình Phú, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	16.733	0	16.733	Chưa có điều kiện thi hành	
55	86/6/2021/PQ-TT	27/01/2021	66/QB-CTHADS	10/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Văn Mính, Số 580, Tổ 16, Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	17.213	0	17.213	3. Đang thi hành	
56	3793/2019/PQ-TT	19/07/2019	34/QB-CTHADS	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Trần Văn Bè, Ấp 2, xã Thanh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	19.950	0	19.950	Chưa có điều kiện thi hành	
57	3696/2019/PQ-TT	16/07/2019	32/QB-CTHADS	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	22.249	0	22.249	Chưa có điều kiện thi hành	
58	03/2017/PQT-TT	17/08/2017	28/QB-CTHADS	29/12/2017	Sài Gòn (Sài Gòn, SCB)	Công ty TNHH Tài Lộc Khang Thịnh Phát, ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	20.000.000	9.717.018	10.282.982	Chưa có điều kiện thi hành	
59	7590/2017/PQ-TT	26/04/2017	37/QB-CTHADS	31/01/2018	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Tấn Minh, ấp Xuân Hòa, xã Hộ Xương, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	16.601	0	16.601	Chưa có điều kiện thi hành	
60	02/2021/QBST-DS	07/05/2021	68/QB-CTHADS	12/07/2022	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Nông sản Cây Trôm, ấp 2, xã Thanh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	37.053.237	0	37.053.237	5. Tạm đình chỉ thi hành án	
61	234/2020/QBST-DS	26/11/2020	161/QB-CTHADS	29/04/2021	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Công Thương, Phạm Thị Mỹ Nhỏ	19.302.057	6.596.391	12.705.666	3. Đang thi hành	
62	236/2022/PQ-VFC	29/09/2022	42/QB-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Trương Bích Anh, Thư, ấp Kinh Ngang, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	46.989	-	46.989	3. Đang thi hành	
63	1307/2022/PQ-VFC	28/03/2022	39/QB-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Lê Thủy Linh, ấp Phú An, xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	23.090	-	23.090	3. Đang thi hành	
64	1134/2022/PQ-VFC	28/03/2022	37/QB-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thị Thanh Loan, ấp An Bình, xã An Cư, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	23.728	-	23.728	3. Đang thi hành	
65	1123/2022/PQ-VFC	28/03/2022	36/QB-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Bùi Lê Hoài Phương, 109 Tô Kiệt, khu phố 3, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	22.379	-	22.379	3. Đang thi hành	
66	29/2022/QBST-DS	03/08/2022	134/QB-CTHADS	25/07/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agrivina)	Phan Văn Mạnh Phát, Số 45/4A, ấp Mỹ An, xã Mỹ Phước, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.036.452	-	1.036.452	3. Đang thi hành	
67	1331/2022/PQ-VFC	28/03/2022	87/QB-CTHADS	20/03/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Lê Đình Khoa, khu phố 3, phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	24.424	-	24.424	3. Đang thi hành	
68	33/2022/PQ-VSFC	15/08/2022	81/QB-CTHADS	14/03/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Thái Vinh, ấp Tân Bình 1, xã Tân Thành Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	54.217	-	54.217	3. Đang thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành bản án	Ngày hành quyết định thi hành bản án	Người được thi hành bản án	Người phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản đã thi hành bản án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành bản án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
69	263/2021/PQ-VFC	25/06/2021	32/QĐ-CTHADS	10/11/2022	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Văn Xuyên; áp Mỹ Hời, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	19.106	-	19.106	3. Đang thi hành	
70	68/2021/PQ-VFC	15/03/2021	26/QĐ-CTHADS	10/11/2022	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Lê Hữu Phước; 61 Ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	95.191	-	95.191	Chưa có điều kiện thi hành	
71	3850/2019/PQ-TT	20/07/2019	29/QĐ-CTHADS	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Phan Nguyễn, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	24.985	-	24.985	Chưa có điều kiện thi hành	
72	140/2020/QĐ-PT; 46/2018/DS-ST	29/05/2020; 31/08/2018	09/QĐ-CTHADS	19/10/2020	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BDV)	Nguyễn Thị Kim Quý; Trần Thị Anh Dương; Trần Văn Đức;	520.664	402.021	118.643	Chưa có điều kiện thi hành	
73	312/2016/TTSGRQ	22/12/2016	42/QĐ-CTHADS	30/06/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Lê Văn Tuấn; áp An Thọ, xã An Thạnh Thới, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	27.357	-	27.357	Chưa có điều kiện thi hành	
74	354/2016/TTSGRQ	22/12/2016	39/QĐ-CTHADS	22/06/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Thị Vân; áp Hiệp Trì, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	49.400	-	49.400	3. Đang thi hành	
75	133/2012/KDTM-PT	10/04/2012	32/QĐ-CTHADS	06/11/2013	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Đặng Thị Thoir; Tô 5, Ấp Mỹ Lợi, xã Thiệu Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	159.226	-	159.226	3. Đang thi hành	
76	1324/2022/PQ-VFC	28/03/2022	40/QĐ-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Trần Thị Ngọc Lợi	23.268	-	23.268	3. Đang thi hành	
77	424/2022/PQ-VFC	28/03/2022	35/QĐ-CTHADS	27/11/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Nguyễn Thị Thảo Vi	25.197	-	25.197	3. Đang thi hành	
78	165/2023/PQ-TT	09/01/2023	09/QĐ-CTHADS	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thanh Xuân	40.565	-	40.565	3. Đang thi hành	
79	1781/2023/PQ-TT	12/04/2023	05/QĐ-CTHADS	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Huyền Thị Hoàng Oanh	23.110	-	23.110	3. Đang thi hành	
80	11949/2022/PQ-TT	15/12/2022	118/QĐ-CTHADS	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Hà Văn Minh	41.788	-	41.788	Chưa có điều kiện thi hành	
81	12020/2022/PQ-TT	19/12/2022	117/QĐ-CTHADS	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Võ Văn Phước	44.040	-	44.040	3. Đang thi hành	
82	23/2023/PQ-TT	09/01/2023	112/QĐ-CTHADS	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Võ Minh Khang	45.230	-	45.230	Chưa có điều kiện thi hành	
83	25/2023/PQ-TT	09/01/2023	109/QĐ-CTHADS	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Vân	42.997	-	42.997	Chưa có điều kiện thi hành	
84	670/2022/PQ-VFC	28/03/2022	84/QĐ-CTHADS	20/03/2023	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Trần Thị Diễm Hằng	47.598	-	47.598	3. Đang thi hành	
85	271/2021/PQ-VFC	25/06/2021	34/QĐ-CTHADS	10/11/2022	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Ngô Thị Thảo Thương	33.885	-	33.885	Chưa có điều kiện thi hành	
86	29/2021/PQ-VFC	15/11/1920	31/QĐ-CTHADS	10/11/2022	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Lê Thị Cẩm Trang	89.128	-	89.128	Chưa có điều kiện thi hành	
87	39/2021/PQ-VFC	15/03/2021	30/QĐ-CTHADS	10/11/2022	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Trần Diễm Châu Pha	95.287	-	95.287	Chưa có điều kiện thi hành	
88	191/2021/PQ-VFC	15/03/2021	29/QĐ-CTHADS	10/11/2022	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Trần Thanh Phong	90.858	-	90.858	Chưa có điều kiện thi hành	
89	562/2020/PQTT-HĐTT; 56-1/2021/PQTT-HĐTT	19/11/2020; 08/10/2021	65/QĐ-CTHADS	07/09/2022	Sài Gòn (Sài Gòn, SCB)	Đặng Thị Thảo Vân Huỳnh Văn Thảo	134.124	100.000	34.124	3. Đang thi hành	
90	11/2017/KDTM-ST	07/09/2017	202/QĐ-CTHADS	09/03/2021	Đại Chúng (Pvcom Bank)	Lê Thị Xuân Lê Thị Xuân, sinh năm 1965 (DNTN Nhom Hò)	6.423.783	-	6.423.783	3. Đang thi hành	
91	967/2021/PQ-TT	29/01/2021	72/QĐ-CTHADS	10/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thanh Hưng	19.162	-	19.162	Chưa có điều kiện thi hành	
92	914/2021/PQ-TT	28/01/2021	70/QĐ-CTHADS	10/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Lê Thị Ngươn	24.818	-	24.818	3. Đang thi hành	
93	910/2021/PQ-TT	28/01/2021	68/QĐ-CTHADS	10/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Võ Thị Cúc	17.360	-	17.360	Chưa có điều kiện thi hành	
94	753/2021/PQ-TT	25/01/2021	64/QĐ-CTHADS	10/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Lê Thị Kiên Oanh	26.704	-	26.704	Chưa có điều kiện thi hành	
95	4182/2019/PQ-TT	31/07/2019	39/QĐ-CTHADS	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Lam Viễn Trường	23.686	-	23.686	Chưa có điều kiện thi hành	
96	4173/2019/PQ-TT	31/07/2019	38/QĐ-CTHADS	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Chung Thị Kiều Tiên	17.007	-	17.007	Chưa có điều kiện thi hành	
97	4018/2019/PQ-TT	27/07/2019	35/QĐ-CTHADS	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Hồ Thị Ngọc Hạnh	17.613	-	17.613	Chưa có điều kiện thi hành	
98	3786/2019/PQ-TT	19/07/2019	30/QĐ-CTHADS	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thanh Trường	18.701	-	18.701	Chưa có điều kiện thi hành	
99	25231/2017/PQ-TT	11/11/2017	22/QĐ-CTHADS	22/10/2018	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Trịnh Thị Cẩm Loan	34.426	-	34.426	Chưa có điều kiện thi hành	
100	19/2008/KDTM-ST	24/09/2008	15/QĐ-CTHADS	05/10/2015	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Cao Thị Nhựt - Lê Văn Phát	247.672	-	247.672	4. Hoàn thi hành án	
101	120/QĐST-DS	16/04/2008	12/QĐ-CTHADS	20/01/2017	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Cao Thị Nhựt - Lê Văn Phát - Cao Thanh Mỹ	150.001	150.000	1	1.4 Hoàn thi hành án	
102	101/2017/DS-ST	28/09/2017	47/QĐ-CTHADS	26/03/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Nhựt Hỷ	116.618	-	116.618	Chưa có điều kiện thi hành	
103	842/2009/KDTM-ST	15/12/2009	83/QĐ-CTHADS	01/02/2010	Đông Á (DAB)	Phạm Quốc Bửu - Tiểu Linh Trung	603.519	-	603.519	Chưa có điều kiện thi hành	
104	52/2017/DS-ST	26/06/2017	03/QĐ-CTHADS	02/10/2017	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Nguyễn Nhựt Hỷ	128.124	-	128.124	3. Đang thi hành	
105	03/2015/QĐPT	16/04/2015	47/QĐ-CTHADS	01/10/2015	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Nguyễn Quang Hỷ	9.389.479	-	9.389.479	3. Đang thi hành	
106	166/2017/TTSGRQ	28/02/2017	50/QĐ-CTHADS	25/07/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Minh Sang	31.544	-	31.544	Chưa có điều kiện thi hành	
107	64/2016/TTSGRQ	15/06/2016	25/QĐ-CTHADS	29/03/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Trương Nhựt Minh	50.162	-	50.162	Chưa có điều kiện thi hành	
108	170/2016/TTSGRQ	18/10/2016	31/QĐ-CTHADS	22/05/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Trần Thị Lan Anh	25.359	-	25.359	Chưa có điều kiện thi hành	
109	207/2017/TTSGRQ	15/05/2017	06/QĐ-CTHADS	11/10/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Đặng Văn Hằng	84.584	-	84.584	Chưa có điều kiện thi hành	
110	203/2017/TTSGRQ	15/05/2017	04/QĐ-CTHADS	11/10/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Văn Sang	45.840	-	45.840	Chưa có điều kiện thi hành	
111	129/2017/TTSGRQ	28/02/2017	49/QĐ-CTHADS	25/07/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Văn Sang	71.801	-	71.801	Chưa có điều kiện thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành bản án	Ngày ban hành quyết định thi hành bản án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
		1									
112	137/2017/TTSG-PQ	28/02/2017	47/QĐ-CTHADS	25/07/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Bà Thị Bích Hương	62.867	-	62.867	Chưa có điều kiện thi hành	
113	39/2017/TTSG-PQ	18/01/2017	40/QĐ-CTHADS	22/06/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Lê Nguyễn Ngọc Duy	38.479	-	38.479	Chưa có điều kiện thi hành	
114	318/2016/TTSG-PQ	18/10/2016	34/QĐ-CTHADS	29/05/2017	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Dương Hoàng Nhân	41.570	-	41.570	Chưa có điều kiện thi hành	
115	130/2016/TTSG-PQ	18/10/2016	30/QĐ-CTHADS	22/05/2017	Công ty Tài chính TNHH MTV Việt Nam	Lương Thị Mộng Cẩm	37.766	-	37.766	Chưa có điều kiện thi hành	
116	59/2014/ĐSST	30/07/2014	02/QĐ-CTHADS	13/12/2016	Bán tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Nguyễn Thị Xuân Đào	17.480	-	17.480	Chưa có điều kiện thi hành	
117	09/2012/QĐST	24/07/2012	36/QĐ-CTHADS	28/11/2013	Bất Động Sản (PVScom Bank)	Nguyễn Ngọc Dung	1.337.009	-	1.337.009	3 Đang thi hành	
118	140/2012/QĐPT	17/04/2012	08/QĐ-CTHADS	10/10/2012	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Phạm Văn Tiến	283.584	-	283.584	Chưa có điều kiện thi hành	
119	07/2014/ĐKDTM-ST	19/03/2014	66/QĐ-CTHADS	29/09/2014	Phương Đông (Orient Commercial Bank, OCB)	Phạm Trường Giang	1.559.044	1.000.000	559.044	Chưa có điều kiện thi hành	
120	33/2010/ĐKDTM-ST	01/12/2010	285/QĐ-CTHADS	27/05/2011	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Tân Dũng	632.992	-	632.992	Chưa có điều kiện thi hành	
121	80/2009/ĐKDTM-ST	07/10/2009	191/QĐ-CTHADS	12/07/2010	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Bà Thanh Phong - Trần Thị Bích Thủy	315.910	245.000	70.910	Chưa có điều kiện thi hành	
122	57/ĐKDTM-ST	07/10/2009	14	10/05/2009	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Văn Tài Đoàn Thị Bê Ba	78.700	78.700	0	1.Thi hành xong	
123	4019/PQ-TT	27/7/2019	36	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Huyền Văn Tài	18.157	-	18.157	Chưa có điều kiện thi hành	
124	3965/PQ-TT	26/12/2019	40	30/12/2020	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Ngọc Minh	15.088	-	15.088	Chưa có điều kiện thi hành	
125	755/PQ-TT	25/01/2021	65	10/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Tân Quang Hiếu	19.350	-	19.350	Chưa có điều kiện thi hành	
126	915/PQ-TT	28/01/2021	71	10/06/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Bà Tân Khanh	19.496	-	19.496	Chưa có điều kiện thi hành	
127	582/PQ-VFC	28/03/2022	91	09/05/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Hữu Thanh	39.930	-	39.930	Chưa có điều kiện thi hành	
128	65/PQ-VFC	15/03/2021	27	10/11/2022	Quý Cap (chưa đăng tác động Tp. Hồ Chí Minh)	Hà Nguyễn Thanh Tâm	90.872	-	90.872	Chưa có điều kiện thi hành	
129	05/20	18/08/2020	100	09/06/2023	Công ty tài chính TNHH HD Saigon	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	6.048	-	6.048	Chưa có điều kiện thi hành	
130	04/20	18/08/2020	99	06/09/2020	Công ty tài chính TNHH HD Saigon	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	49.116	-	49.116	Chưa có điều kiện thi hành	
131	1783/PQ-TT	12/04/2023	7	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thị Cẩm Vân	11.000	11.000	0	1.Thi hành xong	
132	1780/PQ-TT	04/12/2023	4	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Bình Minh Hồng	11.000	11.000	0	1.Thi hành xong	
133	1537/PQ-TT	20/03/2023	3	02/10/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Lê Thị Thủy Hồng	23.873	-	23.873	Chưa có điều kiện thi hành	
134	723/PQ-VFC	28/03/2022	85	20/03/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Dương Anh Vĩ	31.975	-	31.975	Chưa có điều kiện thi hành	
135	05/ĐKDTM-ST	22/03/2019	120	05/06/2019	Sài Gòn Thương Tín (Seacombank)	Huyền Văn Loan, Trần Thị Hòa	302.674	-	302.674	Chưa có điều kiện thi hành	
136	861/2021/PQ-TT	27/01/2021	55	21/12/2022	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Thanh Hùng	24.655	-	24.655	Chưa có điều kiện thi hành	
137	37/2020/2/PQ-VFC	15/08/2022	92	09/05/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Phạm Tuấn Khanh	25.517	-	25.517	Chưa có điều kiện thi hành	
138	29/2023/PQ-TT	09/01/2023	107	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Phạm Minh Tân	36.412	-	36.412	Chưa có điều kiện thi hành	
139	162/2023/PQ-TT	09/01/2023	108	06/07/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	Nguyễn Văn Thảo	47.444	-	47.444	Chưa có điều kiện thi hành	
140	1467/2022/2/PQ-VFC	28/03/2022	41	27/11/2023	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Lê Ngọc Phạm	21.878	-	21.878	3 Đang thi hành	
141	01/2013/QĐST-KDTM	11/01/2013	26/QĐ-CTHADS	23/12/2014	Bất Động Sản (PVScom Bank)	Phạm Thị Mạnh _ Trần Văn Hòa	806.818	400.689	406.129	3 Đang thi hành	
II	Chỉ cục Cải Bè	64	64	64	64	64	287.995.986	6.054.836	281.941.150	64	
1	01/KDTM	06/08/2019	99	18/10/2019	Sài Gòn Thương Tín (Seacombank)	Phạm Ngọc Tuấn, Võ Thị Ngọc Hân	4.807.414	-	4.807.414	4.Hoàn thi hành án	Tòa án đã thu lý giải quyết do NH knockout kiện y/c chia tài sản chung
2	02/QĐST-KDTM	21/08/2020	178	20/01/2021	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Đức Thuận	3.727.791	-	3.727.791	4.Hoàn thi hành án	Nhà đã khởi kiện tại Tòa để phân chia TS theo B74
3	85/2017/QĐSTDS	01/09/2017	241	01/07/2022	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Phạm Thị Cẩm Hằng	134.102		134.102	Chưa có điều kiện thi hành	
4	06/2023/QĐSTDS	17/02/2023	241	03/04/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Lâm Hồng Nhung, sinh năm 1976; Lâm Văn Mến, sinh năm 1970	804.442		804.442	3 Đang thi hành	
5	2779/2022/QĐST-KDTM	25/07/2022	294/QĐ-CTHADS	09/05/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và sản xuất Ngọc Hương	53.094.054		53.094.054	3 Đang thi hành	Đã kê biên, đang chờ chứng thư nhận định giá
6	215/2023/ĐSST	15/09/2023	256	28/02/2024	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Bà Nguyễn Đức Duyệt	560.380		560.380	3 Đang thi hành	Đang xác minh
7	46	19/04/2021	206	27/05/2022	Sài Gòn Thương Tín (Seacombank)	Nguyễn Thị Hào	78.947	10.652	68.295	Chưa có điều kiện thi hành	
8	138	30/08/2022	279	04/05/2023	Sài Gòn Thương Tín (Seacombank)	Nguyễn Văn Tuấn	46.665		46.665	Chưa có điều kiện thi hành	
9	85	25/08/2017	121	05/04/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Lê Thành Paracetamol	40.743		40.743	Chưa có điều kiện thi hành	
10	152	21/11/2017	1.364	16/04/2018	Đông Á (DAB)	Lê Thị Gái	6.916		6.916	Chưa có điều kiện thi hành	
11	171	19/08/2023	216	29/01/2024	Sài Gòn Thương Tín (Seacombank)	Lý Thanh Điện	10.677		10.677	3 Đang thi hành	
12	203/QĐST-KDTM	28/09/2011	614	08/01/2013	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Văn Hải và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan	209.613	-	209.613	3 Đang thi hành	Đang tiến hành xử lý tài sản kê biên

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành bản án	Ngày ban hành quyết định thi hành bản án	Người được thi hành bản án	Người phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản đã thi hành bản án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành bản án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9-7-8	10	11
13	26/DSST	23/12/2019	1258	11/05/2020	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Kim Mỹ, Hư Thanh Trung	306.896	-	306.896	3. Đang thi hành	Đang tiến hành xử lý tài sản thế chấp
14	07/2016/QBSTKDTM	01/06/2016	157/QĐ-CCTHADS	22/10/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Trần Thị Nguyệt; 174B tổ 9, khu phố 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	220.000	-	220.000	3. Đang thi hành	Đang tiến hành xử lý tài sản thế chấp
15	17/2022/QBSTDS	01/04/2022	01/QĐ-CCTHADS	05/10/2022	Quốc tế (VIBBank, VIB)	Huỳnh Thị Thắm Địa chỉ: số 446E tổ 22 khu phố 1, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.	526.589	-	526.589	3. Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
16	67/2019/DSST	07/05/2019	907/QĐ-CCTHADS	11/02/2020	Bưu Điện Liên Việt (LiênViếtPostBank)	Phạm Thị Cẩm Hằng; khu 1A, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	90.641	-	90.641	Chưa có điều kiện thi hành	
17	374	21/03/2019	546	13/12/2019	Đông Á (DAB)	Trần Thanh Sơn, Phạm Thị Thanh Loan	18.824.512		18.824.512	Chưa có điều kiện thi hành	Đã kê biên thẩm định giá, đã bán đấu giá thành
18	158	30/08/2022	279	04/05/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Văn Tuấn	46.665	-	46.665	Chưa có điều kiện thi hành	
19	149	26/08/2022	182	15/02/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Bảo Duy	46.304	-	46.304	Chưa có điều kiện thi hành	
20	3/2020/QBSTDS	14/09/2020	68/QĐ-CCTHADS	10/11/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Đinh Thanh Vũ, Trương Thị Xuân Lan	2.167.456	1.653.680	513.776	3. Đang thi hành	
21	86/2020/DSST	17/07/2020	93/QĐ-CCTHADS	26/11/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Hà Đức Duy	377.817	-	377.817	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ, nếu có điều kiện sẽ tiến hành xử lý để thi hành án. Nếu vẫn không có điều kiện sẽ thông báo cho các bên đương sự và đưa vào theo dõi riêng khi đã đủ điều kiện theo luật định
22	12/2018/KDTMTST	27/12/2018	18/QĐ-CCTHADS	06/10/2020	Xây dựng Việt Nam (CEBANK, VNCEB)	Công ty CPDV và vận tải 6 tổ số 6	79.363.460	-	79.363.460	3. Đang thi hành	Đã kê biên thẩm định giá, đã bán 06 lần nhưng không có người mua
23	90/DSST	20/11/2021	111/QĐ-CCTHADS	28/02/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Minh Cảnh	52.803	-	52.803	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ, nếu có điều kiện sẽ tiến hành xử lý để thi hành án. Nếu vẫn không có điều kiện sẽ thông báo cho các bên đương sự và đưa vào theo dõi riêng khi đã đủ điều kiện theo luật định
24	103/DSST	06/12/2021	93/QĐ-CCTHADS	28/11/2022	Hàng hải (Maritime Bank, MSB)	Hà Đức Duy	345.670	-	345.670	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ, nếu có điều kiện sẽ tiến hành xử lý để thi hành án. Nếu vẫn không có điều kiện sẽ thông báo cho các bên đương sự và đưa vào theo dõi riêng khi đã đủ điều kiện theo luật định
25	87/DSST	31/10/2019	1.084	19/03/2020	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Phạm Thanh Tùng, Đông Thị Khánh Trang	466.395	466.395	-	1. Thi hành xong	
26	79/DSST	14/06/2022	185	17/02/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Nhung, Nguyễn Vũ Phương	357.580	69.770	287.810	3. Đang thi hành	Xác minh
27	04/KDTMTST	14/08/2023	105	09/11/2023	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Công ty TNHH MTV TM&SX Thanh Nhân	8.395.581		8.395.581	3. Đang thi hành	Kê biên
28	10/2020/QBSTDS	10/03/2020	220/QĐ-CCTHADS	05/03/2021	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Huỳnh Hữu Lợi, Phạm Thị Thanh Thủy; ấp 1, xã Tân Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	4.538.999	1.000.000	3.538.999	3. Đang thi hành	Ngân hàng đang thỏa thuận cho Lợi trả dần
29	30/2019/DSST	30/07/2019	1639/QĐ-CCTHADS	13/07/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Quốc Huy; Trần Nhật Minh; ấp 4, xã Tân Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	428.406	-	428.406	Chưa có điều kiện thi hành	
30	142/2019/DSST	23/08/2019	669/QĐ-CCTHADS	23/12/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Phạm Tiến Giang, Nguyễn Thị Tường Linh; ấp 3, xã An Hòa, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	178.095	-	178.095	Chưa có điều kiện thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành quyết định		Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
		1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
31	543/KDTM	26/04/2011	647/QĐ-CCTHADS	20/12/2016	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)		Lê Tấn Minh, 601, Nguyễn Thị Thập, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	2.071.647	-	2.071.647	3. Đang thi hành	chuyển bị kê biên GSDP
32	91/2015/DSST	19/08/2015	1107/QĐ-CCTHADS	06/03/2018	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Lê Thị Kim Chi, ấp 2, xã An Hòa, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	26.465	-	26.465	Chưa có điều kiện thi hành	
33	10/2014/KDTM	03/09/2014	1164/QĐ-CCTHADS	07/03/2016	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)		Đoàn Nhật Trường, ấp 3, xã An Hòa, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	56.482	-	56.482	Chưa có điều kiện thi hành	
34	01/2015/KDTM	24/03/2015	1927/QĐ-CCTHADS	30/07/2015	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)		Tần Thị Trúc Anh, ấp 1, xã An Hòa, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	450.938	-	450.938	Chưa có điều kiện thi hành	
35	50/2022/QĐDSST	27/07/2022	89/QĐ-CCTHADS	21/11/2022	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		Nguyễn Thị Pháp Đức, Anh, Đào, ấp 2, xã An Hòa, Cai Bè, Tiền Giang	239.266		239.266	3. Đang thi hành	chuyển bị kê biên GSDP
36	3	12/08/2020	32	12/10/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)		Nguyễn Thanh Hiền, Nguyễn Văn Hên, ấp LP Cầu Xéo, xã Hậu Thạnh	1.914.143	-	1.914.143	Chưa có điều kiện thi hành	
37	139	19/08/2022	52	01/11/2022	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)		Nguyễn Thị Đoàn, Nguyễn Văn Tuấn, ấp Hậu Thuận, xã Hậu Thạnh	2.434.900		2.434.900	3. Đang thi hành	
38	242	30/12/2020	293	06/05/2021	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)		Lê Thị Mai, ấp Hậu Thuận, xã Hậu Thạnh	625.967		625.967	3. Đang thi hành	
39	46	19/04/2021	206	27/05/2022	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Nguyễn Thị Hào, ấp Ngải Lọt, xã Thuận Cư Nghĩa, Châu Thành, TG	68.295		68.295	Chưa có điều kiện thi hành	
40	13	22/08/2013	647	12/11/2013	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)		Đặng Quang Lạc, Huỳnh Thị Liên, ấp An Bình, xã An Cư	335.510		335.510	3. Đang thi hành	
41	79	29/12/2020	333	07/06/2021	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Lê Anh Tũ, Nguyễn Thị Kim Thủy, ấp Vĩnh An, xã Thuận Thành	25.783		25.783	3. Đang thi hành	
42	57	17/05/2022	166	03/10/2022	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)		Ngô Việt An, Thuận, ấp Hậu Hòa, xã Hậu Thạnh	3.886.635		3.886.635	Chưa có điều kiện thi hành	
43	38/2022/DSST	12/06/2023	204	24/01/2024	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Phùng Thị Bội Tuyền	57.008		57.008	3. Đang thi hành	Đang xác minh diện tích TTA
44	109/2023/DSST	30/06/2023	200	16/01/2024	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Võ Văn Thăng, Võ Thị Suong	740.055		740.055	3. Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
45	84/DSST	22/07/2014	962	01/02/2016	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)		Phạm Hùng Quang, Nguyễn Thị Mai	150.000	50.000	100.000	3. Đang thi hành	Kê biên
46	74/DSST	11/12/2020	219	04/03/2021	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		Lê Hoàng Kiên	5.387.038		5.387.038	3. Đang thi hành	Kê biên
47	04/KDTMST	10/06/2022	277	08/08/2022	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Nguyễn Thị Kim Ngân	832.954		832.954	3. Đang thi hành	Kê biên
48	14/DSST	27/07/2023	166	19/12/2023	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)		Nguyễn Văn Tuấn, Huỳnh Thị Loan	2.733.489		2.733.489	3. Đang thi hành	Kê biên
49	62/DSST	30/08/2022	107	07/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)		Huỳnh Minh Hùng, Phạm Thị Kim Thoa	1.550.905		1.550.905	3. Đang thi hành	Kê biên
50	06/KDTMST	05/11/2019	51	20/12/2021	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Challenge		Lê Hoàng Kiên	3.501.665		3.501.665	3. Đang thi hành	Kê biên
51	78/QĐSTDS	06/09/2023	175	27/12/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)		Nguyễn Thị Văn Anh	1.334.158		1.334.158	3. Đang thi hành	Xác minh
52	03/QĐST-KDTM	28/11/2023	267	04/03/2024	Quân Đội (Military Bank, MB)		Nguyễn Thị Bay, Cao Văn Hoàng	5.112.552		5.112.552	3. Đang thi hành	Đang tiến hành khảo sát vị trí đất
53	21/KDTMPT	21/11/2013	1492	25/03/2014	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Nguyễn Thị Thu Vân	398.392		398.392	3. Đang thi hành	Đang tiến hành tiếp tục trả lời phản ánh từ người dân
54	02/KDTMST	10/05/2023	74	26/10/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)		Võ Văn Mầm	3.199.821	2.804.339	395.482	3. Đang thi hành	Đang tiến hành kê biên tài sản để thi hành án
55	370/DSST	06/09/2023	210	25/01/2024	Sài Gòn Thương Tín (Seconbank)		Võ Văn Tuấn, Ung Thị Lý	198.642		198.642	3. Đang thi hành	Đang tiến hành, ngày 20/3/2024 cơ quan TH hành án nhận được đơn của Ngân hàng yêu cầu bổ sung quyết định thi hành án và đã niêm yết quyết định.
56	05/KDTMPT	29/05/2019	160	14/01/2021	Phương Đông (Orient Commercial Bank, OCB)		Công ty TNHH Phước Vạn Lợi	1.946.774		1.946.774	3. Đang thi hành	Đã kê biên, biên ngày 21/06/2018 nhưng do bộ giáp ranh không thống nhất ranh đất, nên VPBCKĐD không tiến hành đo đạc được
57	518	19/11/2015	46/QĐ-CCTHADS	26/06/2009	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)		Lê Thị Chêc, tại tại: ấp Mỹ Trinh, xã Thập Trung, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	90.239	-	90.239	3. Đang thi hành	
58	907	23/01/2018	8/QĐ-CCTHADS	30/11/2017	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)		Huỳnh Văn Hòa, Lê Thị Hồng Thắm	528.120	-	528.120	3. Đang thi hành	Đã kê biên, biên ngày 21/06/2018 nhưng do bộ giáp ranh không thống nhất ranh đất, nên VPBCKĐD không tiến hành đo đạc được

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	I	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
59	06/KDTMST	13/09/2017	364/QĐ-CCTHADS	08/11/2017	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Trần Văn Tài; áp Mỹ Chánh A, xã Mỹ Hội, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	254.736	-	254.736	3.Đang thi hành	Đã bán đấu giá thành, đã giao tài sản, đã phân phối chi tiền, đã chi tiền hiện còn lại chậm thi hành án.
60	05	13/07/2017	365/QĐ-CCTHADS	08/11/2017	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Phạm Thị Thu	2.854.099	-	2.854.099	3.Đang thi hành	Đã bán đấu giá thành, đã giao tài sản, đã phân phối chi tiền, đã chi tiền hiện còn lại chậm thi hành án.
61	03	04/01/2018	1458	10/05/2018	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)	Võ Văn Đăng, Phan Thị Mẫn, Võ văn báo Châu, Mỹ Nghĩa 2, Mỹ Đức Tây	27.029	-	27.029	3.Đang thi hành	Chưa xác định được tài sản chung
62	16	31/03/2022	197	18/05/2022	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Thị Kim Liên	228.316	-	228.316	3.Đang thi hành	Đang xác minh điều kiện thi hành án
63	237	28/11/2022	362	02/06/2023	Bảo Việt (Bảo Việt Bank, BVB)	Trần Phi Long, sinh năm 1979; Trần Thị Minh Phương, sinh năm 1970;	608.204	-	608.204	3.Đang thi hành	Đang xác minh điều kiện thi hành án
64	01/2021/KDTMST	29/01/2021	284/QĐ-CCTHADS	28/04/2021	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Công ty trách nhiệm hữu hạn xây xác Minh Tâm - đại diện theo pháp luật anh Trần Văn Tâm; áp Mỹ Chánh, xã Mỹ Hội, huyện Cai Bè, tỉnh Tiền Giang	63.870.106	-	63.870.106	3.Đang thi hành	Đang bán đấu giá TS
III	Chi cục H. Cai Lậy	35	35	35	35	35	49.784.631	11.465.775	38.318.856	35	
1	03/QĐST-KDTM	29/12/2015	961	12/04/2016	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Trần Tư Thọ-Ng. Thị Phương Quyên. Địa chỉ: Phú Cường	2.040.088	1.530.000	510.088	Chưa có điều kiện thi hành	đã bán đấu giá thành số tiền 1.572.400
2	66/DS-ST	07/05/2018	75	11/10/2018	Đông Á (DAB)	Phan Ngọc Hoa, Bùi Trung Dũng, địa chỉ: ấp 17, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	10.056		10.056	Chưa có điều kiện thi hành	
3	11/DSST	19/04/2019	14	07/10/2019	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Lê Hoàng Hòa Hùng, địa chỉ: ấp Hội Trĩ, xã Hội Xuân	132.126		132.126	Chưa có điều kiện thi hành	
4	87	02/11/2018	1289	15/08/2019	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BITV)	Lê Thăng Nương, Huỳnh thị Nở	384.499	339.570	44.929	Chưa có điều kiện thi hành	
5	27	08/04/2022	266	20/06/2022	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Nguyễn Văn Dũng, Phan Thị Thủy	574.135	574.135	0	Chưa có điều kiện thi hành	còn 1 phần lãi suất
6	160/QĐST-DS	06/09/2022	216	16/01/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Vàng Thành Trường, Lê Thị Thuý áp Hiệp Phú, Hiệp Đức	5.075.513	5.075.513	0	1.Thi hành xong	
7	16/DSPT	24/03/2023	348	31/05/2023	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Lâm Vĩnh Tài, Phạm Thị Mỹ Nương Mỹ Thanh B, Xã Long Tiến, huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.	1.688.296		1.688.296	3.Đang thi hành	
8	123/dsst	24/07/2023	123	15/11/2023	Đại Chúng (PVcom Bank)	Mai Văn Vũ, Lê Thị Hồng Hòa ngụ tại ấp Mỹ Lợi A, xã Long Tiến, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	171.905	-	171.905	Chưa có điều kiện thi hành	
9	116/DSST	21/09/2017	1457	27/04/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Phan Như Thủy, địa chỉ: ấp Bình Chánh Đông, xã Tam Bình	24.760		24.760	Chưa có điều kiện thi hành	
10	114/2018/DS-ST	30/08/2018	534	24/12/2018	Đại Chúng (PVcom Bank)	Võ Văn Khéo, sinh năm 1955; Phạm Thị Kinh, sinh năm 1958 và bà Võ Thị Kim Khanh, sinh năm 1976. Cùng ngụ: Ấp Bình Hòa A, Xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	1.018.020	-	1.018.020	3.Đang thi hành	
11	01/2018/KDTM-ST	19/04/2018	533	24/12/2018	Đại Chúng (PVcom Bank)	Huỳnh Văn Hiệp, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Minh Đào, sinh năm 1969, ngụ: ấp Bình Thuận, Xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	1.733.356	-	1.733.356	3.Đang thi hành	
12	04/2019/KDTM-ST	12/11/2019	680	06/03/2020	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	Trương Hoàng Việt; áp 5, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	1.821.261		1.821.261	3.Đang thi hành	
13	180/2022/DS-ST	05/09/2022	175	05/12/2022	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Phạm Văn Tuấn, ấp Bình Ninh, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	2.507.709		2.507.709	3.Đang thi hành	
14	517/2023/QĐPT	18/09/2023	78	13/10/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Ngọc Hương, Nguyễn Văn Lâm, ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	2.272.766		2.272.766	3.Đang thi hành	
15	03/2018/KDTM-ST	30/07/2017	536/QĐ-CCTHADS	24/12/2018	Đại Chúng (PVcom Bank)	bà Nguyễn Thị Duyệt; ấp Hòa Hảo, xã Ngại Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	700.000	0	700.000	3.Đang thi hành	xác minh, kê biên xử lý

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành bản án	Ngày ban hành quyết định thi hành bản án	Người được thi hành bản án	Người phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản đã thi hành bản án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành bản án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4							
16	02/2018/KDTM-ST	19/04/2018	333/QĐ-CCTHADS	24/12/2018	Bưu Chính (P/ecom Bank)	Ông Đặng Văn Đức; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	500.000	434.925	65.075	3.Đang thi hành	xác minh, kê biên xử lý
17	36/2020/DSSST	26/06/2020	102/QĐ-CCTHADS	30/10/2020 (LenViePostBank)	Bưu Điện Liên Việt	Nguyễn Thị Lành; ấp 9A, xã Mỹ Thạnh Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	213.923	0	213.923	3.Đang thi hành	bản đầu giá
18	01/QBKDTM	31/03/2017	98/QĐ-CCTHADS	17/10/2017	Bưu Chính (P/ecom Bank)	Nguyễn Thị Trúc An, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Thị Xuân Đào, Nguyễn Thị Trúc Hiền, Nguyễn Thị Trúc Hòa, Nguyễn Thành Nghĩa; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang Trúc Hòa; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang Trúc Hiền; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang Xuân Đào; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang Trung; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang Nguyễn Thị Trúc An; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	2.028.535	2.028.535	3.Đang thi hành	kê biên xử lý	
19	103/2018/KDTM-ST	30/07/2017	557/QĐ-CCTHADS	24/12/2018	Bưu Chính (P/ecom Bank)	bà Nguyễn Thị Bé Bảy; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang Ông Nguyễn Văn Bé Em; ấp Tân Sơn, xã Ngã Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	3.357.879	0	3.357.879	3.Đang thi hành	xác minh, kê biên xử lý

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
20	40/2022/QĐST-DS	07/04/2022	265/QĐ-CCTHADS	20/06/2022	Đông Nam Á (SeABank)	Nguyễn Văn Tâm, Võ Thị Rồng, ấp 9A, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy	4.468.648	3.174.015	1.294.633	Chưa có điều kiện thi hành	đã hết tài sản
21	01/2022/QĐST-KDTM	31/08/2022	132/QĐ-CCTHADS	01/11/2022	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Lê Thị Bê Bэй, Nguyễn Hữu Thanh, ấp Hòa Hảo, Ngã Hiệp	12.500.000		12.500.000	3. Đang thi hành	Đang bán tài sản
22	159/2022/QĐST-DS	31/08/2022	131/QĐ-CCTHADS	01/11/2022	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Lê Thị Bê Bэй, Nguyễn Hữu Thanh, ấp Hòa Hảo, Ngã Hiệp	780.000		780.000	3. Đang thi hành	Đang bán tài sản
23	207/2022/DSST	20/09/2022	239/QĐ-CCTHADS	20/12/2023	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Lê Thị Nhung, Nguyễn Văn Thanh, ấp Hòa Hảo, Ngã Hiệp, Cai Lậy	1.016.113		1.016.113	3. Đang thi hành	đã kê biên
24	28/2023/DSST	18/04/2023	414/QĐ-CCTHADS	13/07/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Tiểu Thanh Huyền, Nguyễn Thị Chi, ấp Long Quoi, Ngã Hiệp, Cai Lậy	1.051.287		1.051.287	3. Đang thi hành	kê biên xử lý
25	202/2022/DSST	20/12/2022	313/QĐ-CCTHADS	16/05/2023	Quân Đội (Military Bank, MB)	Nguyễn Thị Phấn, ấp Tân Sơn, Ngã Hiệp, Cai Lậy	492.956		492.956	3. Đang thi hành	xác minh, kê biên xử lý
26	224/DSST	28/08/2007	214/QĐ-CCTHA	02/11/2007	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Phạm Ngọc Anh, Ngõ Thị Ninh, địa chỉ: ấp 4, xã Thanh Lộc	3.000		3.000	3. Đang thi hành	Ngân hàng thông nhất với đương sự cho trả dần (vốn gốc 3.000 đồng và lãi)
27	02/KDTM-ST	28/07/2016	859/QĐ-CCTHA	18/04/2017	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Văn Lê, địa chỉ: ấp 6, xã Thanh Lộc	426.280	337.617	88.663	3. Đang thi hành	phản lai chậm thi hành án Ngân hàng đang làm thủ tục xin miễn giảm

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành báo án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
		1		2							
28	98/2018/QĐST-DS	29/08/2018	1237	15/07/2019	Sài Gòn Công Thương (Sagotbank)	Bà Trâm Thị Thanh Nguyệt, sinh năm 1979, ngụ: ấp Bình Đức, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	32.416	-	32.416	Chưa có điều kiện thi hành	
29	23/QĐST-DS	09/04/2019	20	07/10/2019	Kiên Long (Kienlongbank)	Tân Văn Tò, Nguyễn Thị Thào, địa chỉ: ấp Hiệp Nhon, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	1.482.746		1.482.746	3. Đang thi hành	Có kế hoạch cưỡng chế
30	16/ĐSST	27/01/2021	209	23/05/2022	Quốc Dân (National Citicena Bank, NVB)	Tân Hòa Thuận	210.046	0	210.046	3. Đang thi hành	
31	210/ĐSST	26/09/2022	417	19/07/2023	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Bùi Văn Không, Phạm Thị Kim Phương	236.623		236.623	3. Đang thi hành	
32	97/ĐSST	10/09/2020	80	14/10/2022	Sài Gòn Công Thương (Sagotbank)	Đặng Văn Hữu, Phú Nhuận, Cai Lậy, TG	52.982	0	52.982	Chưa có điều kiện thi hành	
33	28/ĐSST	08/04/2022	229	06/06/2022	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Đặng Thủy Ngân, Tân Phong, Cai Lậy, TG	439.095		439.095	Chưa có điều kiện thi hành	
34	82/ĐSST	07/06/2022	157	13/04/2022	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Tân Hoàng Kien Tân Phong, Cai Lậy, TG	325.974		325.974	Chưa có điều kiện thi hành	
35	21/ĐSST	14/05/2020	191	16/12/2020	Sài Gòn Công Thương (Sagotbank)	Tân Văn Chúc, Tân Phong, Cai Lậy	11.637		11.637	Chưa có điều kiện thi hành	
IV	Chỉ cục TX Cai Lậy	34	34	34	34	34	43.308.661	2.461.656	40.847.005	34	
1	10	11/05/2018	64	21/12/2018	Bà tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Mai Thị Thủy Dung	114.591	-	114.591	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá tài sản kê biên
2	01	11/05/2018	63	21/12/2018	Bà tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Mai Thị Thủy Dung	497.133	-	497.133	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá tài sản kê biên
3	2	20/09/2017	105	17/01/2018	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Công ty TNHH Máy xuất khẩu Khánh Ngân	625.176	-	625.176	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại điều kiện thi hành án
4	106	19/11/2019	128	16/04/2020	An Bình (ABBank)	Mai Phát Đạt	605.152	-	605.152	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá tài sản kê biên
5	17	13/05/2019	36	29/10/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Đặng Thị Hoài Thương, P.1, TXCL	106.882	-	106.882	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại điều kiện thi hành án
6	85	21/10/2019	72	02/11/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Đặng Thị Hoài Thương, P.1, TXCL	42.404	-	42.404	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại điều kiện thi hành án
7	14	18/03/2021	210	08/06/2021	Kiên Long (Kienlongbank)	Đặng Thị Hoài Thương, P.1, TXCL	78.914	-	78.914	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại điều kiện thi hành án
8	15	16/04/2019	121	11/12/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Bích Châu, P.1, TXCL	90.900	-	90.900	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại điều kiện thi hành án
9	6	28/02/2019	28	18/10/2019	Ban Điện Liên Việt (LienVietPostbank)	Nguyễn Hoàng Giang	131.219	-	131.219	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại điều kiện thi hành án
10	50	11/08/2023	48	25/10/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Tân Thanh Phong, Văn Thị Xuân Liên	1.702.598	-	1.702.598	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá tài sản kê biên
11	68	30/08/2023	59	02/11/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Văn Trung	1.898.804	-	1.898.804	3. Đang thi hành	Đã kê biên tài sản kê chấp, đang nhằm định giá tài sản kê chấp
12	19	24/05/2023	148	30/06/2023	Bao Việt (BaoVietBank, BVV)	Nguyễn Minh Mãng	3.404.781		1.104.781	3. Đang thi hành	Đương sự thỏa thuận cho tư bản tài sản
13	1	12/06/2023	22	06/10/2023	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	VN Văn Quang, Nguyễn Thị Út	8.009.962	-	8.009.962	3. Đang thi hành	Đương sự thỏa thuận cho tư bản tài sản
14	18	29/03/2023	93	06/12/2023	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Phạm Văn Chang, Phạm Thị Tâm	418.963	-	418.963	3. Đang thi hành	Đã kê biên tài sản kê chấp, đang nhằm định giá tài sản kê chấp
15	18	29/03/2023	130	25/05/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Phạm Văn Chang, Phạm Thị Tâm	5.670.819	-	5.670.819	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá tài sản kê biên
16	1	27/05/2022	41	14/11/2022	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Trần Văn Diệu và Phạm Thị Hương(Công ty TNHH MTV P và F	585.272	-	585.272	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại điều kiện thi hành án
17	1	05/04/2018	110	23/03/2023	A Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Thị Thu, Lê Văn Châu	63915	63915	-	1. Thi hành xong	
18	1	25/05/2023	34	17/10/2023	An Bình (ABBank)	Công ty TNHH An Phát Tiền Giang	11751543	-	11.751.543	3. Đang thi hành	Đã kê biên tài sản kê chấp
19	12	22/04/2022	27	28/10/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phan Bắc Nhuận	97.741		-	1. Thi hành xong	
20	32	15/06/2023	50	27/10/2023	A Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Trung Hòa	99.828	-	99.828	3. Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
21	110	23/07/2009	109	21/12/2023	A Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Văn Tấn	21.448	-	21.448	3. Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
22	2	19/06/2023	17	10/06/2023	An Bình (ABBank)	Công ty TNHH Hiệp Phát An	4.459.385	-	4.459.385	3. Đang thi hành	Đã kê biên, bán đấu giá tài sản kê chấp và đưa bán tại xã Cai Lậy
23	28	06/06/2023	151	30/6/2023	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSB)	Trần Văn Bè Nham, Nguyễn Thị Bè Hương	53.000	-	53.000	3. Đang thi hành	Đang xác minh thành viên bộ tại thời điểm cấp đất

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày hành quyết hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
24	3	05/05/2014	532	26/01/2016	Người thương (Vietcombank)	Trương Thanh Phụng và ông Lê Văn Hoành	513.579	-	513.579	4. Hoàn thi hành án	Thông báo khởi kiện TS kể biên
25	2	26/09/2014	342	18/12/2014	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Thanh Thor	1.026.530	-	1.026.530	3. Đang thi hành	Đang kỳ HĐBĐG
26	05/2019/KDTM-ST	13/11/2019	69/QĐ-CCTHADS	29/12/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Văn Hân, Nguyễn Thị Hân, Thôn Ngõ, xã Chuỳnh Mỹ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	440.384	-	440.384	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
27	9/DS-ST	12/11/2018	151/QĐ-CCTHADS	22/07/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Trung Hào, ấp 3, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	87.991	-	87.991	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
28	05/2018/DSST	07/03/2018	227/QĐ-CCTHADS	30/08/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Huỳnh Văn Dục, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	4.354	-	4.354	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
29	21/2018/DSST	16/03/2018	192/QĐ-CCTHADS	26/06/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Lễ, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	14.732	-	14.732	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
30	20/2018/DSST	16/03/2018	191/QĐ-CCTHADS	26/06/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Lễ, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	34.251	-	34.251	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
31	24/2018/DSST	22/03/2018	169/QĐ-CCTHADS	09/05/2018	Sài Gòn (Sài Gòn, SCB)	Trần Văn Dục, ấp 3, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	483.203	-	483.203	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
32	16/2010/DSST	23/11/2010	996/QĐ-CCTHADS	24/02/2011	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Võ Thị Thanh Thủy, Tuổi, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	48.471	-	48.471	Đang tiếp tục bán đấu giá nhưng chưa có người mua	Xác minh
33	01/2015/KDTM	05/01/2015	911/QĐ-CCTHADS	25/05/2016	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Nguyễn Thị Nga, Tầm, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	27.842	-	27.842	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh
34	01/QĐST-KDTM	27/08/2020	23	25/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Huỳnh Văn Lân, Lê Thị Nguyễn - khu phố 1, phường 3, thị xã Cai Lậy	96.894	-	96.894	Đang thi hành	thoát thuận cho trả dần
V	Chỉ cục Tân Phước	46	46	46	46	46	102.800.849	230.527	102.570.322	46	
1	23/QĐST-DS	31/07/2019	140	18/08/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Thủy Dục, ấp Phú Hân, Phú Mỹ, Tân Phước, TG	13.965	-	13.965	Đang thi hành	Thỏa thuận nộp trả dần
2	103/DSST	05/01/2019	99	22/05/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Phạm Hoàng Dự, ấp Phú Thành, Phú Mỹ, Tân Phước, TG	39.899	-	39.899	Chưa có điều kiện thi hành	
3	177/DSST	17/06/2021	90	25/08/2022	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Công Chính, ấp 4, Tân Hòa, Tân Phước, Tiền Giang	120.277	20.000	100.277	Đang thi hành	
4	01/HGT	17/11/2022	49	03/02/2023	Đông Á (DAB)	Công ty TNHH một thành viên xây dựng Tân Nhựt Phát	20.822.557	-	20.822.557	Đang thi hành	
5	13	19/04/2021	45	18/01/2023	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VSP)	Trần Bảo Khương, ấp 3, Tân Lập 1, Tân Phước, Tiền Giang	11.383	-	11.383	Đang thi hành	
6	40	13/07/2022	27	31/10/2022	Công ty tài chính TNHH HD Saison	Trịnh Hoàng Kha, ấp Phú Xuân, Phú Mỹ, Tân Phước, Tiền Giang	38.465	-	38.465	Chưa có điều kiện thi hành	
7	69	02/12/2019	69	18/02/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Văn Toàn, ấp 1, xã Tân Lập 1, Tân Phước, Tiền Giang	102.893	-	102.893	Chưa có điều kiện thi hành	
8	70	21/09/2022	99	01/02/2023	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VSP)	Nguyễn Văn Trù, ấp Phú Hân, Phú Mỹ, Tân Phước, Tiền Giang	130.132	-	130.132	Chưa có điều kiện thi hành	
9	03	27/01/2023	93	01/02/2023	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Phú Xuân, Phú Mỹ, TP. TG	490.385	-	490.385	Đang thi hành	
10	27	10/04/2023	137	18/03/2024	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Cy TNHH SX TM xuất nhập khẩu Minh Nguyễn	37.179.682	-	37.179.682	Đang thi hành	
11	26/QĐST-DS của TAND huyện Tân Phước, Tiền Giang	16/09/2019	29	11/04/2020	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	Nguyễn Thị Mỹ 1982, ấp 4, Thạnh Tân, Tân Phước, TG	72.594	52.500	20.094	Đang thi hành	
12	41/QĐST-DS của TAND huyện Tân Phước, Tiền Giang	30/12/2019	102	06/02/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Phan Văn Cường, 1970, Trương Thị Lan Chi, 1980	211.613	-	211.613	Đang thi hành	
13	27/QĐST-DS của TAND huyện Tân Phước	07/12/2021	36	15/02/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Hoàng Long, 1966, ấp 3, Tân Hòa, Tân Phước, Tiền Giang	15.669	15.669	-	1. Thi hành xong	
14	01/DSST của TAND huyện Tân Phước	06/01/2023	87	27/04/2023	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSF)	Nguyễn Thị Mỹ 1982, ấp 4, Thạnh Tân, Tân Phước, TG	103.468	52.500	50.968	Đang thi hành	Vấn đóng thuyết phục
15	01/QĐST-KDTM của TAND huyện Tân Phước	24/05/2023	130	12/07/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Công ty TNHH M&T Thành Viên Huỳnh Phúc	6.805.600	6.805.600	6.805.600	Đang Thi hành hiện việc kê biên tài sản	
16	02/QĐST-KDTM của TAND huyện Tân Phước	24/05/2023	129	12/07/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Đoàn Thị Bê, Huỳnh Văn Ba, Huỳnh Tấn Phúc, Huỳnh Tấn Hân, Huỳnh Tấn Khương, Huỳnh Thị Kim Ngân	2.833.745	-	2.833.745	Đang Thi hành hiện việc kê biên tài sản	
17	05/QĐST-KDTM	20/04/2021	28	03/11/2022	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Trần Văn Sang, 1973, Mỹ Tho, Tiền Giang	7.624.000	-	7.624.000	Đang thi hành	
18	07/QĐST-KDTM	27/04/2021	29	03/11/2022	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Đoàn Văn Sang, 1975, Mỹ Tho, Tiền Giang	13.487.000	-	13.487.000	Đang thi hành	
19	76/DSST	23/09/2017	43	02/11/2017	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Ngô Văn Lập, sinh năm 1974, Phước Lập, Tân Phước	52.704	-	52.704	Đang thi hành	
20	01/QĐST-KDTM	28/08/2020	71	01/02/2021	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Phạm Thị Tổng, sinh năm 1932, Lê Văn Hai, sinh năm 1953, Mỹ Bình, Phước Lập	457.045	-	457.045	Đang thi hành	
21	119/DSST	28/09/2023	126	27/02/2024	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Nguyễn Văn Hòa, Võ Thị Tiên, Mỹ Bình, Phước Lập, TP. TG	214.428	-	214.428	Đang thi hành	
22	04/QĐST-KDTM	01/08/2023	103	22/01/2024	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Cy TNHH Thúc phẩm xanh D và A, ấp 2, xã Thạnh Tân, TP. TG	457.045	-	457.045	Đang thi hành	
23	02/QĐCNHGT-KDTM	12/12/2023	118	07/02/2024	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Cy TNHH Hoa Đông, Mỹ Lợi, Phước Lập, TP. TG	5.645.358	-	5.645.358	Đang thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
24	70/2023/DS-ST	14/07/2023	87/QĐ-CCTHADS	14/07/2023	Sài Gòn Thương Tín (Secombank)	Tổ Thi Kim Thủy; Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	38.363	-	38.363	3.Đang thi hành	
25	05/QĐST-KDTM	24/10/2023	127	11/03/2024	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Tân Văn Bơ Đông Thù, xã Tân Hòa Tây, TP. TG Tân Hưng Đông, Tân Hòa Tây, TP. TG	442.354	-	442.354	3.Đang thi hành	
26	03/2023/QĐST-KDTM	20/04/2021	26/QĐ-CCTHADS	27/07/2023	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Thành Công; Tổ 3, ấp Mỹ Lạc, xã Thanh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	5.022.574	-	5.022.574	3.Đang thi hành	
27	06/2022/QĐST-DS	17/06/2021	101/QĐ-CCTHADS	04/04/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Trần Châu Nam, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Nhỏ, sinh năm 1988; ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	85.071	84.200	871	3.Đang thi hành	
28	57/2019/DS-ST	31/07/2019	21/QĐ-CCTHADS	27/11/2019	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSF)	Nguyễn Thị Thu Hồng; Khu phố 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	16.342	15	16.327	Chưa có điều kiện thi hành	Thỏa thuận trả dần
29	06/2021/QĐST-DS	22/11/2019	103/QĐ-CCTHADS	02/02/2021	Kiên Long (KienLongbank)	Huyện Thanh Đức; ấp Tân Hưng Phước, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	23.286		23.286	Chưa có điều kiện thi hành	
30	53/2019/DS-ST	05/11/2019	01/QĐ-CCTHADS	22/11/2019	Đông Á (DAB)	Là Quốc Chương; ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	10.633		10.633	Chưa có điều kiện thi hành	
31	02/2020/DS-ST	02/02/2021	141/QĐ-CCTHADS	17/03/2020	Không nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Huyện Thị Bè Phước; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	57.032	-	57.032	Chưa có điều kiện thi hành	
32	20/DS-ST	17/06/2021	28/QĐ-CCTHADS	13/04/2018	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	12.597	20	12.577	Chưa có điều kiện thi hành	
33	22/DS-ST	17/11/2022	30/QĐ-CCTHADS	13/04/2018	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	12.597	-	12.597	Chưa có điều kiện thi hành	Đang ly hôn HD bán đấu giá
34	19/DS-ST	19/04/2021	17/QĐ-CCTHADS	13/04/2018	Đông Á (DAB)	Thái Thị Kim Ngọc; Nguyễn Thanh Quốc; Khu 4, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	4.968	-	4.968	Chưa có điều kiện thi hành	
35	02/QĐST-DS	13/07/2022	19/QĐ-CCTHADS	02/01/2018	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	12.191	-	12.191	Chưa có điều kiện thi hành	
36	08/QĐST-DS	17/11/2022	25/QĐ-CCTHADS	02/01/2018	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.951	5.000	6.951	Chưa có điều kiện thi hành	Ủy thác THA
37	23/DS-ST	02/12/2019	31/QĐ-CCTHADS	13/04/2018	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	12.597	-	12.597	Chưa có điều kiện thi hành	TDR
38	29/QĐST-DS	04/04/2022	34/QĐ-CCTHADS	25/01/2018	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.819	-	11.819	Chưa có điều kiện thi hành	
39	28/QĐST-DS	21/09/2022	33/QĐ-CCTHADS	25/01/2018	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.819	-	11.819	Chưa có điều kiện thi hành	
40	55/QĐST-DS	29/07/2020	37/QĐ-CCTHADS	25/12/2017	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.705		11.705	Chưa có điều kiện thi hành	Đang tác động đương sự tư nguyện THA
41	56/QĐST-DS	17/06/2020	38/QĐ-CCTHADS	25/12/2017	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.819	113	11.706	Chưa có điều kiện thi hành	
42	59/QĐST-DS	28/08/2020	40/QĐ-CCTHADS	25/12/2017	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	16.189		16.189	Chưa có điều kiện thi hành	Đang tác động đương sự tư nguyện THA (tư bản tài sản)
43	61/QĐST-DS	29/09/2020	42/QĐ-CCTHADS	25/12/2017	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.819		11.819	Chưa có điều kiện thi hành	Đang tác động đương sự tư nguyện THA (tư bản tài sản)
44	63/QĐST-DS	30/03/2022	43/QĐ-CCTHADS	25/12/2017	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.819	510	11.309	Chưa có điều kiện thi hành	
45	64/QĐST-DS	30/07/2007	47/QĐ-CCTHADS	28/12/2017	Đông Á (DAB)	Huyện Thị Hương; Khu 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	11.819	-	11.819	Chưa có điều kiện thi hành	
46	77/DSST	13/04/2018	87/QĐ-CCTHADS	27/09/2017	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSF)	Nguyễn Thanh Quân, 1955; Thái Thị Kim Ngân, 1978; Khu 4, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	9.578	-	9.578	Chưa có điều kiện thi hành	
VI	Chỉique Châu Thành	77	77	77	77	77	53.697.560	506.269	53.192.291	77	

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành báo án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
1	156/2019/DSST	17/06/2019	1811	04/09/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Phạm Thái Vũ, Trần Hòa-Thanh Cưu Nghĩa	147.119	-	147.119	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại theo định kỳ
2	317/2018/QĐST-DS	02/11/2018	1306	06/05/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Huỳnh Ngọc Sơn, áp Trần Đức, xã Tân Cưu Nghĩa	84.010	-	84.010	3.Đang thi hành	Thỏa thuận trả dần
3	04/2020/QĐST-KDTM	22/06/2020	101	18/11/2020	Công ty TNHH CTCCTC Quốc tế Chialense	Công ty TNHH XDTM&DY Cơ khí Huế Tân, Cưu Hòa-Thanh Cưu Nghĩa	4.034.532	-	4.034.532	4.Hoàn thi hành án	Tại sân đang tranh chấp, chờ kết quả giải quyết của Tòa án
4	02/2023/KDTM-ST	05/04/2023	251	12/06/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Mai Văn Phúc, Trần Thị Hồng Loan, áp Thiệu, xã Đồng Hòa	4.578.234	-	4.578.234	3.Đang thi hành	Đang xác minh
5	09/2024/DS-ST	16/01/2024	222	29/02/2024	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Ông Ngô Thanh Duy, áp Ngại Thuận, xã Tân Cưu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	294.503	-	294.503	3.Đang thi hành	Đang xác minh
6	09/2023/QĐST-KDTM	05/12/2023	241	14/03/2024	Kiên Long (KienLongbank)	Bà Lê Thị Mười, áp Thanh Đạo, xã Tân Cưu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang Ông Phạm Quốc Cường, sinh năm 1976; áp Thanh Đạo, xã Tân Cưu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	3.816.916	-	3.816.916	3.Đang thi hành	Đang xác minh
7	485/2022/DS-ST	15/12/2022	194	29/01/2024	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Bà Phạm Ngô Cẩm Vân, áp Cưu Hòa, xã Tân Cưu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	546.424	-	546.424	3.Đang thi hành	Đang xác minh
8	208/2017/DSST	10/08/2017	1468	20/07/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Lý Ngọc Minh Long, áp Long Tường, xã Long An	16.642	-	16.642	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
9	345/2017/QĐST-DS	20/12/2017	1018	02/05/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lý Ngọc Minh Long, áp Long Tường, xã Long An	26.128	-	26.128	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
10	46/2012/QĐST-DS	14/06/2012	691	22/02/2013	An Bình (ABBank)	Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Thị Dung, 15 Đồng Đa P4 TPMT	735.710	-	735.710	Chưa có điều kiện thi hành	Chưa KB vì UBND huyện đã thu hồi giấy CNQSDĐ đã thế chấp
11	260/2020/DSST	07/09/2020	90	17/11/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Thị Thu Minh áp Long Tường, Long An	24.071	-	24.071	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
12	383/2019/QĐST-DS	19/11/2019	305	28/05/2021	Bản Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Trịnh Thị Tuyết áp Tân Thuận B, xã Bình Đức, CT, TG	14.538	-	14.538	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
13	66/2019/DSST	26/11/2019	323	23/08/2021	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Nguyễn Văn Dư, áp Long Tường, xã Long An, CT TG	69.887	-	69.887	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
14	224/2020/QĐST-DS	19/08/2020	101	28/12/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thanh Tú, áp Long Tường, Long An, CT, TG	12.587	-	12.587	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
15	473/2023/DSST	29/09/2023	213	15/02/2024	Đồng Á (DAB)	Huỳnh Công Oanh, Tân Thuận B, Bình Đức, CT, TG	17.054	-	17.054	3.Đang thi hành	Tin chấp, đang Xác minh THA
16	11/2023/QĐST-KDTM	18/12/2023	231	01/03/2024	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Thị Ngọc Thủy; cùng địa chỉ: áp Long Thành, xã Long An, CT, TG	2.080.739	-	2.080.739	3.Đang thi hành	Xác minh để xử lý is thế chấp
17	10/2017/KDTM-ST của TAND TP. Mỹ Tho	21/08/2017	576	12/01/2018	Đồng Nam Á (SesABank)	Công ty TNHH Ngọc Minh Thư	328.539	-	328.539	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
18	460/2014/QĐST-DS của TAND huyện Châu Thành	09/12/2014	1019	02/05/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Cao Trọng Hữu xã Tam Hiệp	5.444	-	5.444	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
19	176/2018/DS-ST của TAND huyện Châu Thành	30/07/2018	314	08/11/2018	Xăng dầu Petrolimex (Petrolimex Group Bank, PG Bank)	Trần Thanh Trung Lê Thị Hằng xã Tam Hiệp	2.000.141	-	2.000.141	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
20	256/2016/QĐST-DS của TAND huyện Châu Thành	16/09/2016	1037	05/04/2019	Sài Gòn Công Thương (Saigobank)	Lương Minh Việt xã Tân Hương	8.524	-	8.524	3.Đang thi hành	Trả dần tại Ngân hàng
21	TAND huyện Châu Thành	24/06/2019	1093	09/03/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Hằng xã Tam Hiệp	32.573	-	32.573	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
22	144/2019/DS-ST của TAND huyện Châu Thành	07/06/2019	1094	09/03/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Thanh Trung xã Tam Hiệp	26.180	-	26.180	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
23	297/2019/DS-ST của TAND huyện Châu Thành	10/10/2019	773	08/01/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Hoàng Hoàn xã Tân Hương	102.811	-	102.811	3.Đang thi hành	Lập tài trợ khảo sát tài sản
24	421/2018/DS-ST của TAND huyện Châu Thành	10/09/2018	972	12/02/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Trần Thị Tố Oanh Phạm Hồng Linh xã Tam Hiệp	780.296	-	780.296	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
25	254/2022/DS-ST của TAND huyện Châu Thành	14/10/2022	250	12/06/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trương Thị Mỹ Linh xã Tân Hương	31.848	-	31.848	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
26	331/2022/QĐST-DS của TAND huyện Châu Thành	19/08/2022	35	13/10/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Gái xã Tân Hương	297.766	-	297.766	3.Đang thi hành	Đang minh tài sản
27	522/2023/QĐST-DS của TAND huyện Châu Thành	05/12/2023	240	14/03/2024	Kiên Long (KienLongBank)	Trần Trung Bền và Nguyễn Thị Thanh Diệu xã Tam Hiệp	579.531	-	579.531	3.Đang thi hành	Đang minh tài sản
28	128/DSST	30/05/2016	133	23/10/2017	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Cẩm Hồng, Vĩnh Quý, Vĩnh Kim	25.301	-	25.301	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
29	371/QĐST	24/09/2013	192	05/01/2016	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Đoàn Thanh Hải áp Ngại Thuận, xã Tân Cưu Nghĩa, CT	29.494	-	29.494	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
30	368/2014/DSST	22/09/2014	86	21/10/2015	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Đoàn Thanh Hải áp Ngại Thuận, xã Tân Cưu Nghĩa, CT	17.574	-	17.574	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
31	419/QĐST-DS	29/11/2019	855	17/01/2020	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Thị Bảy, Lê Tấn Báo, Vĩnh Quý, Vĩnh Kim	409.314	-	409.314	3.Đang thi hành	Đang bàn dân giá, chờ giải quyết điểm là 417.539.079đón e.
32	211/QĐST-DS	14/08/2020	42	28/10/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Thị Ngọc Bích, Vĩnh Thành, Vĩnh Kim	17.309	-	17.309	3.Đang thi hành	Ra quyết định chưa điều kiện.

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
33	01/KD.TMAST	08/01/2021	208	16/03/2021	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tài (GD ông Đỗ Văn Thao), Vĩnh Hòa, Vĩnh Kim	11.040.339	-	11.040.339	3. Đang thi hành	Đang trong thời hạn bản đầu giá, với giá khởi điểm là 1.923.000đồng.
34	08/KD.TMAST	28/12/2017	24	11/11/2021	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty TNHH Thương mại xây dựng Văn Bình	1.296.673		1.296.673	3. Đang thi hành	Các bên thỏa thuận nộp tiền theo văn bản của Ngân hàng gửi.
35	185/QBST-DS	19/06/2023	62	24/10/2023	Xuất Nhập Khu Việt Nam (Esimbank, EIB)	Nguyễn Hữu Nhân, Phạm Thị Kim Anh, Vĩnh Hòa, Vĩnh Kim	395.044	395.044	-	1. Thi hành xong	
36	348/QBST-DS	10/12/2021	381	05/08/2022	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	Trần Thị Phương Danh, Trần Lý Tây	1.166.575		1.166.575	3. Đang thi hành	Dự kiến cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá trong tháng 4/2024.
37	09/2017/KD.TMA-ST	06/01/2012	988	07/05/2012	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Công ty TNHH thương mại vận tải Anh Nguyễn, 13/8 Lê Đức Thọ, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	2.659.937		2.659.937	3. Đang thi hành	Đang thi tục bán đấu giá lần thứ 8
38	148/2022/QBST-DS	09/05/2022	104	22/12/2022	Đại Chung (P'vcom Bank)	Nguyễn Thị Hồng Thu áp Thanh Hưng, xã Thanh Phú	199.640	-	199.640	3. Đang thi hành	Đang xác minh điều kiện THA theo quy định
39	141/2023/QBST-DS	29/05/2023	284	21/07/2023	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (BIDV)	Tần Văn Dũng Lê Thị Thiên Trang	1.625.090		1.625.090	3. Đang thi hành	Đã khảo sát tài sản đang chờ bán về của Chủ nhân Văn phòng đăng ký đất đai
40	126/QBST-DS	13/06/2017	692	18/12/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Nhung, Tân Phong, Tân Lý Tây	38.793	-	38.793	3. Đang thi hành	Tài sản cấp cho hộ đang thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp huyện Châu Thành, Có văn bản gửi Ngân hàng đang đề chấp về phải hợp nhien vu ngày 29/3/2022.
41	295/QBDS-ST	19/08/2018	1172	07/05/2019	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	Trần Thị Xứng, Nguyễn Thuận Hòa, Tân Phong, Tân Lý Tây	96.225	96.225	-	1. Thi hành xong	Các bên thỏa thuận nộp tiền trả xong đến 31/12/2023 (gồm tiền gốc và lãi)
42	334/2023/QBST-DS	23/08/2023	207/QB-CCTHADS	05/02/2024	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Bà Trần Thị Út, sinh năm 1972, ấp Xóm Vong, xã Thanh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang Ông Phạm Văn Bèo, sinh năm 1967, ấp Xóm Vong, xã Thanh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	1.231.427		1.231.427	3. Đang thi hành	Đang xác minh điều kiện THA theo quy định
43	315/DS-ST	17/10/2019	1157	18/03/2019	Ban Điện Liên Việt (LienVietPostbank)	Đoàn Thị Hồng Lạc, Phú Ninh, Phú Phong	34.000		34.000	3. Đang thi hành	Vay tín chấp, kê biên tài sản
44	13/KD.TMA-ST	16/08/2017	356	16/11/2017	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Văn Vũ, Đúc, ấp Bình Thuận, xã Bình Trung, CT, TG	232.543	-	232.543	3. Đang thi hành	Thẩm định giá tài sản kê biên
45	16/KD.TMA-ST	20/03/2014	1677	27/05/2014	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Huyền Công Tiến, Dương Kim Anh xã Bình Trung, CT, TG	171.474		171.474	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
46	213/KQB-PT	31/08/2017	1564	10/08/2018	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Đoàn Thanh Nam, Phạm Thị Chúc xã Đường Diêm, CT, TG	262.651		262.651	3. Đang thi hành	Đã kê biên TS, TB lưu chon tó chức BBG
47	351/DSPT	01/11/2018	445	18/11/2019	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Đoàn Thanh Nam, Phạm Thị Chúc	1.199.751		1.199.751	3. Đang thi hành	Đã kê biên TS, TB lưu chon tó chức BBG
48	10/KD.TMA-ST	18/07/2017	446	18/11/2019	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Đoàn Thanh Nam, Phạm Thị Chúc xã Đường Diêm, CT, TG	699.328		699.328	3. Đang thi hành	Đã kê biên TS, TB lưu chon tó chức BBG
49	05/DSST	14/04/2021	89	17/12/2021	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Trương Văn Châu, Huyền Thị Tuyết	1.642.560		1.642.560	3. Đang thi hành	Đã kê biên TS, TB lưu chon tó chức thẩm định giá
50	410/DSST	02/02/2021	324	17/06/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Ngọc Chinh	23.440		23.440	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
51	372/DSST	09/09/2022	175	20/03/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Huỳnh Luân	600.817		600.817	3. Đang thi hành	Đã kê biên TS, TB lưu chon tó chức thẩm định giá
52	06/2023/KD-ST	05/09/2023	10/QB-CCTHADS	15/11/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Công ty Trách nhiệm hạn hạn An Phát TTT, số 197/1 ấp Tân Trung, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	340.117		340.117	3. Đang thi hành	Xác minh

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Ngày hành quyết định thi hành án	Số quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	I	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
53	06/2016/QĐ-PT; 16/2015/KDTM-ST	14/04/2016; 11/08/2015	173/QĐ- CCTHADS	29/07/2020	Kỹ Thương (Techcombank)	Giang V TNHH TMĐV Hưng Thành; số 192, tỉnh lộ 864, ấp Đồng Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	2.375.316	0	9=7-8	Chưa có điều kiện thi hành	minh lại theo định
54	362/2020/QĐ-ST	04/12/2020	213/QĐ- CCTHADS	16/03/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Diệp, sinh năm 1965; ấp Mỹ Phú, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	12.246			3.Đang thi hành	Thỏa thuận trả dần
55	03/2019/KDTM-ST	07/05/2019	585/QĐ-CCTHAD	18/07/2019	Kiên Long (Kienlongbank)	Nguyễn Thanh Văn, ấp Mỹ Phú, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang Phạm Thị Phương, ấp Mỹ Phú, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	47.447			3.Đang thi hành	Thỏa thuận trả dần
56	74/2019/QĐ-ST	23/08/2019	1799	11/08/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Đoàn Thị Kim Oanh, ấp Long Bình B, Long Hưng	16.804	0		Chưa có điều kiện thi hành	ic minh theo định
57	19/2019/QĐ-ST-DS	17/01/2019	1059	11/04/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Hà Ngọc Quốc Thái, Tân Thuận-Tân Hội Đồng	20.773	0		Chưa có điều kiện thi hành	minh lại theo định
58	308/QĐ-ST-DS	21/08/2013	1116	31/03/2014	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Lương Hồng Đức, Tân Hội Đông	169.136	0		Chưa có điều kiện thi hành	minh lại theo định
59	177/2020/QĐ-ST	22/07/2020	112	30/11/2020	Sài Gòn Công Thương (Saigobank)	Nguyễn Văn Tuấn, ấp Long Thành A, Long Hưng	10.095	0		Chưa có điều kiện thi hành	ic minh theo định
60	20/2022/QĐ-ST	21/01/2022	270	15/04/2022	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Nguyễn Tuấn Anh, ấp Long Thuận B, Long Hưng	44.240	0		3.Đang thi hành	ic chấp đang xác
61	47/KDTM-ST	11/11/2013	1636	19/05/2014	Đại Chung (PVcom Bank)	Lê Hồng Anh, Nguyễn Đăng Thanh ấp Thuận, xã Đường Điền, CT, TG	760.955	0		Chưa có điều kiện thi hành	Đã bản kết TS thể chấp, chuyển CĐK
62	350/2021/QĐ-ST	14/12/2021	266	12/04/2022	Sài Gòn Công Thương (Saigobank)	Nguyễn Văn Hiền, ấp Tân Thuận, xã Tân Hội Đông	65.827	0		Chưa có điều kiện thi hành	minh lại theo định
63	335/2023/QĐ-ST-DS	23/08/2023	139	06/12/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Võ Thị Kim Thủy, ấp Tân Hòa, Tân Hội Đông	288.257			Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh thông tin tài sản
64	09/2017/KDTM-ST	16/07/2019	779	08/01/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Kim Thị Ngọc Hạnh, ấp Đồng, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	310.000	0		Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKTHA theo quy định
65	199/2020/QĐ-ST	07/08/2020	122	03/12/2020	Ngoại thương (Vietcombank)	Bùi Văn Nhật ấp Tây - Kim Sơn	14.247	0		Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKTHA theo quy định
66	193/2022/QĐ-ST	09/06/2022	30	21/10/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Minh Phúc ấp Tây, xã Kim Sơn	34.432	0		Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKTHA theo quy định
67	367/2023/QĐ-ST	06/09/2023	121	20/11/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Ngọc Hân, ấp Hân Lợi, xã Hưu Đạo	39.545			3.Đang thi hành	Đang xác minh điều kiện THA theo quy định
68	282/2022/QĐ-ST-DS	07/02/2022	191	24/01/2024	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostbank)	Phạm Bảo Quốc, ấp Tây, xã Kim Sơn	132.825			Đang xác minh điều kiện THA theo quy định	
69	09/KDTM-ST	14/02/2014	23	06/10/2014	Kỹ Thương (Techcombank)	Nguyễn Văn Thuận, ấp Tây 1, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	3.346	-		Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
70	208/DSST	22/09/2017	23	06/10/2014	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Hà Thị Bê Sửu, ấp Tây 2, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	17.133	-		Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKTHA theo quy định
71	208/DSST	04/11/2019	749	30/12/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Thị Kim Loan, ấp Tây 1, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	70.145	14.000		3.Đang thi hành	Thu trả dần hàng tháng do không có tài sản
72	05/2016/KDTM-ST	04/04/2016	407	26/08/2022	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Lê Phước Thành, Nguyễn Thị Bảy, ấp Kính 2A, xã Long Định	384.152	-		Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
73	282/QĐ-ST-DS	08/12/2010	127	10/10/2011	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Võ Văn Lưu, ấp Hưng-Nhị Bình,	5.420			Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
74	357/DSPT	30/06/2016	409	30/06/2016	Đông Nam Á (SeABank)	Trần Ngọc Bình+Phạm Thị Thanh Trúc, ấp Tây-Nhị Bình,	56.877			3.Đang thi hành	Đã kê biên TS, thành viên hộ gia đình tranh chấp tài sản, đã có VB đề nghị Tòa cung cấp thông tin về kết quả xét xử để làm cơ sở xử lý
75	487/QĐ-ST	22/12/2014	368	14/07/2015	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Thị Mỹ Diệu 1964; ấp Hòa, xã Nhị Bình	6.397			Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh theo định kỳ
76	172/QĐ-ST	31/05/2022	162	28/12/2023	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Nguyễn Minh Tâm 1995; ấp Mía, xã Long Định	1.499.247			3.Đang thi hành	Đang xác minh tài sản thế chấp
77	100/DSPT	01/02/2024	246	18/03/2024	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Phan Chi Hiền + Bùi Thị Mỹ, Đồng, xã Long Định	1.164.535			3.Đang thi hành	
VII	Chỉ cục Tp. Mỹ Tho	123	123	123	123	123	470.850.490	13.050.316	457.800.174	123	
I	01/2024/QĐ-ST-DS	02/01/2024	216/QĐ- CCTHADS	19/03/2024	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Nguyễn Văn Tường, Ngô Thanh Lịch, 863 ấp 1, Đạo Thành	3.249.019	-		7.Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành quyết định của Tòa án		Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
		1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
2	83/2023/QĐST-DS		13/12/2023	215/QĐ-CCTHADS		Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Hồ Thanh Thương, Nguyễn Song Thúc Oanh, 4, Đèo Thanh	3.160.125	-	3.160.125	7.Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	Đã thực hiện việc KBTS
3	01/2022/QĐSTKD-TM		25/05/2022	161/QĐ-CCTHADS		Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Trần Văn Sang, 01 Trần Quốc Tuấn, phường 4, TP Mỹ Tho, TG	237.951.734	-	237.951.734	5.Tam định chỉ thi hành án	Đã thực hiện việc KBTS
4	09/2021/QĐST-KDTM		28/04/2021	22/QĐ-CCTHADS		Ngôi trường (Vietcombank)	Trần Văn Sang, 01 Trần Quốc Tuấn, phường 4, TP Mỹ Tho, TG	21.703.011	-	21.703.011	4.Hoàn thi hành án	Đã thực hiện việc KBTS
5	77/2011/ĐSSST		30/05/2011	1273	14/07/2011	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ng Tiến Dũng, L4 Đèo Thanh, TPMT	56.669	-	56.669	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
6	48/2011/KDTM		29/03/2011	627	04/04/2012	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Tiến Dũng, L4 Đèo Thanh, TPMT	65.735	-	65.735	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
7	63/ĐSST		30/08/2016	107	03/11/2016	A Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Mai Thanh Long, 11/04 Ấp 1, Đèo Thanh, TPMT	56.918	-	56.918	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
8	194/QĐST-DS		29/7/2013	117	01/11/2017	Kiên Long (KienLongBank)	Trần Tấn Kiên và Đoàn Bích Chi, 350 ấp 1, Đèo Thanh, TPMT	65.465	-	65.465	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
9	503/2014/ĐSPT		24/12/2014	32	15/10/2019	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Lê Thoại Duy, GP CTY TNHH Tương Minh, 412 ấp 3B, Đèo Thanh, TPMT	52.897	-	52.897	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
10	124/2019/ĐSST		12/09/2019	90	27/11/2019	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Triệu Tấn Kiên, Số 1123 Ấp 1, Đèo Thanh, TPMT	37.130	-	37.130	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
11	114/2019/ĐSST		18/11/2019	226	10/07/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Triệu Tấn Kiên, Số 1123 Ấp 1, Đèo Thanh, TPMT	39.058	-	39.058	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
12	18/2018/ĐSST		08/03/2018	324	29/06/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Hữu Lành, 428 ấp 1, Đèo Thanh, TPMT	43.874	-	43.874	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
13	89/2020/ĐSST		30/09/2020	42	02/12/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Đoàn Bích Chi, 350 ấp 1, Đèo Thanh, TPMT	34.200	-	34.200	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
14	49/2020/ĐSST		08/09/2020	52	13/12/2021	Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	Nguyễn Phương Duy, 952A ấp 1, Đèo Thanh, TPMT	30.960	-	30.960	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
15	24/2022/ĐSST		07/04/2022	115	09/12/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Thị Huy Hân, 10.313 ấp 1, xã Đèo Thanh, TP.MT	10.313	-	10.313	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
16	65/2022/ĐSST		03/08/2022	10	07/10/2022	Ngoại thương (Vietcombank)	Phan Thái Bình, 68/14B Trần Thị Thơm, P.9, TP.MT, TG	1.203.853	-	1.203.853	3.Đang thi hành	Tại sân lễ biên có tranh chấp
17	03/2021/KDTM		25/03/2021	205	21/05/2021	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Công ty TNHH Thế Bình Nguyễn 79B - 80 Lý Thường Kiệt, P.5, TP.Mỹ Tho	12.519.775	-	12.519.775	3.Đang thi hành	Đang bán đấu giá tài sản tại P5, TP.MT
18	22/2021/ĐSST		04/05/2023	267	15/06/2023	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Trần Văn Non, Nguyễn Thị Tường, 254, KP.5, P.9, TP.Mỹ Tho, tỉnh TG	3.556.463	-	3.556.463	3.Đang thi hành	Đang bán đấu giá tài sản tại P5, TP.MT
19	40/2023/ĐSST		17/05/2023	21	11/10/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Thủy An, 207 Long Hòa B, Đèo Thanh, MT	41.177	-	41.177	3.Đang thi hành	Đã kê biên tài sản
20	251/2023/QĐST-DS		19/07/2023	134	05/12/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Trần Thị Thuý, Phạm Quốc Thái, 428 ấp Lương Phú A, Lương Hòa Lạc	3.468.818	-	3.468.818	3.Đang thi hành	Đã kê biên tài sản
21	06/2015/QĐST-KD		17/04/2015	234	29/07/2015	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Võ Kim Anh, 213 Phạm Thanh Gián, phường 2, TPMT	566.763	-	566.763	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
22	07/KDTM		21/04/2015	22	02/10/2015	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	CTY TNHH Xây dựng Thuận Kiệt, 35/2 Nguyễn Huy Đức, phường 2, TPMT, TG	9.107.001	-	9.107.001	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
23	03/KDTM		02/06/2016	31	05/10/2018	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	Phan Anh Hải và Phạm Thị Cẩm Hồng, 10/8 là Thị Hồng Gấm, P6, TPMT	17.280	3.500	13.780	3.Đang thi hành	Tra dẫn tại quỹ tín dụng
24	03/2014/QĐST-KDTM		28/04/2014	117	12/12/2019	Đông Á (DAB)	Nguyễn Văn Tín, Phú Thạnh A, Phú Kiệt, Chợ Gạo, TG	608.897	-	608.897	Chưa có điều kiện thi hành	
25	58/2020/ĐSST		14/09/2020	77	17/11/2020	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Nguyễn Khắc Nghĩa và Trần Ngọc Thủy, Lan 31/4B Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, TP Mỹ Tho, TG	565.856	565.856	-	1.Thi hành xong	
26	70/2021/ĐSST		24/11/2021	103	21/03/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Ngọc Hoàng Tuấn, 11/2 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, TPMT	35.077	-	35.077	Chưa có điều kiện thi hành	
27	213/2022/QĐPT		24/08/2022	36	19/10/2022	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Đang Hoàng Vũ, 34/4 Trần Hưng Đạo, phường 6, TP Mỹ Tho	739.127	-	739.127	3.Đang thi hành	Đang bán đấu giá TS
28	110/2022/ĐSST		05/09/2022	108	25/11/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	46.950	-	46.950	Chưa có điều kiện thi hành	
29	59/2022/QĐST-DS		22/07/2022	175	22/02/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Thị Phụng	44.723	-	44.723	Chưa có điều kiện thi hành	
30	166/2017/ĐSST		28/09/2017	190	10/01/2018	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	Phan Thanh Châu và Ngô Kim Phương	9.077	-	9.077	3.Đang thi hành	
31	11/KDTM		27/09/2022	157	16/02/2023	Sài Gòn-Hà Nội (SHB, SHB)	Trương Bá Khánh Trinh và Nguyễn Yên Nhi	4.550.283	-	4.550.283	3.Đang thi hành	Đang bán đấu giá TS
32	07/KDTM		10/09/2022	186	07/03/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Thành Trãi	5.814.847	-	5.814.847	3.Đang thi hành	Đang bán đấu giá TS
33	08/QĐST-KDTM		05/07/2023	13	04/10/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	CTY TNHH MTV Đăng Tinh	2.651.416	-	2.651.416	3.Đang thi hành	Đang bán đấu giá TS
34	24/2019/QĐST-DS		05/07/2019	244	26/07/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Phan Thị Kim Hiền, 1, Trưng An	172.616	-	172.616	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh DK.THA
35	20/2019/KDTM-ST		27/11/2019	173	06/03/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Huyền Thăng Mẫn Linh, 4p Bình Thọ, Trưng An	42.342	-	42.342	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh DK.THA
36	100/2019/ĐSST		31/10/2019	176	09/03/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Hoàng Trí, 4p Chợ, Trưng An	30.900	-	30.900	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh DK.THA

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	I	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
37	137/2018/DSST	17/12/2018	177	09/03/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Hoàng Lục, ấp Bình Tào, Trung An	21.572	-	21.572	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
38	15/2019/DSST	12/04/2019	181	24/03/2020	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Huỳnh Văn Thanh, ấp 1, Trung An	266.658	-	266.658	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
39	23/2020/QĐST-KDTM-ST	14/08/2020	32	16/10/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Cty TNHH Hải Quốc Cường	1.241.110	-	1.241.110	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
40	20/2020/DSST	25/06/2020	74	12/11/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Thủy	9.262	-	9.262	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
41	14/2016/QĐST-KDTM	02/12/2016	72	12/11/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Cty TNHH Hải Quốc Cường	1.710.914	-	1.710.914	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
42	11/2018/DSST	05/02/2018	244	30/03/2018	Kiên Long (KienLongBank)	Lê Minh Long	169.173	169.173	-	1.Thi hành xong	Xong
43	10/2022/KDTM-ST	26/09/2022	138	30/12/2022	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Nguyễn Thị Cẩm Tú	4.534.755	-	4.534.755	3.Đang thi hành	Đang BDG
44	10/2020/DSST	19/05/2020	1	05/10/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Trương Ngọc Minh Phước Hòa - Phước Thanh	943.182	-	943.182	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
45	36/2016/QĐST-DS	02/06/2016	141	30/11/2016	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Văn Hải Phước Thanh	85.821	-	85.821	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
46	44/2016/QĐST-DS	24/06/2016	204	21/02/2017	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Bùi Thị Châu Loan + Nguyễn Văn Hùng Phước Thanh	980.102	-	980.102	8.Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	Tạm đình chỉ
47	38/2016/QĐST-DS	08/06/2016	251	11/04/2017	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Quốc Thu Phương - Phước Hòa, Phước Thanh	142.213	-	142.213	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
48	52/2018/DSST	28/06/2018	70	01/11/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Xuân Đào Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	19.886	-	19.886	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
49	57/2019/DSST	08/08/2019	170	02/03/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thành Trung Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	20.676	-	20.676	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
50	128/2019/DSST	27/11/2019	175	09/03/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Huỳnh Thị Ngọc Yến Địa chỉ: tổ 6, ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	50.176	-	50.176	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
51	512/2023/DSPT	15/09/2023	139	07/12/2023	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Văn Trung Phước Hòa, Phước Thanh, TP.MT	1.026.516	-	1.026.516	3.Đang thi hành	Đang BDG
52	06/2023/QĐST-KDTM	15/05/2023	09/QĐ-CCTHADS	04/10/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Tấn Tài, sinh năm 1977; Huỳnh Thị Phương Hồng, sinh năm 1981; 111, tổ 11, KP Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.324.323	-	1.324.323	3.Đang thi hành	Chuẩn bị kê biên, xử lý TS TC
53	44/2021/DSST	07/10/2021	79/QĐ-CCTHADS	04/11/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Ngọc Huy, sinh năm 1992; 17/26, tổ 6, Khu phố 1, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	16.133	-	16.133	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
54	09/2017/QĐST-DS	30/03/2017	80/QĐ-CCTHADS	24/01/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trương Lê Hằng, sinh năm 1966; số 2 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	97.336	-	97.336	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
55	06/2021/DS-ST	06/01/2021	53/QĐ-CCTHADS	13/12/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Đoàn Thị Ái Trinh, sinh năm 1989; 116 Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	41.287	-	41.287	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA (còn lại chiếm THA)
56	116/2019/DSST	19/11/2019	65/QĐ-CCTHADS	06/11/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Hoàng Tuấn, sinh năm 1974; 173A Ấp Bắc, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	259.885	-	259.885	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
57	30/2020/QĐST-KDTM	24/07/2020	61/QĐ-CCTHADS	06/11/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Công ty Cổ phần vật liệu Xây dựng Tiền Giang, 36/3 Lê Lợi, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	927.612	754.206	173.406	3.Đang thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
58	26/2019/QĐST-DS	11/07/2019	47/QĐ-CCTHADS	26/10/2020	Đồng Á (DAB)	Đồng Thị Hương, sinh năm 1962; 47/12, tổ 1, KP1, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	67.138	-	67.138	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
59	56/2019/DS-ST	26/07/2019	169/QĐ-CCTHADS	02/03/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Lê Thanh Phước, sinh năm 1979; số 258 khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	102.407	-	102.407	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
60	72/2019/DS-ST	22/08/2019	150/QĐ-CCTHADS	07/02/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Giang Ngọc Tuyền, sinh năm 1988; số 126 Trung Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	99.559	-	99.559	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA
61	05/2019/QĐST-KDTM	08/08/2019	40/QĐ-CCTHADS	21/10/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phương Tung; 289 Ấp Bắc, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	5.456.306	-	5.456.306	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK.THA

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành bản án	Ngày ban hành quyết định thi hành bản án	Người được thi hành bản án	Người phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản đã thi hành bản án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành bản án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
62	100/2016/DSST	16/12/2016	07/QĐ-CCTHADS	28/09/2017	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Thị Ngọc Sương, sinh năm 1972; 300 KP2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	16.866	16.865	1	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK THA
63	64/2017/QĐST-DS	28/06/2017	65/QĐ-CCTHADS	09/10/2017	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Huyền Kim Sơn, sinh năm 1956; 1/1 KP4, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	26.798	-	26.798	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK THA
64	64/2009/QĐST-KDTM	20/08/2009	239/QĐ-CCTHADS	29/03/2016	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Doanh nghiệp tư nhân Nam Khích; 47 khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	216.047	-	216.047	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK THA
65	16/2013/QĐST-KDTM	17/05/2013	135/QĐ-CCTHA.TB	12/12/2013	Đông Á (DAB)	Nguyễn Thị Cẩm Thủy; 73 Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang Huyền Văn Hạnh; 88/1 Trịnh Hoài Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	303.130	-	303.130	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK THA
66	09/2014/KDTM-PT	13/08/2014	20/QĐ-CCTHA.TB	02/10/2015	Kỹ Thuật (Techncombank)	Công ty TNHH Thanh Phúc; 116 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	8.955.791	-	8.955.791	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK THA
67	19/DSST	30/09/2022	129	01/12/2023	Đông Nam Á (SeABank)	Nguyễn Hoàng Long	2.927.009	-	2.927.009	3.Đang thi hành	KBTS
68	66	23/09/2020	170	29/03/2021	Bai Chung (PVCbank)	Tần Thị Minh Thảo	519.056	-	519.056	3.Đang thi hành	BQG
69	3	23/12/2022	269	16/06/2023	An Bình (ABBank)	Nguyễn Minh Long	4.503.076	-	4.503.076	3.Đang thi hành	KBTS
70	20	20/04/2022	68	01/11/2022	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Nguyễn Minh Long	5.250.863	-	5.250.863	3.Đang thi hành	TDG-TS
71	12/2016/KDTM-PT của TAND TP Bến Tre	13/09/2016	110	09/11/2016	Đông Á (DAB)	Công ty TNHH Hải Quốc Cường; Ấp 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	23.198.695	-	23.198.695	4.Hoàn thi hành án	Đã bàn đầu giá lần thứ 11 với số tiền 11.250.000.00 đồng nhưng người mua tài sản nộp tiền trả thời hạn. Tài sản đang phát sinh tranh chấp Tòa án đã thụ lý, chờ kết quả xét xử của Tòa án
72	36/2015/QĐST-DS của TAND TP Bến Tre	11/09/2015	81	16/10/2017	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Lê Trí, số 200/4A, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre	109.899	-	109.899	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK (44a)
73	05/2020/QĐST-KDTM	18/12/2020	144	01/03/2021	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Lê Thị Hải Yến - Đặng Lâm Hiếu Trung; số 178, ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, TP Mỹ Tho, TG	3.963.684	454.437	3.509.247	3.Đang thi hành	Đã kê biên Tài sản, Đang bán đấu giá tài sản lần 13
74	08/2020/QĐST-KDTM	31/12/2020	190	19/04/2021	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Đoàn Thị Phi Yến - Võ Thanh Hoài Nhân; số 171 Ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, TP Mỹ Tho, TG	241.414	-	241.414	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK (44a)
75	13/2023/KDTM-ST	30/09/2022	114/QĐ-CCTHADS	29/11/2022	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Thu Liễu, Nguyễn Trọng Khương, số 9A ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹx Chánh, Mỹ Tho,	1.176.176	1.052.036	124.140	3.Đang thi hành	
76	17/2023/DSST	28/03/2023	265/QĐ-CCTHADS	14/6/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thành Công, địa chỉ: 53 H ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phong, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	50.111	-	50.111	3.Đang thi hành	
77	05/2022/KDTM-ST	07/07/2022	11/QĐ-CCTHADS	7/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Lê Thị Trang Đài, số 163/1 Tề Mâu Thôn, phường 4, TP Mỹ Tho, TG	320.000	-	320.000	3.Đang thi hành	
78	15/2023/QĐST-DS	14/03/2023	130/QĐ-CCTHADS	1/12/2023	Đông Nam Á (SeABank)	Nguyễn Văn Hoàng; số 112 ấp Mỹ Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	2.607.183	-	2.607.183	3.Đang thi hành	
79	10/2023/QĐST-DS	27/02/2023	131/QĐ-CCTHADS	1/12/2023	Đông Nam Á (SeABank)	Cao Hoàng Ngọc; 142B, Nguyễn Trung Trục, ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	6.226.864	-	6.226.864	3.Đang thi hành	Ủy thác
80	76/2023/QĐST-KDTM	08/09/2023	104/QĐ-CCTHADS	21/11/2023	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Trần Duy Bình; số 02 Thù Khoa Hườn, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	24.405.798	-	24.405.798	3.Đang thi hành	
81	11/2023/QĐST-KDTM	26/08/2023	68/QĐ-CCTHADS	31/10/2023	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Tần Duy Minh - Đoàn Kiên Ngạc; số 387/9, ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.482.621	-	18.482.621	3.Đang thi hành	
82	24/2023/QĐST-DS	08/05/2023	100/QĐ-CCTHADS	15/11/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Thanh Thủy; 38/5 ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	39.264	-	39.264	3.Đang thi hành	
83	39/2023/QĐST-DS	09/08/2023	123/QĐ-CCTHADS	24/11/2023	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Thị Yên Nhi - Nguyễn Văn Toàn; Ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.648.327	-	1.648.327	3.Đang thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án		Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2		3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
84	106/2023/DS-ST	08/09/2023	201/QĐ-CCTHADS		31/10/2023	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Trương Vĩnh Lộc, Ấp Hộ Già, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	161.244	-	161.244	3.Đang thi hành	
85	51/DS-ST của TAND TPMT	#####	83		24/11/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Quốc Cường; 1035 ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, TP.Mỹ Tho.TG	13.261	-	13.261	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK (44a)
86	128/2022/DSST	#####	129/QĐ-CCTHADS		21/12/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Thanh Sang, số 266 ấp Bình Thành, xã Tân Mỹ Chánh, Mỹ Tho, Tiền Giang	20.524	-	20.524	3.Đang thi hành	Chờ kết quả trả lời của Văn phòng đất
87	12/2019/QĐST-DS	#####	223		12/6/2019	Việt Nam Thịnh Vương (VPBank)	Đặng Nguyễn Quốc Hương, Đe số 216 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Mỹ Tho, TG	686.641	-	686.641	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh lại
88	198/2022/DSST	#####	184		29/1/2024	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Võ Phan Diễm Trang, số 63 Dong Dừa, phường 7, Mỹ Tho, TG	45.352	-	45.352	3.Đang thi hành	Chờ kết quả trả lời của Văn phòng đất
89	08/2012/KDTM4PT; 05/2012/KDTM-ST	26/09/2012; 18/06/2012	854/QĐ-CCTHA		13/03/2013	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Trần Thị Thu Hà; 148 Nguyễn An Ninh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	776.357	-	776.357	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
90	25/2013/QĐST-KDTM	14/08/2013	217/QĐ-CCTHA.TĐ		31/03/2014	Đông Á (DAB)	Phạm Hoàng Long- chủ doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại Phạm Hoàng Long. 59/2 Nguyễn An Ninh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.015.886	-	1.015.886	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
91	06/2015/QĐST-KD	17/04/2015	234/QĐ-CCTHA.TĐ		29/07/2015	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Võ Kim Ánh; 213 Phan Thanh Giản, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	566.763	-	566.763	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
92	07/2015/QĐST-KDTM	21/04/2015	22/QĐ-CCTHA.TĐ		02/10/2015	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Nguyễn Ngọc Sương; 35/2 Nguyễn Huỳnh Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang Công ty TNHH xây dựng Thuận Kiều có ông Vũ Văn Chiến đại diện); 35/2 Nguyễn Huỳnh Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	9.107.000	-	9.107.000	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
93	21/2014/DSST	19/03/2014	99/QĐ-CCTHADS		04/11/2015	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)	Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1960; 5/4 Nguyễn Huỳnh Đức, KP3, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	9.901	-	9.901	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
94	08/2016/QĐST-DS	07/06/2016	168/QĐ-CCTHADS		21/12/2016	An Bình (ABBank)	Lê Hoàng Vũ + Dương Thị Thoa; 19/15 Nguyễn Văn Nguyễn, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	689.632	566.470	123.162	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
95	89/2017/DSST	03/08/2017	271/QĐ-CCTHADS		07/05/2018	Việt Nam Thịnh Vương (VPBank)	Lê Nhật Tiêng; 188 KP2, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	99.460	3.000	96.460	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
96	92/2017/DSST	03/08/2017	307/QĐ-CCTHADS		12/06/2018	Việt Nam Thịnh Vương (VPBank)	Lê Thị Kim Loan; 35/4B Đắc Bình Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	4.595	-	4.595	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
97	25/2018/DSST	06/04/2018	325/QĐ-CCTHADS		29/06/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Thị Bình; 20/B Học Lạc, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	18.655	-	18.655	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
98	58/2019/DS-ST	09/08/2019	149/QĐ-CCTHADS		07/02/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Tấn Anh Vũ, sinh năm 1984; số 216 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	17.356	-	17.356	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
99	89/2019/DS-ST	11/10/2019	187/QĐ-CCTHADS		20/04/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Nguyễn Minh Luân, sinh năm 1985; số 63/4 Trịnh Hoài Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	24.080	-	24.080	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
100	92/2019/DSST	16/10/2019	186/QĐ-CCTHADS		20/04/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Nguyễn Thị Kim Vang, sinh năm 1985; số 318 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	28.064	-	28.064	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK
101	30/2020/QĐST-DS	23/07/2020	54/QĐ-CCTHADS		02/11/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Nguyễn Thị Hồ Ngọc Cúc, sinh năm 1963; 36/7 Nguyễn Huỳnh Đức, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	41.409	39.438	1.971	3.Đang thi hành	Khẩu từ thu nhập lương hàng tháng
102	39/2020/DSST	20/08/2020	130/QĐ-CCTHADS		14/01/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Thanh Duy, sinh năm 1973; 802, QL50, KP5, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	17.478	-	17.478	Chưa có điều kiện thi hành	CCĐK

Số TT	Ngày ban hành quyết định của Tòa án	Ngày ban hành quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
103	44/2020/DSST	01/09/2020	147/QĐ-CCTHADS	02/03/2021	Ngoại thương (Vietcombank)	Nguyễn Thị Rẫy, sinh năm 1943; Phan Văn Búp, sinh năm 1942;; 152/6 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	6.951.163	3.258.816	3.692.347	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
104	04/2020/QĐST-KDTM	01/12/2020	169/QĐ-CCTHADS	29/03/2021	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Dương Ngọc Quyền, sinh năm 1994; 26/7 Trần Thị Sinh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	52.964	-	52.964	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
105	24/2021/QĐST-DS	18/05/2021	37/QĐ-CCTHADS	18/11/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Tào Hữu Trung, sinh năm 1996;; 82 Nguyễn An Ninh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	25.699	-	25.699	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
106	85/2021/DSST	31/12/2021	104/QĐ-CCTHADS	21/03/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Cẩm Trang, sinh năm 1960;; số 7 Phan Văn Trí, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	22.459	-	22.459	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
107	110/2022/DSST	05/09/2022	108/QĐ-CCTHADS	25/11/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh năm 1985;; 49/2B Nguyễn Huỳnh Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	46.590	-	46.590	3.Đương thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
108	81/2022/QĐST-DS	30/08/2022	185/QĐ-CCTHADS	07/03/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thị Thảo, sinh năm 1974; 74/2 Nguyễn Huỳnh Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	31.433	4.100	27.333	3.Đương thi hành	Thỏa thuận trả dân
109	74/2018/DSST	17/09/2018	287/QĐ-CCTHADS	30/06/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Công Sung, sinh năm 1984; 70/5 Trịnh Hoài Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	34.633	-	34.633	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
110	359/2023/DS-PT; 142/2022/DSST	30/06/2023; 21/09/2022	07/QĐ-CCTHADS	21/02/2023	Ngoại thương (Vietcombank)	Âu Thị Út Em, sinh năm 1973; Lý Nguyễn Việt Toàn, sinh năm 1972; 18/8 Nguyễn Văn Nguyễn, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	7.996.408	5.300.854	2.695.554	Chưa có điều kiện thi hành	CCBK
111	83/2021/DSST	29/12/2021	192/QĐ-CCTHADS	06/02/2024	Kiên Long (KienLongbank)	Lê Ngọc Duyên, sinh năm 1991; 100/5A Trịnh Hoài Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	30.672	-	30.672	3.Đương thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
112	249/2023/DSST	27/07/2022	208/QĐ-CCTHADS	12/03/2024	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Thị Mỹ Linh, sinh năm 1977; 25/5 Nguyễn An Ninh, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	172.410	-	172.410	3.Đương thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
113	20/2020/QĐST-DS	16/06/2020	20	14/10/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Siêu Thanh Phương 3	15.525	-	15.525	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
114	38/2019/DSST	02/07/2019	101	30/11/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Thị Thanh Thảo Phương 3	42.837	-	42.837	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
115	58/2017/DSST	21/06/2017	57	09/10/2017	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Huỳnh Thị Ngọc Ánh - 3/4 Phan Thanh Gián, P.3	46.498	-	46.498	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
116	01/2018/QĐST-DS	18/01/2018	280	08/05/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Văn Quang - 9K/11 Học Lạc, P3.	1.176.022	861.565	314.457	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
117	42/2018/QĐST-DS	06/11/2018	56	29/10/2019	Xây dựng Việt Nam (CBBANK, VNCB)	Phan Thị Ngọc Thanh Địa chỉ: 15ABs Nguyễn Trung Trúc, P3	71.150	-	71.150	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
118	15/2019/KDTM-ST	14/10/2019	124	26/12/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Minh Trọng Địa chỉ: 8C/2 Đốc Binh Kiều, P3	186.099	-	186.099	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
119	04/2021/DSST	05/01/2021	44	03/12/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Hoàng Minh Nhân Địa chỉ: 7/6 Phan Thanh Gián, P3	174.225	-	174.225	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
120	99/2017/DSST	11/08/2017	309	15/06/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Trần Thanh Sang DC: 11/1/A Phan Thanh Gián, P3	51.926	-	51.926	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
121	101/2017/DSST	11/08/2017	291	18/05/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Lê Văn Anh DC: 44/I Nguyễn An Ninh, P.3, TP. MT	41.158	-	41.158	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh ĐK, THA
122	01/2023/KDTM-ST	30/05/2023	324	04/08/2023	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Công ty cổ phần Nam Hưng Vương DC: L6.20 cunm CN và TTCN Tân Mỹ Chánh, P.9, TP. MT, TG	3.155.660	-	3.155.660	3.Đương thi hành	Đương làm thủ tục Ủy thác
123	104/2023/DSST	07/09/2023	82	06/11/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Vô Văn Tới 195 Đinh Bộ Lĩnh, P.3, TP. MT, TG	28.278	-	28.278	3.Đương thi hành	Xác minh ĐK, THA
VIII	Chỉ cục Chng Gạo	87	87	87	87	87	32.041.677	8.278.002	23.363.676	87	
1	228/2023/DSST	04/07/2023	61/QĐ-CCTHADS	16/10/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Bà Trần Ngọc Nhiễm, sinh năm 1989; ông Nguyễn Minh Đào, sinh năm 1984; ấp Tân Phú 2, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	351.597	0	351.597	3.Đương thi hành	

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành báo án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
2	263/2021/QĐST-DS	17/12/2021	239/QĐ-CCTHADS	29/03/2023	Hàng hải (Maritime Bank, MSB)	Ông Nguyễn Tuyền Dũng, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị Bỉ, sinh năm 1965; ấp Hòa Mỹ, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	275.862	55.000	220.862	3. Đang thi hành	
3	421/2022/ĐS-ST	22/09/2022	232/QĐ-CCTHADS	17/03/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Huỳnh Công Sơn, sinh năm 1958; Số 101 Tô 3 ấp Thanh Kiệt, xã An Thạnh Thới, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	22.748	0	22.748	Chưa có điều kiện thi hành	
4	83/2021/ĐS-ST	14/06/2021	141/QĐ-CCTHADS	30/11/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Nguyễn Công Báo, sinh năm 1984; ấp Tân Phú 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	52.110	0	52.110	Chưa có điều kiện thi hành	
5	210/2021/ĐS-ST	03/11/2021	127/QĐ-CCTHADS	23/11/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Bà Đào Thị Đào, sinh năm 1961; ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	23.427	0	23.427	Chưa có điều kiện thi hành	
6	261/2022/ĐS-ST	14/07/2022	107/QĐ-CCTHADS	10/11/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh năm 1985; ấp Hòa Quới, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	29.056	0	29.056	Chưa có điều kiện thi hành	
7	303/2022/ĐS-ST	03/08/2022	106/QĐ-CCTHADS	10/11/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Huỳnh Xuân Hòa, sinh năm 1984; ấp Hòa Quới, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	29.645	0	29.645	Chưa có điều kiện thi hành	
8	339/2018/ĐSST	15/10/2018	1653/QĐ-CCTHADS	03/07/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phan Kim Bằng, ấp Bình Phú, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	45.286	0	45.286	Chưa có điều kiện thi hành	
9	267/2018/ĐSST	29/08/2018	735/QĐ-CCTHADS	23/01/2019	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Thị Ngọc Huyền; 51, ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	29.116	0	29.116	Chưa có điều kiện thi hành	
10	03/2017/KDTM-ST	14/09/2017	409/QĐ-CCTHADS	04/12/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Ngọc Huyền; ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	16.740	4.000	12.740	3. Đang thi hành	
11	198/2015/ĐSST	17/09/2015	389/QĐ-CCTHADS	04/12/2015	An Bình (ABBank)	Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Thị Sê; Tân Hòa, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	23.765	0	23.765	Chưa có điều kiện thi hành	
12	03/2015/KDTM-ST	31/03/2015	1227/QĐ-CCTHADS	07/07/2016	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Nguyễn Thiên Tuấn, Nguyễn Thị Kim Loan; xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	368.152	0	368.152	Chưa có điều kiện thi hành	Đã xác minh, đang sơ đang tra dẫn tại ngân hàng
13	159/2017/ĐSST	20/09/2017	1306/QĐ-CCTHADS	16/07/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Vũ Thị Kim Phương; xã An Thạnh Thới, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	25.254	3.000	22.254	3. Đang thi hành	Đang báo cáo giá tài sản để chấp
14	46/2015/ĐSST	19/03/2015	563/QĐ-CCTHADS	08/01/2018	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Cao Văn Thê, Trần Thị Kim Hoàng; xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	290.464	178.520	111.943	Chưa có điều kiện thi hành	
15	41/2015/ĐSST	16/03/2015	564/QĐ-CCTHADS	08/01/2018	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Cao Văn Thuận; xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	780.240	434.123	346.117	Chưa có điều kiện thi hành	Ngân hàng thỏa thuận cho trả dần mỗi tháng 15.000.000đ
16	01/2015/KDTM-ST	27/03/2015	566/QĐ-CCTHADS	08/01/2018	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Trương Hoàng Đệ; xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	433.682	117.607	316.074	Chưa có điều kiện thi hành	
17	45/2015/ĐSST	18/03/2015	561/QĐ-CCTHADS	08/01/2018	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Cao Thị Kim Thoa; xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	431.720	205.417	226.303	Chưa có điều kiện thi hành	
18	44/2015/ĐSST	17/03/2015	562/QĐ-CCTHADS	08/01/2018	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Cao Văn Thê, Trần Thị Kim Hoàng; xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	434.497	231.363	203.135	Chưa có điều kiện thi hành	
19	13/2017/ĐSST	13/02/2017	82/QĐ-CCTHADS	16/10/2017	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Cao Văn Thê; xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	2.530.809	1.159.751	1.371.058	3. Đang thi hành	
20	244/2023/ĐSST	17/07/2023	221/QĐ-CCTHADS	27/02/2024	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Trần Thị Mỹ Lệ, Lê Minh Phụng; ấp Tân Hòa, xã Tân Thuận Bình	169.467		169.467	3. Đang thi hành	
21	359/2023/ĐSST	31/08/2023	211/QĐ-CCTHADS	16/02/2024	Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS	Trần Khánh Huy; ấp Hòa Lạc, xã Bình Ninh	87.539		87.539	3. Đang thi hành	Trở vào thu nhập
22	343/2023/ĐSST	25/09/2023	225/QĐ-CCTHADS	13/03/2024	Đại Chung (PVCoin Bank)	Huỳnh Ngọc Tuyền; ấp Hòa Thành, xã Bình Ninh	301.931		301.931	3. Đang thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành quyết định	Số quyết định thi hành bản án	Ngày ban hành quyết định thi hành bản án	Người được thi hành bản án	Người phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản phải thi hành bản án	Số tiền, tài sản đã thi hành bản án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành bản án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
		1									
23	79/2020/DSST	25/05/2020	118	23/11/2020	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Lê Trung Thuận Hoà Thái, Hoà Định	38.000	38.000	0	1. Thi hành xong	
24	145/2021/DSPT	16/04/2021	83	19/01/2022	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Thị Hương Duyên Bình Long, Thanh Bình	197.382		197.382	3. Đang thi hành	Tra dân tại Ngân hàng
25	451/2022/DS-ST	09/09/2022	145	08/12/2022	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Trương Thanh, Trương Hòa	801.279		801.279	3. Đang thi hành	
26	181/2023/QĐST-DS	07/06/2023	54	10/10/2023	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Nguyễn Thị Phương Triệu Văn Hoàng	3.156.166		3.156.166	3. Đang thi hành	
27	336/2023/DS-ST	22/08/2023	226	13/03/2024	Bưu Chính (PVcom Bank)	Trương Xuân B, Thanh Bình	369.422		369.422	3. Đang thi hành	
28	421/2022/DS-ST	22/09/2022	232/QĐ-CCTHADS	17/03/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Huỳnh Công Sơn, sinh năm 1958; Số 101 Tô 3 ấp Thanh Kiết, xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	22.748	-	22.748	Chưa có điều kiện thi hành	
29	401/2019/DS-ST	11/11/2019	09/QĐ-CCTHADS	01/10/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Bà Lưu Thị Minh Hà, sinh năm 1986; ấp Tân Thành, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	12.290	-	12.290	Chưa có điều kiện thi hành	
30	117/2019/DSST	24/05/2019	1748/QĐ-CCTHADS	16/07/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Minh Trí, Trần Thị Bích Thùy; ấ Tỉnh Mỹ, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	272.939	-	272.939	Chưa có điều kiện thi hành	
31	273/2018/DSST	04/09/2018	733/QĐ-CCTHADS	23/01/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Lê Ngọc Bửu; ấp Tân Ninh, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	42.185	-	42.185	Chưa có điều kiện thi hành	
32	248/2018/DSST	16/08/2018	731/QĐ-CCTHADS	23/01/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Châu Ngọc Lâm; ấp An Phú, xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	63.972	-	63.972	Chưa có điều kiện thi hành	
33	01/2017/QĐKDTM-ST	23/05/2017	625/QĐ-CCTHADS	16/01/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Ngọc Ân, Dương Thị Hồng Thù; ấp Thanh Kiết, xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	7.019	-	7.019	Chưa có điều kiện thi hành	
34	146/2018/DSST	15/05/2018	418/QĐ-CCTHADS	04/12/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Ngô Thị Út Biếu; ấp An Phú, xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	21.785	-	21.785	Chưa có điều kiện thi hành	
35	141/2016/DSST	30/09/2016	410/QĐ-CCTHADS	26/12/2016	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Huỳnh Văn Chính; ấp Mỹ An B, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	93.570	-	93.570	3. Đang thi hành	
36	204/2017/DSST	22/12/2017	1325/QĐ-CCTHADS	24/07/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Thị Quyên; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	13.828	-	13.828	Chưa có điều kiện thi hành	
37	091/2015/KDTM-ST	20/07/2015	1224/QĐ-CCTHADS	07/07/2016	Bản Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Nguyễn Văn Quý, Đinh Thị Tuyết Nga; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	162.825	-	162.825	Chưa có điều kiện thi hành	
38	10/2015/KDTM-ST	20/07/2015	55/QĐ-CCTHADS	07/07/2016	Bản Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Trương Minh Trung; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	252.789	-	252.789	Chưa có điều kiện thi hành	
39	56/2018/DSST	05/02/2018	1184/QĐ-CCTHADS	25/06/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Phạm Thị Thùy; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	12.136	-	12.136	Chưa có điều kiện thi hành	
40	159/2017/DSST	20/09/2017	1306/QĐ-CCTHADS	16/07/2016	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Võ Thị Kim Phượng; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	25.254	3.000	22.254	3. Đang thi hành	
41	67/2018/DSST	27/02/2018	1003/QĐ-CCTHADS	11/05/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Trần Thanh Kiệt; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	14.744	-	14.744	Chưa có điều kiện thi hành	
42	105/2017/DSST	09/08/2017	968/QĐ-CCTHADS	07/05/2018	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	20.110	-	20.110	Chưa có điều kiện thi hành	
43	119/2017/DSST	21/08/2017	801/QĐ-CCTHADS	14/03/2018	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	Lê Thị Minh Giang; xã An Thạnh Thùy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	27.642	-	27.642	Chưa có điều kiện thi hành	
44	05/2014/KDTM-ST	24/07/2014	149/QĐ-CCTHADS	25/10/2017	Đồng Nam Á (SeABank)	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-CN Tiền Giang, phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.221.785	589.774	632.011	Chưa có điều kiện thi hành	đang bàn TS

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành báo án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9-7-8	10	11
45	04/2015/QĐST-KDTM của Tòa án	22/10/2015	81/QĐ-CCTHADS	16/10/2017	Đại Chung (PVcom Bank)	Hồ Thị Mươi, Hồ Văn Mười, Hồ Thị Bông, Phạm Văn Lâm, Lê Thị Mai; xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	2.921.107	2.454.430	466.676	3.Đang thi hành	đang bán TS
46	171/2020/QĐST-DS	07/08/2020	28/QĐ-CCTHADS	13/10/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền,	44.520		44.520	Chưa có điều kiện thi hành	xác minh tài sản để tiếp tục THA
47	03/2016/QĐST-KDTM	30/09/2016	1294/QĐ-CCTHADS	10/07/2020	Kiên Long (KienLongBank)	Ông Ngô Văn Nhom	212.211		212.211	3.Đang thi hành	
48	02/2017/KDTM-ST của Tòa án Chợ Gạo	21/08/2017	410/QĐ-CCTHADS	04/12/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Thị Tâm	18.140		18.140	Chưa có điều kiện thi hành	
49	16/2023/QĐST-ST của Tòa án Chợ Gạo	30/01/2023	214/QĐ-CCTHADS	20/02/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Thị Ngọc Mai, Lê Văn Minh	1.937.266	1.937.266		0 1. Thi hành xong	xác minh tài sản để tiếp tục THA
50	91/2019/QĐST-DS của Tòa án Chợ Gạo	16/05/2019	998/QĐ-CCTHADS	18/05/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Thị Kim Mai	20.137		20.137	Chưa có điều kiện thi hành	đang bán TS
51	222/2019/ĐSST của Tòa án Chợ Gạo	07/08/2019	279/QĐ-CCTHADS	04/11/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Thủy Huỳnh Hương, Lê Tấn Phúc	13.819		13.819	Chưa có điều kiện thi hành	
52	03/2013/QĐST-KDTM của Tòa án Chợ Gạo	05/06/2013	172/QĐ-CCTHADS	22/12/2022	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Ông Nguyễn Huy Hoàng	331.894		331.894	Chưa có điều kiện thi hành	Đã kê biên, chờ kết quả thẩm định giá
53	386/2019/ĐS-ST của Tòa án Chợ Gạo	05/11/2019	612/QĐ-CCTHADS	25/05/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Thị Trương	4.050		4.050	Chưa có điều kiện thi hành	Đang làm thủ tục kê biên
54	368/2019/ĐS-ST của Tòa án Chợ Gạo	05/11/2019	70/QĐ-CCTHADS	13/11/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Thị Trương	81.003		81.003	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
55	142/2020/QĐST-DS của Tòa án Chợ Gạo	13/07/2020	168/QĐ-CCTHADS	31/12/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Võ Hoàng Mỹ	23.073		23.073	3.Đang thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
56	388/2019/QĐST-DS của Tòa án Chợ Gạo	05/11/2019	544/QĐ-CCTHADS	31/12/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Võ Hoàng Mỹ	287.112		287.112	3.Đang thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
57	88/2020/QĐST-DS của Tòa án Chợ Gạo	29/05/2020	27/QĐ-CCTHADS	13/10/2020	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Phạm Trung Du	780.767		780.767	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
58	14	4/3/2013	726	18/2/2016	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Lê Thị Thu Nga, Huỳnh Thanh Hải	24.491		24.491	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
59	120	21/8/2017	807	14/3/2018	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Vương Bích Thảo	20.303		20.303	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
60	184	28/9/2017	798	14/3/2018	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Thié Nghĩa	15.205		15.205	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
61	84	17/7/2017	967	7/5/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Thị Yến Nhi	26.161		26.161	Chưa có điều kiện thi hành	Bán đấu giá
62	57	5/2/2018	1004	11/5/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Thị Nguyệt	19.333		19.333	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
63	327	30/9/2020	169	31/12/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Võ Nhân Du	66.109		66.109	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
64	72	28/2/2018	1218	4/7/2018	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Dương Thị Hoa	22.157		22.157	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
65	342	18/10/2019	1225	15/6/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Thị Tuyết Trang	94.338		94.338	3.Đang thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
66	341	18/10/2019	1226	15/6/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Thị Tuyết Trang	6.321		6.321	3.Đang thi hành	Trại dân
67	271	9/9/2019	942	23/4/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Biển Ngọc Danh	23.151		23.151	3.Đang thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
68	31	8/6/2016	05	1/10/2018	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Bùi Thị Diệu	592.869		592.869	3.Đang thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
69	296	29/7/2022	104	8/11/2022	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Lê Văn Cung và Cao Thị Sạch	1.132.038		1.132.038	3.Đang thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
70	46	28/1/2022	123	30/11/2023	Kiên Long (KienLongBank)	Lê Tấn Đạt và Nguyễn T Thu Diệu	773.865		773.865	3.Đang thi hành	Xác minh có ĐK tiếp tục xử lý
71	120	19/4/2022	146	8/12/2022	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Bùi Thị Mai Chi	26.666		26.666	3.Đang thi hành	Đang chờ thanh toán lãi suất
72	80/2020/ĐS-ST	25/5/2020	117/QĐ-CCTHADS	23/11/2020	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Nguyễn Hữu Phở, sinh năm 1979; Võ Thị Hoàng Oanh, sinh năm 1984; áp Bình Hưng, xã Bình Phan	26.453	-	26.453	Chưa có điều kiện thi hành	Không có thể chấp TS -> Xác minh
73	338/2020/ĐS-ST	30/9/2020	182/QĐ-CCTHADS	25/11/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Viết Tiến, áp Bình Thọ Đông, xã Bình Phan	33.367	-	33.367	Chưa có điều kiện thi hành	Đã ban hành khảo sát hiện trạng TS để chấp dụng cho VPĐK ĐĐ cung cấp bản vẽ do đất thế chấp có thay đổi ranh, nguyên nhân do quy hoạch hành lang bảo vệ cầu

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành báo án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
74	25/2022/QĐST-DS	14/6/2022	94/QĐ-CCTHADS	3/1/2022	Ngoại thương (Vietcombank)	Tiền Minh Liệp, Phan Thủy Ngọc, ấp Bình Thọ Đông, xã Bình Phan	2.065.065	450.000	1.615.065	3.Đang thi hành	Đã xử lý hết TS thế chấp
75	98/2023/QĐST-DS	6/4/2023	298/QĐ-CCTHADS	14/6/2023	Bưu Điện Liên Việt (lienVietPostBank)	Nguyen, ấp Bình Thọ 1, xã Bình Phước Nhứt, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	978.906	-	978.906	3.Đang thi hành	Đã xử lý hết TS thế chấp
76	215/2023/DS-ST	29/6/2023	213/QĐ-CCTHADS	16/2/2024	Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS	Bùi Ngọc Thuận, ấp Bình Ninh, xã Bình Phan, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	75.372	-	75.372	3.Đang thi hành	Vay thế tín dụng, không thế chấp tài sản
77	370/2023/DS-ST	06/09/2023	167/QĐ-CCTHADS	22/12/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Võ Văn Tuấn, sinh năm 1981; bà Lung Thị Lý, sinh năm 1988; ấp Bình Thành, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	198.642	-	198.642	1.Thi hành xong	Đã xử lý hết TS thế chấp
78	10/2023/QĐST-DS	12/01/2023	236/QĐ-CCTHADS	22/03/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Bà Phan Thị Hồng Lạc, sinh năm 1970; ấp Bình An, xã Song Bình, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	35.291	-	35.291	Chưa có điều kiện thi hành	Đã xử lý hết TS thế chấp
79	09/2023/QĐST-DS	12/01/2023	235/QĐ-CCTHADS	22/03/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Huỳnh Văn Đức, sinh năm 1969; ấp Bình An, xã Song Bình, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	32.309	-	32.309	Chưa có điều kiện thi hành	Không có thế chấp TS
80	376/2022/QĐST-DS	05/09/2022	170/QĐ-CCTHADS	21/12/2022	Đông Á (DAB)	Ông Nguyễn Minh Châu, sinh năm 1992; ấp Phong Tuyền, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	33.262	-	33.262	Chưa có điều kiện thi hành	Đã xử lý hết TS thế chấp
81	69/2021/DS-ST	15/03/2021	258/QĐ-CCTHADS	11/08/2022	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Ông Lê Văn Minh, sinh năm 1970; ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	35.149	-	35.149	Chưa có điều kiện thi hành	Đã xử lý hết TS thế chấp, các TS khác của ông Thế cũng đang được xử lý để trả các nghĩa vụ có báo đảm cho Ngân hàng khác
82	125/2021/QĐST-DS	04/05/2021	78/QĐ-CCTHADS	07/01/2022	Bàn Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Ông Phạm Tân Tài, sinh năm 1957, bà Nguyễn Thị Quơng, sinh năm 1958; ấp Bình An, xã Song Bình, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	898.664	390.400	508.264	3.Đang thi hành	Đã xử lý hết TS thế chấp, các TS khác của ông Thế cũng đang được xử lý để trả các nghĩa vụ có báo đảm cho Ngân hàng khác
83	225/2020/DS-ST	28/08/2020	173/QĐ-CCTHADS	11/01/2021	Bưu Điện Liên Việt (lienVietPostBank)	Bà Phạm Thị Mỹ Phương, sinh năm 1986; ấp Bình Hòa, xã Long Bình Diên, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	200.559	158.349	42.210	3.Đang thi hành	Đã ban hành khoa sát hiện trạng TS thế chấp đang chờ VPPK, ĐD cung cấp bản vẽ do đất thế chấp có thay đổi ranh, nguyên nhân do quy hoạch hành lang bảo vệ cầu
84	203/2019/QĐST-DS	26/07/2019	670/QĐ-CCTHADS	07/02/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Nguyễn Khắc Đoàn, bà Huỳnh Thị Hạnh, ấp Bình Phú Quới, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	205.420	50.000	155.420	3.Đang thi hành	Đã ban hành khoa sát hiện trạng TS thế chấp đang chờ VPPK, ĐD cung cấp bản vẽ do đất thế chấp có thay đổi ranh, nguyên nhân do quy hoạch hành lang bảo vệ cầu
85	11/2018/QĐST-KDTM	08/11/2018	793/QĐ-CCTHADS	22/02/2019	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Tiền Quốc Trung, Nguyễn Thị Văn, ấp Bình Hạnh, xã Long Bình Diên, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	1.943.674	318.000	1.625.674	3.Đang thi hành	Không có thế chấp TS > > > > > minh
86	01/2017/KDTM-ST	13/07/2017	471/QĐ-CCTHADS	27/12/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phạm Thị Thu Nga, ấp Bình Phú Quới, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	15.862	0	15.862	1.Thi hành xong	Ngân hàng đã thu tiền của đương sự, CHV đang tiến bộ Ngân hàng chuyên phí THU/
87	414/2023/DS-ST	19/09/2023	166/QĐ-CCTHADS	22/12/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Lưu Tân Tài, sinh năm 1986; Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, sinh năm 1983; ấp Bình Hòa, xã Long Bình Diên, huyện Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang	2.142.601	0	2.142.601	3.Đang thi hành	TS thế chấp là xe ô tô nhưng Ngân hàng chưa xác định được ô tô quản lý và đang ở đâu

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án		Ngày ban hành báo án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2										
IX	Chi cục Gò Công Tây	13	13	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
01	186/2022/DS-ST	29/06/2022		118/QĐ-CCTHADS	19/12/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Ông Cao Văn Kỳ, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Thanh Trúc, sinh năm 1979; Ấp Bình Khánh, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang	157.001		157.001	3.Đang thi hành	Bán đấu giá TS
02	302/2022/DS-ST	26/9/2022		141/QĐ-CCTHADS	05/01/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Phạm Thị Thanh, địa chỉ ấp Thanh Phú, xã Thanh Trì, huyện Gò Công Tây	52.885	-	52.885	3.Đang thi hành	Kê biên
03	19/2020/DS-ST	02/06/2020		22/QĐ-CCTHADS	20/10/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Văn Diệu, địa chỉ ấp Thanh Yên, xã Thanh Trì, huyện Gò Công Tây	28.960	-	28.960	3.Đang thi hành	Kê biên
04	223/2020	16/09/2020		125	06/01/2021	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hồ Thị Phương	82.992	-	82.992	3.Đang thi hành	
05	03/2022	16/08/2022		100	29/11/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Công ty 10 Tỷ	25.517.362	-	25.517.362	5.Tạm đình chỉ thi hành án	
06	343/2022	29/11/2022		181	06/03/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Hồ Quang Phú	15.311.628	-	15.311.628	3.Đang thi hành	
07	02/2023/KDTM-ST	16/05/2023		29	11/10/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Công ty Quang Phú	8.681.812	-	8.681.812	3.Đang thi hành	
08	276/2023/QĐST-DS	15/08/2023		156	18/12/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Thị Ánh Hồng	41.085.385	-	41.085.385	3.Đang thi hành	
09	302/DSST	16/10/2018		132	19/12/2018	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Trần Thị Bình Phú Quý - Vĩnh Hựu	70.418	-	70.418	3.Đang thi hành	Thông nhất cho trả dẫn hàng tháng
10	89/DSST	08/04/2022		258	15/07/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Tráng Thuận Trì - Bình Tân	19.267	-	19.267	3.Đang thi hành	Phân chia tài sản chung
11	116/2021/DS-PT	23/03/2021		229/QĐ-CCTHADS	08/06/2022	Kiên Long (KienLongBank)	Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Giới, địa chỉ ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây	291.505	-	291.505	3.Đang thi hành	Bán đấu giá
12	209/2023/DS-ST	12/07/2023		82/QĐ-CCTHADS	20/10/2023	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Nguyễn Thị Lệ Thủy, Tô Văn Hoàng, địa chỉ ấp Bình Hòa Log, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây	234.343		234.343	3.Đang thi hành	Xác Minh
13	242/2023/QĐST-DS	25/07/2023		84/QĐ-CCTHADS	20/10/2023	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Lê Văn Đành, địa chỉ ấp Bình Đông Trung, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây	206.650		206.650	3.Đang thi hành	Xác Minh
X	Chi cục TX. Gò Công	41	41	41	41	41	41	17.516.715	1.721.202	15.795.513	41	
1	103	28/02/2013		572	27/05/2013	Đông Á (DAB)	Trương Minh Hùng, Phùng Thị Hy, ấp Công Lạc, xã Bình Đông	257.779	-	257.779	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh tài sản
2	104	28/02/2013		573	27/05/2013	Đông Á (DAB)	Trương Minh Hùng, Phùng Thị Hy, ấp Công Lạc, xã Bình Đông	108.482	-	108.482	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh tài sản
3	103	02/08/2017		158	17/07/2018	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn Văn Tâm, ấp Năm Châu, xã Bình Đông	44.442	-	44.442	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh tài sản
4	141	25/09/2020		43	19/11/2020	Đại Chung (Pvcom Bank)	Nguyễn Lê Anh Tiến, ấp Năm Châu, xã Bình Đông	795.236	-	795.236	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh tài sản
5	136	29/09/2021		64	07/02/2022	Bán Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Trần Thị Cúc - Trần Minh Phụng, ấp Hòa An, xã Bình Đông	27.183	-	27.183	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh tài sản
6	135	06/09/2019		4	08/10/2019	Đông Á (DAB)	Mai Thanh Vũ, ngụ khu phố 4, phường 1	24.413	-	24.413	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
7	16	20/01/2021		102	22/04/2021	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Chi khu phố 4, phường 1	73.220	-	73.220	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
8	198	19/11/2019		5	12/10/2021	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Mai Thanh Vũ, ngụ khu phố 4, phường 1, TXGC	81.724	-	81.724	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
9	01	02/04/2021		125	23/06/2021	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	Lê Thị Kim Yến, Nguyễn Sơn Thành, cùng ngụ ấp Tân Xã, xã Long Hòa, thị xã Gò Công	14.386	14.386	-	1.Thi hành xong	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
10	59	03/06/2020		122	24/08/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Trung Truyền, ngụ tại ấp Việt Hùng, xã Long Hòa, thị xã Gò Công	17.578	-	17.578	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
11	180	29/08/2023		59	30/10/2023	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	Huỳnh Văn Chín, Lý Thị Lang, ấp Tân Xã, xã Long Hòa	28.788	-	28.788	3.Đang thi hành	Chuẩn bị KB
12	182	05/11/2019		71	04/02/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Phước, ngụ số 15, khu phố 5, phường 4, TXGC	20.472	-	20.472	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
13	23	05/04/2022	01		03/10/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Lê Minh Xuân, Nguyễn Thị Ánh Hoa, ngụ KP3, P4	39.385	-	39.385	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
14	24	05/04/2022	02		03/10/2022	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Huỳnh Thị Cẩm Nhung, ngụ KP1, P4, TXGC	10.751	-	10.751	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA

Số TT	Ngày ban hành quyết định của Tòa án	Ngày ban hành quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
15	80	15/06/2022	13	05/10/2022	Các Quý tin dụng nhân dân cơ sở (Quý tin dụng phường, xã)	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết, ngụ ấp Long Phước, xã Long Chánh, TXGC	7.966	-	7.966	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
16	23	28/01/2021	73	08/12/2022	Kiên Long (KiênLongBank)	Phạm Mỹ Xuân An, ngụ KP3, P4, TXGC	41.740	-	41.740	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
17	24	28/01/2021	72	08/12/2022	Kiên Long (KiênLongBank)	Nguyễn Thị Cẩm Thủy, ngụ KP3, P4, TXGC	43.319	-	43.319	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
18	9	04/09/2018	31	03/11/2019	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Văn Bè, Nguyễn Thị Phò Bình Xuân, TXGC	4.941.154	-	4.941.154	4.Hoàn thi hành án	Tại sân đang tranh chấp
19	81	14/07/2020	09	12/10/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Hữu Trí Bình Xuân	2.190.340	1.403.201	785.739	3.Dang thi hành	Bản đầu giá
20	08	29/08/2013	89	19/03/2021	Phước Đông (Orient Commercial Bank, OCB)	Tấn Thị Bá Bý - Phạm Văn Đoàn Bình Xuân	595.982	-	595.982	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh tài sản
21	44	17/08/2023	61	30/10/2023	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Thị Hồng Trúc Thanh Nhì, Bình Xuân, TXGC	301.615	301.615	-	1.Thi hành xong	
22	128	27/09/2016	61	13/02/2017	Đông Á (DAB)	Lê Kim Thái	20.875	-	20.875	3.Dang thi hành	Vấn động thuyết phục
23	41	28/04/2020	50	01/12/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Văn Giàu, ngụ khu phố 3, phường 5, thị xã Gò Công	16.194		16.194	Chưa có điều kiện thi hành	Tại sân thể chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm và chi phí
24	03	23/07/2019	47	02/12/2019	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Công ty TNHH MTV Nhà hàng Hải Cui Bắp, địa chỉ số 19 đường 30/4, phường 1, TP. Mỹ Tho.	216.682	-	216.682	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
25	166	14/10/2019	93	09/03/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Võ Huỳnh Minh Tuấn, ngụ tại khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công	169.995	-	169.995	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
26	07	03/09/2022	48	07/11/2022	Đông Á (DAB)	Công ty TNHH SXTMXNK Thạch Phát	871.231		871.231	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
27	122	29/07/2022	71	08/12/2022	Kiên Long (KiênLongbank)	Nguyễn Trọng Tí, ngụ tại khu phố 5, phường 2, thị xã Gò Công	51.500		51.500	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
28	20	27/01/2021	91	29/03/2021	Các Quý tin dụng nhân dân cơ sở (Quý tin dụng phường, xã)	Lê Long Hô, Nguyễn Thị Thanh Trúc, ngụ ấp Thuận Hòa, Long Thuận, thị xã Gò Công	11.850		11.850	3.Dang thi hành	Thỏa thuận trả định kỳ
29	1	21/05/2012	236	20/12/2012	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Trần Vinh Tân	1.137.698	-	1.137.698	Chưa có điều kiện thi hành	Xử lý hết tài sản
30	7	24/09/2015	113	28/02/2016	Phước Đông (Orient Commercial Bank, OCB)	Cv TNHH sản xuất TXMDV Thuận Vinh Thuận	529.014	-	529.014	Chưa có điều kiện thi hành	Xử lý hết tài sản
31	270	02/12/2011	43	01/11/2017	Ngân hàng (Vietcombank)	Trần Vinh Tân (chủ DNTN Thuận Vinh Đạt)	1.508.427	-	1.508.427	Chưa có điều kiện thi hành	Xử lý hết tài sản
32	132	21/09/2020	51	01/12/2020	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp, ngụ tại ấp Thuận An, xã Long Thuận, thị xã Gò Công	12.322	-	12.322	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
33	138	24/09/2020	39	19/11/2020	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VASSP)	Nguyễn Thị Céc, Lê Văn Đâu, cùng ngụ tại ấp Thuận An, xã Long Thuận, thị xã Gò Công	27.590	-	27.590	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
34	571	29/11/2019	96	01/04/2021	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Lê Thị Mỹ Hòa, ngụ tại ấp Thuận An, Long Thuận, thị xã Gò Công	200.578	-	200.578	Chưa có điều kiện thi hành	Tiếp tục xác minh theo định kỳ
35	11	16/02/2022	31	03/10/2023	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Nguyễn Phúc Đức, ngụ tại Trung, Thuận Lương, Kinh Môn, Hải Dương	542.788		542.788	3.Dang thi hành	Đang xác minh
36	03	27/04/2023	29	05/10/2023	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Công ty TNHH SXTMXNK Thạch Phát	2.328.073		2.328.073	3.Dang thi hành	Đang xác minh
37	33	19/01/2024	118	18/03/2024	Các Quý tin dụng nhân dân cơ sở (Quý tin dụng phường, xã)	Phạm Thị Kim Céc, ngụ tại khu phố 3, phường 5, thị xã Gò Công	15.169		15.169	3.Dang thi hành	Đang xác minh
38	163a	26/12/2016	99	24/05/2017	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	Trần Xuân Huy, ngụ KP2, P3, TXGC	118.548	-	118.548	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
39	102	17/07/2018	148	05/06/2018	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Xuân Huy, ngụ KP2, P3, TXGC	20.011	-	20.011	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
40	48	26/03/2021	114	13/05/2021	Kiên Long (KiênLongBank)	Bà Văn Tinh, ngụ Xã Lới, Tân Trung, TXGC	16.615	-	16.615	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
41	190	30/12/2020	74	08/12/2022	Kiên Long (KiênLongBank)	Nguyễn Phan Thủy Linh, ngụ Xã Lới, Tân Trung, TXGC	35.000	-	35.000	Chưa có điều kiện thi hành	Xác minh ĐKHA
XI	Chỉ cục Gò Công	106	106	106	106	106	256.294.498	20.364.947	235.929.541	106	106
1	03/KDTMST	21/07/2014	19	13/10/2014	Đông Á (DAB)	Phạm Quốc Vĩ	1	-7?	1	1.Thi hành xong	
2	95/DSST	30/06/2020	20	07/10/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Hồ Thị Bước	1.696.826	-7?	1.696.826	Chưa có điều kiện thi hành	
3	105/DSST	13/07/2020	13	07/10/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Lê Thị Loan	7.882.889	-7?	7.882.889	Chưa có điều kiện thi hành	
4	174/DSST	09/09/2020	40	14/10/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Trần Thị Ái Vĩ	1.410.890	-7?	1.410.890	3.Dang thi hành	Thỏa thuận cho trả dần
5	133/DSST	07/08/2020	23	07/10/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Vân Công Biền	1.542.261	-7?	1.542.261	3.Dang thi hành	Kê biên
6	96/DSST	03/07/2020	22	07/10/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Huỳnh Văn Lực	2.465.890	-7?	2.465.890	Chưa có điều kiện thi hành	
7	256/DSST	28/12/2020	179	10/06/2021	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Võ Thị Mỹ Trinh	1.053.033	-7?	1.053.033	Chưa có điều kiện thi hành	
8	254/DSST	22/12/2020	138	25/3/2021	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Võ Văn Hùng	1.749.618	-7?	1.749.618	3.Dang thi hành	Kê biên
9	19/DSST	08/04/2021	01	12/10/2021	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Bùi Thị Ngọc Lan	3.382.915	-7?	3.382.915	3.Dang thi hành	Kê biên
10	240/DSST	10/12/2020	78	18/1/2022	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Nguyễn Hồng Giang	2.532.190	-7?	2.532.190	3.Dang thi hành	Thỏa thuận trả dần

Số TT	Số báo án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành báo án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
							1	2	3	4	
11	26/DSST	07/05/2021	86	21/1/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Vô Thị Tuyết Nga	7	8	9=7-8	10	11
12	03/KDTMTST	16/11/2021	87	21/1/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Dương Thị Mỹ Hạnh	1.286.665	-??	1.286.665	Chưa có điều kiện thi hành	
13	32A/DSST	24/05/2021	88	24/1/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Văn Trường Lê Thị Kim Thanh	3.084.801	-??	3.084.801	Chưa có điều kiện thi hành	
14	12/DSST	03/03/2021	90	9/2/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Trần Văn Hòa	397.189	-??	397.189	3.Đang thi hành	Thỏa thuận cho trả dần
15	37/DSST	08/11/2021	95	18/2/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Đỗ Thị Sạch	2.227.430	15.074	2.212.356	Chưa có điều kiện thi hành	
16	40/DSST	08/11/2021	123	14/4/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Hồ Văn Sùng, Nguyễn Thị Liên	207.521	-??	207.521	Chưa có điều kiện thi hành	
17	18/DSST	15/02/2022	124	15/4/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Trương Văn Muồng Vô Thị Xuân	2.764.589	-??	2.764.589	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
18	34/DSST	14/03/2022	141	17/5/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Đỗ Thị Sê	195.040	-??	195.040	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
19	30/DSST	04/03/2022	142	17/5/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Yến, Thảo, Hương, Tuyết, Tuấn	5.144.566	57.743	5.086.823	Chưa có điều kiện thi hành	
20	53/DSST	30/12/2021	148	24/5/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Nguyễn	1.352.174	-??	1.352.174	Chưa có điều kiện thi hành	
21	01/KDTM	18/02/2022	155	6/6/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Nguyễn	2.759.764	142.623	2.617.141	Chưa có điều kiện thi hành	
22	28/DSST	04/03/2022	164	22/6/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Công ty Đại Thành Khánh Vân Lê Thị Bích Liễu	9.885.415	-??	9.885.415	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
23	13/DSST	11/02/2022	01	3/10/2022	Đại Chung (Pvcom Bank)	Trần Tấn Trung	1.912.193	-??	1.912.193	Chưa có điều kiện thi hành	
24	63/DSST	27/04/2022	05	5/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Lương Minh Tuấn, Nguyễn Thị Thanh Huyền	336.966	-??	336.966	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
25	72/DSST	09/05/2022	14	5/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Vô Văn Ấp, Đào Thị Thu	786.738	-??	786.738	Chưa có điều kiện thi hành	
26	78A/DSST	13/05/2022	15	5/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Thị Diệp Hồ Thanh Hiếu	2.017.128	-??	2.017.128	Chưa có điều kiện thi hành	
27	110/DSST	16/06/2022	18	7/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Thị Hiền Em	1.574.286	-??	1.574.286	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
28	102/DSST	13/06/2022	19	7/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Trần Văn Mười	567.885	-??	567.885	Chưa có điều kiện thi hành	
29	152/DSST	26/07/2022	72	24/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Lê Thị Lê Hoa	6.936.215	1.057.119	5.879.096	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
30	168/DSST	10/08/2022	73	24/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Đông Thị Trúc Minh, Huỳnh Văn Chung	2.047.277	-??	2.047.277	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
31	47/DSST	29/03/2022	80	31/10/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Ngô Thị Ngơ Phạm Ngọc Tư	1.257.060	19.271	1.237.789	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
32	178/DSST	18/08/2022	94	7/11/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Hồng Nhung, Quách Minh Hùng	3.512.825	710.000	2.802.825	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
33	200/DSST	08/09/2022	105	21/11/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Đoàn Công Trường	3.422.601	-??	3.422.601	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
34	33/DSST	22/08/2022	109	21/11/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Thị Thủy Ngọc Đinh Văn Hoàng	1.729.434	-??	1.729.434	Chưa có điều kiện thi hành	
35	130/DSST	07/07/2022	132	9/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Chơ Hàng Văn Phúc, Hàng Văn Mười, Vô Thị Theo, Vô Văn Rô, Vô Thị Mát	530.222	-??	530.222	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
36	253/DSST	30/09/2022	134	9/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Minh Quân, Đỗ Thị Ngọc Bích	3.830.148	410.160	3.419.988	1.Thi hành xong	UT
37	15/DSST	11/07/2022	137	15/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Ngô Cao Hòa Vô Thanh Mai	4.003.201	601.551	3.401.650	Chưa có điều kiện thi hành	
38	187/DSST	30/08/2022	142	16/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Hồ Thị Huệ	2.426.302	1.160.039	1.266.263	Chưa có điều kiện thi hành	
39	113/DSPT	26/05/2022	143	16/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Hồ Thị Ân	3.514.229	-??	3.514.229	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
40	221/DSST	15/09/2022	144	21/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Hồ Hoàng Thái	1.879.193	-??	1.879.193	Chưa có điều kiện thi hành	
41	165/DSST	09/08/2022	152	30/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Ngọc Sang Hồ Thị Kim Hồng	1.197.862	625.413	572.449	3.Đang thi hành	Đang bán đầu giá
42	237/DSST	24/09/2022	166	31/1/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Văn Sơn Nguyễn Thị Hồng Yến	5.908.642	1.828.144	4.080.498	3.Đang thi hành	Đang bán đầu giá
43	64/DSST	14/10/2022	167	31/1/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Văn Long Trần Thị Dung	421.622	-??	421.622	3.Đang thi hành	Thỏa thuận trả dần
44	08/DSST	17/01/2022	168	31/1/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Văn Lý Nguyễn Thị Hồng	7.978.473	-??	7.978.473	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
45	193/DSST	06/09/2022	169	1/2/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	HỒ THỊ BỐ	6.267.426	1.500.000	4.767.426	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
46	195/DSST	07/09/2022	178	9/2/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Văn Toàn	2.909.023	606.478	2.302.545	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
47	196/DSST	24/09/2020	258	22/6/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Thị Ngọc Dung	76.357	-??	-??	1.Thi hành xong	
48	186/DSST	23/08/2022	110	23/11/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Đỗ Duy Cường	218.005	-??	218.005	Chưa có điều kiện thi hành	
49	154/DSST	27/07/2022	133	9/12/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Thế Dũng, Ngô Thị Trang	3.100.245	1.274.879	1.825.366	Chưa có điều kiện thi hành	
50	07/CNHGT	07/06/2022	233	18/5/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Kim Loan, Lê Văn Lân	3.323.687	-??	3.323.687	3.Đang thi hành	
51	222/DSST	15/09/2022	208	6/4/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Phạm Văn Lợi, Trần Thị Hiền	5.272.464	1.423.258	3.849.206	3.Đang thi hành	
52	52/DSST	30/12/2021	147	24/5/2022	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Cô Văn Chi Nguyễn Thị Diệu	2.127.792	415.568	1.712.224	3.Đang thi hành	
53	140/DSST	06/06/2023	31	9/10/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Trần Văn Hồng Dương Thị Tuyết Nga	6.789.719	-??	6.789.719	3.Đang thi hành	
54	01/KDTM	06/04/2023	58	12/10/2023	Hàng hải (Maritime Bank, MSB)	Bùi Thị Ngọc Yến	342.077	-??	342.077	Chưa có điều kiện thi hành	
55	134/DSST	29/05/2023	73	25/10/2023	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Huỳnh Lê Thanh	6.359.946	1.500.000	4.859.946	3.Đang thi hành	
56	198/DSST	07/09/2022	82	2/11/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Tuyết Mai	614.900	-??	614.900	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá
57	22/CNHGT	03/08/2022	101	16/11/2023	Công Thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thị Thanh Thủy Trịnh Hoàng Bắc, Ngô Thị Mười	2.546.266	-??	2.546.266	3.Đang thi hành	Kế biên bản đầu giá

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11
58	17/CNHGT	14/07/2022	102	16/11/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Võ Văn Thiệu Đặng Kim Nguyện	832.144	-7?	832.144	3. Đang thi hành	
59	28/CNHGT	11/08/2022	103	16/11/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Văn Bình	8.155.098	910.000	7.245.098	3. Đang thi hành	
60	24/CNHGT	29/07/2022	104	16/11/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Văn Bình Bùi Thị Kim Hoa	3.214.595	-7?	3.214.595	3. Đang thi hành	
61	62/CNHGT	26/09/2022	112	23/11/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Lý Văn Ch�t Nguyễn Thị Ngọc	2.175.761	600.000	1.575.761	3. Đang thi hành	
62	09/DSST	07/06/2022	120	6/12/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Hà Kim Bình, Nguyễn Thị Bạch Hồng	1.106.217	-7?	1.106.217	3. Đang thi hành	
63	252/DSST	22/09/2023	157	19/1/2024	Không nghiệp vụ Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agrbank)	Trần Hồng Thanh	197.173	-7?	197.173	3. Đang thi hành	
64	51/2020/DSST	06/05/2020	195	01/07/2020	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Thị Hồng Loan, Nguyễn Văn Trí	449.978	-	449.978	Chưa có điều kiện thi hành	
65	50/2020/DS-ST	06/05/2020	21	07/10/2020	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Văn Dữ	334.831	80.360	254.471	3. Đang thi hành	Thỏa thuận bán tài sản
66	19/12/2020/DS-ST	22/09/2020	61	11/11/2020	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Thị Tuyết Lê Văn Nền	1.320.081	-	1.320.081	Chưa có điều kiện thi hành	
67	18/7/2020/DS-ST	21/09/2020	62	11/11/2020	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Lê Thị Hiền Phạm Văn Vũ	1.291.963	-	1.291.963	Chưa có điều kiện thi hành	
68	25/2021/QĐ-ST-DS	07/05/2021	169	14/05/2021	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Vân Công Bình Lương Thị Thu Vân Công Trung Vân Công Long Đào Văn Tình	3.621.909	477.039	3.144.870	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
69	01/2022/KĐTN-A-T	24/01/2022	107	09/03/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Công ty TNHH MTV TM DV thủy hải sản Thái Hòa	19.853.141	2.333.394	17.519.747	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
70	38/2021/QĐ-ST-DS	08/11/2021	111	22/03/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Trương Thị Ngọc Mai	3.159.641	-	3.159.641	Chưa có điều kiện thi hành	
71	41/QĐ-ST-DS	12/11/2021	127	27/04/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Thị Nguyệt Võ Văn Phùng	4.658.506		4.658.506	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
72	68/QĐ-ST-DS	04/05/2022	150	24/05/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Phạm Văn Đạt Nguyễn Thị Diễm	7.508.843	-	7.508.843	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
73	60/QĐ-ST-DS	25/04/2022	165	22/06/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Cao Văn Phúc Phạm Thị Thơm	1.433.044		1.433.044	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
74	109/QĐ-ST-DS	15/06/2022	16	05/10/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Phạm Thị Diệu Đinh Khắc Quý	1.404.760		1.404.760	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
75	14/ĐS-ST	20/07/2022	131	09/12/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Thị Mộng	487.469		487.469	Chưa có điều kiện thi hành	
76	66/QĐCNHGT-DS	28/10/2022	145	21/12/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Lê Kim Nguyễn, Trương Thanh Tùng, Trương Thị Mỹ Quỳnh, Trương Thị Thủy Trang, Trương Văn Hải	959.213	379.305	579.908	3. Đang thi hành	Đã kê biên
77	03/KĐTN-ST	27/09/2022	146	21/12/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Phạm Văn Ỗ Bầy	1.620.090		1.620.090	3. Đang thi hành	Thỏa thuận bán tài sản
78	25/QĐCNHGT-DS	02/08/2022	108	21/11/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Văn Đũa, Võ Thanh Thủy	1.945.599		1.945.599	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
79	04/KĐTN-ST	27/09/2022	195	03/03/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Công ty TNHH TM DV thủy hải sản, xăng dầu TĐ-Trinh	8.054.653		8.054.653	3. Đang thi hành	Đã kê biên
80	03/QĐCNHGT-DS	27/06/2022	194	03/03/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Đương Minh Hùng, Nguyễn Hồng Dũng	1.698.628	524.098	1.174.530	3. Đang thi hành	Đã kê biên
81	09/QĐCNHGT-DS	31/01/2023	193	03/03/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Văn Xên	733.528	-	733.528	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
82	04/QĐCNHGT-DS	07/06/2022	190	24/02/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Nguyễn Văn Dữ, Võ Thị Mộng, Phan Văn Minh, Võ Thanh Quang, Nguyễn Thị Ỗ Ngân, Huỳnh Thị Hiền	3.169.315		3.169.315	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
83	14/QĐCNHGT-DS	08/07/2022	209	07/04/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Võ Văn Mộng Em, Lê Thủy Phương	2.529.556	158.655	2.370.901	3. Đang thi hành	Đã kê biên
84	10/QĐCNHGT-DS	24/06/2022	206	31/03/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Đoàn Văn Tuấn, Phạm Thị Trinh	973.526		973.526	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
85	82/2022/ĐS-ST	31/03/2023	18/QĐ-CCTHADS	03/10/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Trần Thị Lê, Ỗ Công, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	431.646		431.646	3. Đang thi hành	Đã kê biên
86	08/2022/QĐCNHGT-DS	07/06/2022	105/QĐ-CCTHADS	16/11/2023	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Lê Thị Sanh, Ỗ Xuân Lũt, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	396.047		396.047	3. Đang thi hành	Đang kê biên
87	29/2021/ĐS-ST	28/04/2021	106/QĐ-CCTHADS	21/11/2022	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Ỗng Mai Văn Tâm, bà Lê Thị An, Châu Mộng, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	16.209	1.000	15.209	3. Đang thi hành	Thỏa thuận trả dân
88	189/2022/QĐ-PT, 189/2022/QĐ-PT	04/08/2022, 11/02/2022	93/QĐ-CCTHADS	07/11/2022	Không nghiệp vụ Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agrbank)	bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Ỗng Đỗ Thành Dũng, Ỗng Thanh Nhung 2, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	132.700		132.700	3. Đang thi hành	Đang kê biên
89	23/2022/QĐCNHGT-DS	01/08/2022	74/QĐ-CCTHADS	24/10/2022	Công Thương Việt Nam (Việt Nam)	Bà Trương Thanh Hiền, Ỗng Đen Đỏ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	208.825		208.825	3. Đang thi hành	Đang bán đấu giá
90	28/2021/ĐSST	28/04/2021	93/QĐ-CCTHADS	14/02/2022	Ban Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	Ỗng Thị Họa, Ỗng Đen Đỏ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	27.971	3.000	24.971	3. Đang thi hành	Thỏa thuận trả dân

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án		Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết		
	I	2											3	4
91	255/2019/QĐST-DS	27/11/2019	06/QĐ- CCTHADS	18/10/2021	5	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Minh Hiền, ấp Bà Canh, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	60.108	60.108	7	8	9=7-8	10	11
92	27/2021/ĐS-ST	23/04/2021	16/QĐ- CCTHADS	27/10/2021		Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	Phạm Thị Quyên, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang Nguyễn Văn Việt, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	9.708				9.708	Chưa có điều kiện thi hành	
93	156/2022/ĐSST	27/07/2022	70/QĐ- CCTHADS	24/10/2022		Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	ông Nguyễn Thái Sơn, bà Trần Thị Diễm Nhiê, ấp Đũa Đá, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	21.392				21.392	Chưa có điều kiện thi hành	
94	153/2023/QĐST-DS	27/07/2022	148/QĐ- CCTHADS	02/01/2024		Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Võ Minh Chiến, ấp Chợ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang Lê Thị Hương, ấp Chợ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	992.851				992.851	3.Đang thi hành	
95	02/2022/KDTM-ST	25/03/2022	149/QĐ- CCTHADS	02/01/2024		Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Lê Thị Kim Loan, ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	3.542.863				3.542.863	3.Đang thi hành	
96	171/2023/ĐS-ST	18/07/2023	153/QĐ- CCTHADS	16/01/2024		Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	ông Lê Thanh Lâm, bà Võ Thị Chinh, ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	129.659				129.659	3.Đang thi hành	
97	327/2023/QĐST-DS	22/12/2023	172/QĐ- CCTHADS	12/03/2024		Kiến Long (KienLongBank)	Võ Thị Thảo Hà, Kinh Giã, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang Nguyễn Hải Đăng, Xóm Gò, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	1.193.394				1.193.394	3.Đang thi hành	
98	16/2023/QĐST-DS	07/02/2023	174/QĐ- CCTHADS	18/03/2024		Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Phạm Quốc Tấn, bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	794.052				794.052	3.Đang thi hành	
99	01/KDTMST	05/03/2021	168	13/03/2021		Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	CÔNG TY TNHH MTV TMDV Thủy sản Thanh Thịnh	4.973.100	-			4.973.100	3.Đang thi hành	kế biên xử lý tài sản
100	152/ĐSST	27/06/2023	16	03/10/2023		Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Văn Quang, Nguyễn Thị Kim Chi	1.482.744	1.100.000			382.744	3.Đang thi hành	kế biên xử lý tài sản
101	139/ĐSST	06/06/2023	38	09/10/2023		Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	Nguyễn Văn Ly	2.905.156	-			2.905.156	3.Đang thi hành	kế biên xử lý tài sản
102	204/ĐSST	21/08/2023	78	31/10/2023		Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Đoàn Thị Ngọc Bích	2.876.961	-			2.876.961	3.Đang thi hành	kế biên xử lý tài sản
103	130/ĐSST	20/09/2016	257	01/12/2016		Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)	Đoàn Thị Ngọc Bích	2.876.961	-			2.876.961	3.Đang thi hành	kế biên xử lý tài sản
104	107	10/10/2018	905	15/07/2019		Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Trần Thị Loan	33.850	-			33.850	3.Đang thi hành	
105	250	29/09/2022	136	15/12/2022		Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Phạm Thị Diễm, ấp giồng đình, xã tân hòa, huyện gò công đông	49.503	-			49.503	Chưa có điều kiện thi hành	Theo dõi riêng
106	169	11/08/2022	59	18/10/2023		Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Văn Liệt, ấp rạch bùn, xã tân điền, huyện gò công đông	1.111.138	374.419			736.719	3.Đang thi hành	ngân hàng yêu cầu tiếp tục xác minh tài sản khác của ông liệt để thu
XI	Chỉ cục Tân Phú Đông		8	8	8			1.938.865	67.609	8		1.871.256	8	
1	133/ĐSST	27/09/2021	150	10/01/2022		Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Lê Thanh Hiền - Khu phố 5, Phường 2, Thị xã Gò Công	91.460	35.000			56.460	3.Đang thi hành	Thoạt thuận trả vào thu nhập hàng tháng 5.000.000đồng
2	30/ĐS-ST	14/04/2022	336	25/04/2023		Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Trần Thị Phương, số 22, đường Phước Thiện, không 4, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	168.937	0			168.937	3.Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
3	115/ĐSST	08/09/2023	39	13/10/2023		Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Huỳnh Văn Sáu - Bà Lâm, Phú Thạnh	38.415	0			38.415	3.Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
4	72/ĐSST	29/06/2023	38	13/10/2023		Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Lê Thời Giang - Tân Lợi, Tân Thời	32.609	32.609			0	1.Thi hành xong	
5	44/ĐS-ST	11/05/2021	184	11/01/2024		Nam Á (Nam A Bank)	Nguyễn Hoài Phúc - Bà Từ, Phú Tân	999.444	0			999.444	3.Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
6	01/ĐSST	03/01/2024	264	11/03/2024		Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Thị Cẩm Liên, Nguyễn Văn Te - Tân Lợi, Tân Thời	128.000	0			128.000	3.Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
7	122/ĐS-ST	14/09/2023	285	20/03/2024		Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Trần Thị Liên và Trần Kim Nga - Phú Hòa, Phú Tân	180.000	0			180.000	3.Đang thi hành	Đang xác minh tài sản
8	123/ĐS-ST	14/09/2023	284	20/03/2024		Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Nguyễn Thị Phương - Gành, Phú Đông	300.000	0			300.000	3.Đang thi hành	Đang xác minh tài sản

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Quốc Hùng

Điện Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024

KT: CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Vũ



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TIỀN GIANG

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC VỤ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ THÀNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

STT	Tên đơn vị / Chấp hành viên	Số Bản án, Quyết định	Ngày, tháng, năm bản án, quyết định	Số Quyết định thi hành án	Ngày, tháng, năm Quyết định thi hành án	Người phải thi hành án	Thời điểm thụ lý	Tài sản bán đấu giá	Các tổ chức đã bán đấu giá	Tổ chức đã bán đấu giá thành công	Ngày bán đấu giá thành	Số tiền bán đấu giá thành	Số lần đã bán đấu giá	Tình trạng giao tài sản (chọn theo danh sách)	Ngày đã giao tài sản	Hủy kết quả bán đấu giá		Lý do chưa giao được tài sản	Ghi chú
																Lý do hủy kết quả bán đấu giá	Ngày hủy kết quả bán đấu giá		
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng cộng	24	24	24	24	24	24	24	24	23	24	21.879.691	24	24	18	-	-	6	
	Cục THADS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	366.000	1	1	-	-	-	1	
1	Lê Anh Quốc	09/2012/KDTM-ST	24/07/2012	36	28/11/2013	Nguyễn Ngọc Dung	Kỳ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Công ty TNHH Dịch vụ Bán đấu giá tài sản Hoàng Vũ	Công ty TNHH Dịch vụ Bán đấu giá tài sản Hoàng Vũ	06/03/2018	366.000	16	Chưa giao				Lý do khác	
2	Cái Bè	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3.169.500	4	4	2	-	-	2	
1	Mai Thanh Bình	123/DSPT	22/03/2007	944	17/04/2007	Trần Thị Hoàng	Kỳ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Công ty TNHH dịch vụ bán đấu giá Hoàng Vũ	Công ty TNHH dịch vụ bán đấu giá Hoàng Vũ	31/03/2011	184.000	4	Chưa giao				Đang khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá hoặc có tranh chấp về tài sản bán đấu giá	
2	Trương Phi Hùng	148/DSST	11/09/2020	59/QĐ-CCTHAD S ngày	03/11/2020	Ngô Văn Song, Lê Hà Phương	Kỳ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	12/10/2023	654.000	1	Đã giao	16/12/2023				
3	Trương Phi Hùng	148/DSST	12/09/2020	59/QĐ-CCTHAD S ngày	04/11/2020	Ngô Văn Song, Lê Hà Phương	Kỳ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Lần thứ 2	01/03/2024	451.500	3	Chưa giao				Mới bán đấu giá thành, các đương sự đang thỏa thuận về thời hạn giao tài sản	Dự kiến giao ngày 12/04/2024
4	Trương Phi Hùng	3	14/09/2020	68	01/10/2020	Đinh Thanh Vũ, Trương Thị Xuân Lan	Kỳ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	16/11/2023	1.880.000	9	Đã giao	15/12/2023				
3	H. Cai Lậy	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	4.607.000	2	2	2	-	-	-	

	Phạm Văn 1 Phi	46/DSST																	
		2/DSST	08/04/2022	266	20/06/2022	Nguyễn Văn Dũng, Phan Thuỷ Thuỷ	Thụ lý mới	Quyền sử dụng đất	Công ty đầu giá hợp danh Tây Nam		07/12/2023	651.000	Lần thứ 1	Đã giao	18/01/2024				
4	Tân Phước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Châu Thành	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2.290.000	1	1	-	-	-	1	
1	Phan Thanh Nhân	348	10/12/2021	381	05/08/2022	Trần Thị Phương Oanh	Kỷ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Tây Nam	Tây Nam	27/10/2023	2.290.000	Lần 1	Chưa giao				Lý do khác	
6	Tp. MỹTho	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	4.793.400	2	2	1	-	-	1	
1	Nguyễn Thị Liểu Nga	44	24/06/2016	204	21/02/2017	Bùi Thị Châu Loan + Nguyễn Văn Hùng	Kỷ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Công ty TNHH Dịch vụ - Bán đấu giá tài sản Hoàng Vũ	Công ty TNHH Dịch vụ - Bán đấu giá tài sản Hoàng Vũ	09/02/2018	1.115.000	1	Chưa giao			Đang khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá hoặc có tranh chấp về tài sản bán đấu giá	Đã xét xử phúc thẩm ngày 13/5/2020 kết quả hủy án sơ thẩm giao về TAND TPMT xét xử sơ thẩm lại (năm 2020 chuyển sang năm 2023).	
2	Trần Thị Thu Bình	58/DSST	14/09/2020	77	17/11/2020	Nguyễn Khắc Nghĩa và Trần Ngọc Thủy Lan	Kỷ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tông	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tông	08/09/2023	3.678.400	8	Đã giao	06/03/2024				
7	Chợ Gạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Gò Công Tây	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	365.000	1	1	-	-	-	1	
01	Đặng Văn Lợi	160/2022/D SPT	14/07/2022	15	07/10/2022	Nguyễn Thị Luyến	Kỷ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Công ty đầu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đầu giá hợp danh Bá Tông	04/12/2023	365.000	2	Chưa giao				Đương sự chống đối quyết liệt	
9	TX. Gò Công	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Gò Công Đông	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	6.288.791	13	13	13	-	-	-	
1	Nguyễn Hoàng Vũ	222/DSST	15/9/2022	208	04/06/2023	Cô Văn Chí	Kỷ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Bá Tông	Bá Tông	15/12/2023	218.000	1	Đã giao	28/12/2023				
2	Nguyễn Hoàng Vũ	07/DSST	06/07/2022	233	18/5/2023	Phạm Văn Lợi	Kỷ trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Bá Tông	Bá Tông	22/12/2023	310.000	1	Đã giao	09/01/2024				
3	Nguyễn Hoàng Vũ	254/DSST	22/12/2020	138	25/3/2021	Vô Văn Hùng	Kỷ trước chuyển sang	Động sản khác	Nguyễn Quế	Nguyễn Quế	13/10/2023	40.423	18	Đã giao	20/10/2023				
4	Nguyễn Hoàng Vũ	34/DSST	14/03/2022	141	17/05/2022	Đỗ Thị Sê	Kỷ trước chuyển sang	Động sản khác	Nguyễn Quế	Nguyễn Quế	28/04/2023	79.755	8	Đã giao	28/12/2023				

5	Nguyễn Hoàng Vũ	102/DSST	13/6/2022	19	10/07/2022	Lê Thị Lê HOA	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Nguyễn Quế	Nguyễn Quế	27/10/2023	1.127.910	4	Đã giao	11/09/2023				
6	Nguyễn Hoàng Vũ	253/DSST	30/9/2022	134	12/09/2022	Phạm Minh Quân	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Gò Công	Gò Công	11/02/2023	578.000	1	Đã giao	14/11/2023				
7	Nguyễn Hoàng Vũ	53/DSST	30/12/2021	148	24/5/202	Nguyễn Thị nguyên	Ký trước chuyển sang	Động sản khác	Nguyễn Quế	Nguyễn Quế	11/10/2023	160.468	10	Đã giao	17/11/2023				
8	Nguyễn Hoàng Vũ	168/DSST	08/10/2022	73	24/10/2022	Ngô Thị Nơ	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Bá Tòng	Bá Tòng	17/11/2023	49.000	3	Đã giao	30/11/2023				
9	Nguyễn Hoàng Vũ	193/DSST	09/06/2022	169	02/01/2023	Nguyễn Văn Toàn	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Bá Tòng	Bá Tòng	13/10/2023	656.200	3	Đã giao	19/10/2023				
10	Nguyễn Hoàng Vũ	12/DSST	03/03/2021	90	02/09/2022	Trần Văn Hóa	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Nguyễn Quế	Nguyễn Quế	01/05/2024	33.850	7	Đã giao	18/01/2024				
11	Nguyễn Hoàng Vũ	222/DSST	15/9/2022	208	04/06/2023	Cổ Văn Chí	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Bá Tòng	Bá Tòng	25/01/2024	352.000	2	Đã giao	02/01/2024				
12	Nguyễn Ngọc Vinh	25/QĐST-DS	07/05/2021	169	14/05/2021	Văn Công Lường	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Công ty Đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty Đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	06/10/2023	562.185	9	Đã giao	19/10/2023				
13	Nguyễn Ngọc Vinh	01/KDTM-PT	24/01/2022	107	09/03/2022	Công ty TNHH TMDV Thủy ái sản Thái Hòa	Ký trước chuyển sang	Quyền sử dụng đất	Công ty Đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty Đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	27/12/2023	2.121.000	10	Đã giao	27/12/2023				
11	Tân Phú Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	TX Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tổng số việc thực tế bán đấu giá thành:	24
Tổng số tiền thực tế bán đấu giá thành:	21.879.691

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Cẩm Quyên

Tiền Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đinh Ngọc On

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TIỀN GIANG

THỐNG KÊ SỐ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN THÀNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo báo cáo số/BC-CTHADS ngày/03/2024)

Đơn vị tính: việc và 1.000 đồng

TT	Tên chỉ tiêu	Việc	Tiền
	A	1	2
I	Tổng số việc bán đấu giá thành	24	21.879.691
1	Đã giao	18	17.108.191
2	Chưa giao	6	4.771.500
3	Hủy	0	0
II	Kỳ trước chuyển sang	23	21.228.691
1	Đã giao	17	16.457.191
2	Chưa giao	6	4.771.500
3	Hủy	0	0
III	Thụ lý mới	1	651.000
1	Đã giao	1	651.000
2	Chưa giao	0	0
3	Hủy	0	0
IV	Bán đấu giá thành đã giao được tài sản	18	17.108.191
V	Hủy kết quả bán đấu giá tài sản	0	0
1	Lý do hủy kết quả bán đấu giá	0	0
2	Thỏa thuận	0	0
3	Bản án tuyên hủy	0	0
3	Lý do khác		
VI	Tổng số bán đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản	6	4.771.500
	Lý do chưa giao được tài sản	6	4.771.500
1	Chưa có sự đồng thuận trong các cơ quan địa phương		
2	Đương sự chống đối quyết liệt	1	365.000
3	Đương sự đang khiếu nại, tố cáo		
4	Đang khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá hoặc có tranh chấp về tài sản bán đấu giá	2	1.299.000
5	Người mua không nhận tài sản do quá thời hạn chưa giao được		
6	Tài sản đã bán không đúng thực tế		
7	Người mua chưa nộp đủ tiền mua tài sản		
8	Mới bán đấu giá thành, các đương sự đang thỏa thuận về thời hạn giao tài sản	1	451.500
9	Hoãn thi hành án		
10	Tạm đình chỉ thi hành án		
11	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại		
12	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền		
13	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự		
14	Lý do khác	2	2.656.000
V	Tài sản bán đấu giá	24	21.879.691
1	Đất hoa màu	0	0
2	Đất nông nghiệp	0	0
3	Quyền sử dụng đất	13	10.980.145

4	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	8	10.618.900
5	Đất thổ cư	0	0
6	Cây ăn quả	0	0
7	Ô tô	0	0
8	Xe máy	0	0
9	Dây chuyền sản xuất	0	0
10	Máy móc thiết bị	0	0
11	Nhà xưởng và tài sản gắn liền trên đất	0	0
12	Động sản khác	3	280.646
13	Nhà cấp 4	0	0
14	Nhà ở và tài sản gắn liền	0	0
15	Nhà và đất	0	0
16	Khác	0	0

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Cẩm Quyền

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đinh Ngọc On

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC VỤ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN CHƯA THÀNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

STT	Tên đơn vị / Chấp hành viên	Số Bản án, Quyết định	Ngày, tháng, năm bản án, quyết định	Số Quyết định thi hành án	Ngày, tháng, năm Quyết định thi hành án	Thời điểm thụ lý	Người phải thi hành án	Số tiền phải thi hành theo Quyết định THA	Loại tài sản bán đấu giá	Số lần bán đấu giá thời điểm báo cáo	Số tiền bán đấu giá thời điểm báo cáo	Các tổ chức đã tham gia bán đấu giá					Lý do bán đấu giá chưa thành
												Tổ chức thứ 1	Tổ chức thứ 2	Tổ chức thứ 3	Tổ chức thứ 4	Tổ chức thứ 5	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng	111	111	111	111	111	111	111	111	111	329.799.321	110	63	44	30	23	111
I	Cục THADS	2	2	2	2	2	2	2	2	2	704.657	2	1	1	1	1	2
1	Lê Anh Quốc	09/2012/KDTM-ST	24/07/2012	36	28/11/2013	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Ngọc Dung	1.337.009	Cây ăn quả	Lần thứ 5	393.946	Cty đấu giá hợp danh Bà Tòng					Lý do khác
2	Trần Văn Dũng	234	26/11/2020	161	29/04/2021	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Công Thương; Phạm Thị Mỹ Nhỏ	19.146.634	Động sản khác	Lần thứ 13	310.711	Công ty đấu giá hợp danh Hoàng Vũ	Công ty đấu giá hợp danh Điền Nguyên	Công ty đấu giá hợp danh Điền Nguyên	Công ty đấu giá hợp danh Điền Nguyên	Công ty đấu giá hợp danh Điền Nguyên	Lý do khác
2	Cái Bè	11	11	11	11	11	11	11	11	11	113.523.140	11	8	7	5	1	11
1	Trương Phi Hùng	12/2018/KDTMST	27/12/2018	18/QĐ-CCTHADS	06/10/2020	Kỳ trước chuyển sang	Công ty CP dịch vụ và Vận tải Ô tô số 6	79.363.460	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 8	14.608.271	Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn					Lý do khác
2	Lê Nhật Nam	137	03/10/2017	2007	12/07/2018	Kỳ trước chuyển sang	Đình Duẩn + Ngô Huỳnh Hồng Nga	6.926.813	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	18.680.264	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam		Lý do khác
3	Lê Nhật Nam	223	14/12/2020	216	03/03/2021	Kỳ trước chuyển sang	Võ Văn Lợi, Nguyễn Thị Ngọc	157.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	765.340	Công ty đấu giá hợp danh Bà Tòng	Công ty đấu giá hợp danh Bà Tòng	Công ty đấu giá hợp danh Bà Tòng			Lý do khác
4	Nguyễn Thị Phương	3	19/12/2022	231	15/03/2023	Kỳ trước chuyển sang	Công ty TNHH Hồng Hiền	14.682.084	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	11.952.379	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam		Lý do khác
5	Phạm Văn Tâm	74/DSST	11/12/2020	219	04/03/2021	Kỳ trước chuyển sang	Lê Hoàng Kiêng	5.387.038	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	5.625.757	5625757	5.344.296	5237410	5.027.913		Lý do khác
6	Phạm Văn Tâm	174/DSST	09/09/2022	68	08/11/2022	Kỳ trước chuyển sang	Huỳnh Văn Tuấn Huỳnh Thị Thanh	780.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	1.722.823	1722823	1550540				Lý do khác
7	Phạm Văn Tâm	56/DSST	12/05/2022	228	14/06/2022	Kỳ trước chuyển sang	Đình Thị Châu	600.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	1.253.690	1253690	1128321	1015488	913.940		Lý do khác
8	Nguyễn Việt Thắng	08/KTST	30/11/2017	907	23/01/2018	Kỳ trước chuyển sang	Huỳnh Văn Hải; Lê Thị Hồng Thắm	829.013	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	1.181.375	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam					Lý do khác

9	Nguyễn Văn Trộn	74/2020/D SST	07/07/2020	11/QĐ-CCTHADS	01/10/2020	Kỳ trước chuyển sang	Huỳnh Đăng Diễm Trình Đăng Kim Lanh, Huỳnh Đăng Quốc Cường, Huỳnh Đăng Hữu Nghĩa, Huỳnh Đăng Hoàng Yên	267.000	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 7	591.553	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam	Lý do khác
10	Nguyễn Văn Trộn	715/2023/DSPT	04/07/2023	406/QĐ-CCTHADS	31/08/2023	Kỳ trước chuyển sang	Đinh Hồng Hải	50.346.980	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	8.006.743	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông					Lý do khác
11	Nguyễn Văn Trộn	01/2021/KDTMST	29/01/2021	284/QĐ-CCTHADS	28/04/2021	Kỳ trước chuyển sang	Công ty trách nhiệm hữu hạn xây xác Minh Tâm - đại diện theo pháp luật anh Trần Văn Tâm	63.870.106	Nhà xưởng và tài sản gắn liền trên đất	Lần thứ 3	49.134.945	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông			Lý do khác
3	H. Cai Lậy	7	7	7	7	7	7	7	7	7	9.087.316	7	7	2	-	-	7
1	Nguyễn Ngọc Trang	125/DSST	29/08/2014	382	28/11/2014	Kỳ trước chuyển sang	Võ Quốc Việt	828.750	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	367.738	Cty Hợp Danh Hoàng Vũ	Cty Hợp Danh Hoàng Vũ				Lý do khác
2	Trần Văn Viên	57/DSST	01/06/2017	30	04/10/2017	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Gấm	157.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	141.184	Cty Hợp Danh Tây nam	Cty Hợp Danh Tây nam				Tài sản có tranh chấp
3	Trần Văn Viên	38/QĐST-DS	13/05/2020	960	10/06/2020	Kỳ trước chuyển sang	Võ Long Hải Lê Ngọc Hà	9.994.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	1.250.514	Cty Hợp Danh Bá Tông	Cty Hợp Danh Bá Tông				Lý do khác
4	Lê Minh Hải	40/2022/QĐST-DS	07/04/2022	265	20/06/2022	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Tâm, Võ Thị Rõng	4.468.648	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	2.597.777	Cty Hợp Danh Tây nam	Cty Hợp Danh Tây nam				Lý do khác
5	Lê Minh Hải	36/2020/D SST	26/06/2020	102	24/01/1900	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Lãnh	394.100	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	394.100	Cty Hợp Danh bá Tông	Cty Hợp Danh bá Tông				Lý do khác
6	Lê Văn Dinh	33A/2020/QĐST-DS	04/05/2020	962	10/06/2020	Kỳ trước chuyển sang	Cai Thị Đà	2.576.792	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	2.576.792	Cty Hợp Danh bá Tông	Cty Hợp Danh bá Tông	Cty Hợp Danh bá Tông			Lý do khác
7	Trần Văn Viên	68/DSST	20/05/2022	267	28/06/2022	Thụ lý mới	Thân Thị Ngọc Quý Trần Quốc Việt	1.000.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	1.759.211	Cty Hợp Danh Tây nam	Cty Hợp Danh Tây nam	Cty Hợp Danh Tây nam			Lý do khác
4	Tân Phước	3	3	3	3	3	3	3	3	3	49.707.159	3	-	-	-	-	3
1	CHV Hùng	01/KDTM	28/08/2020	71	01/02/2021	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Thị Tổng Lê Văn Hải	457.045	Nhà và đất	Lần thứ 2	1.380.114	Cty đấu giá Hợp danh Tây Nam					Lý do khác
2	CHV Quyên	01/KDTM	17/11/2022	49	03/02/2023	Thụ lý mới	Cty TNHH 1 Thành viên xăng dầu Tâm Nhựt Phát	20.823	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	14.186.836	Cty đấu giá Hợp danh Tây Nam					Lý do khác
3	CHV Phong	01/KDTM	25/05/2022	161	13/07/2022	Kỳ trước chuyển sang	Cty TNHH SXCBNS Cát Tường	237.951.733	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	34.140.209	Cty đấu giá Hợp danh Tây Nam					Lý do khác
5	Châu Thành	12	12	12	12	12	12	12	12	12	7.486.503	11	5	4	4	4	12

1	Nguyễn Chí Tâm	133	21/03/2016	402	21/06/2016	Kỳ trước chuyển sang	Trinh Ngọc Thương	50.609	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	90.000	Công ty TNHH dịch vụ BĐS TS Hoàng Vũ					Lý do khác
2	Nguyễn Chí Tâm	250	21/07/2009	1018	03/06/2011	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Thị Hồng Yến	27.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	400.000	Công ty đầu giá hợp danh Mỹ Tho					Lý do khác
3	Phan Thanh Nhân	335	31/10/2011	638	20/01/2012	Kỳ trước chuyển sang	Lê Văn Hồng, Lê Thị Cúc, Lê Quốc Cường	202.740	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 5	188.105	Hoàng Vũ					Lý do khác
4	Phan Thanh Nhân	139	13/08/2010	162	08/10/2010	Kỳ trước chuyển sang	Lê Mạnh Hải	356.798	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 2	69.000	Hoàng Vũ					Lý do khác
5	Phan Thanh Nhân	366	19/09/2014	190	22/12/2014	Kỳ trước chuyển sang	Trần Thị Kim Hương, Phan Thanh Hùng	680.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	1.532.193	Trung tâm bán đấu giá Sở Tư pháp					Tài sản có tranh chấp
6	Phan Thanh Nhân	419	29/11/2019	855	17/01/2020	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Bảy	409.314	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	397.000	Bà Tòng	Hoàng Vũ	Tây Nam	Tây Nam	Tây Nam	Lý do khác
7	Phan Thanh Nhân	01	08/01/2021	208	16/03/2021	Kỳ trước chuyển sang	Công ty TNHH Xây dựng Công trình Đạt Tài	11.040.339	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 7	1.923.000	Điền Nguyên	Điền Nguyên	Điền Nguyên	Điền Nguyên	Điền Nguyên	Lý do khác
8	Phan Thanh Nhân	60	07/04/2021	227	07/04/2021	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Dũng	320.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 5	381.000	Tây Nam	Tây Nam	Tây Nam	Tây Nam	Tây Nam	Lý do khác
9	Bùi Thị Mến	289/DSST	26/08/2015	69	20/10/2015	Kỳ trước chuyển sang	Lê Văn Phúc Trần Kim Huệ	510.153	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	334.291	Công ty TNHH một thành viên đấu giá An Khang	Công ty TNHH DV BĐS Hoàng Vũ				Lý do khác
10	Bùi Thị Mến	15/QĐST-KDTM	06/01/2012	988	07/05/2012	Kỳ trước chuyển sang	Công ty TNHH TM Vận tải Ánh Nguyệt	2.659.937	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	1.207.631	Công ty TNHH DV BĐS Hoàng Vũ	Công ty TNHH DV BĐS Hoàng Vũ	Công ty TNHH DV BĐS Hoàng Vũ	Công ty TNHH DV BĐS Hoàng Vũ	Công ty TNHH DV BĐS Hoàng Vũ	Lý do khác
11	Bùi Thị Mến	207/2017/DSST	10/08/2017	19	06/10/2017	Kỳ trước chuyển sang	Tạ Thị Lệ	220.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	565.737	Công ty đầu giá hợp danh Tây Nam					Lý do khác
12	Nguyễn Khánh Linh	108	28/12/2010	862	13/03/2013	Kỳ trước chuyển sang	Đặng Thị Hồng Oanh	470.000	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 2	398.546						Lý do khác
6	Tp Mỹ Tho	17	17	17	17	17	17	17	17	17	66.771.592	17	8	6	4	3	17
1	Lê Trường	05/2020/QĐST-KDTM	18/12/2020	144	01/03/2021	Kỳ trước chuyển sang	Lê Thị Hải Yến; Đặng Lâm Hiếu Trung	3.963.683	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 9	2.907.113	Cty đầu giá hợp danh Bá Tòng	Cty đầu giá hợp danh Bá Tòng	Cty đầu giá hợp danh Bá Tòng	Cty đầu giá hợp danh Bá Tòng	Cty đầu giá hợp danh Bá Tòng	Lý do khác
2	Trần Thị Thu Bình	08	05/07/2023	13	04/10/2023	Thụ lý mới	Lê Văn Ngu và Bùi Thị Chúc	2.651.416	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 1	4.315.114	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tòng					Lý do khác
3	Trần Thị Thu Bình	213	24/08/2022	36	19/10/2022	Kỳ trước chuyển sang	Đặng Hoàng Vũ, Nguyễn thị Tố Uyên	729.127	Nhà ở và tài sản gắn liền	Lần thứ 3	2.034.549	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tòng	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tòng	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tòng			Lý do khác
4	Trần Thị Thu Bình	165	21/07/2022	187	11/08/2022	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Thị Ngọc Hạnh	502.920	Nhà ở và tài sản gắn liền	Lần thứ 3	915.171	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tòng	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tòng	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tòng			Lý do khác

5	Trần Thị Thu Bình	08	27/02/2023	214	14/04/2023	Kỳ trước chuyển sang	Lê Quốc Tuấn	1.038.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	20.048.860	Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Quốc Tế	Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Quốc Tế				Lý do khác
6	Trần Thị Thu Bình	07	10/09/2022	186	07/03/2023	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thành Trái	8.087.847	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 1	3.414.236	CTY đầu giá Hợp Danh Điền Nguyên					Lý do khác
7	Trần Thị Thu Bình	11	27/09/2022	157	16/02/2023	Kỳ trước chuyển sang	Trương Bá Khánh Trinh và Nguyễn Yến Nhi	4.550.283	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 2	4.816.905	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tông	CTY đầu giá Hợp Danh Bá Tông				Lý do khác
8	Trần Thị Mỹ Long	115	21/10/1996	63	06/01/1997	Kỳ trước chuyển sang	Thái Thị Kim Đình	39.555	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 2	142.863	Doanh nghiệp đầu giá Quốc tế					Lý do khác
9	Trần Thị Mỹ Long	111/2019/DSST	12/11/2019	133	10/01/2020	Kỳ trước chuyển sang	Trần Thanh Hùng	200.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	483.253	Doanh nghiệp đầu giá Quốc tế					Lý do khác
10	Trần Thị Mỹ Long	51/2009/QĐST-DS	26/08/2009	70	20/10/2009	Kỳ trước chuyển sang	Trần Thị Hòa	17.161	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	535.434	Doanh nghiệp đầu giá Quốc tế					Lý do khác
11	Trần Thị Mỹ Long	10/2022/KDTM-ST	26/09/2022	138	30/12/2022	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Cẩm Tú	4.534.755	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	6.774.042	Công ty đầu giá hợp danh Bá Tông					Lý do khác
12	Nguyễn Anh Tuấn	03/2021/KDTM-ST	25/03/2021	205	21/05/2021	Kỳ trước chuyển sang	Công ty TNHH Thép Bình Nguyên, 80B Lý Thường Kiệt, P5 TP MT	12.519.775	Nhà ở và tài sản gắn liền	Lần thứ 10	15.545.353	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	Lý do khác
13	Nguyễn Anh Tuấn	22/2023/QĐST-DS	04/05/2023	891	16/06/2023	Thụ lý mới	Trần Văn Non, sinh năm 1950; Nguyễn Thị Tường, sinh năm 1960	3.556.463	Động sản khác	Lần thứ 6	2.240.481	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	DN đầu giá Tư nhân Quốc tế	Lý do khác
14	Mai Khánh Huy	36/2020/D S-ST	07/08/2020	136/QĐ-CCTHADS	09/06/2022	Kỳ trước chuyển sang	Đào Thị Tươi, sinh năm 1959;; 127/2 Thái Văn Đẩu, KP3, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	50.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	517.301	Công ty đầu giá Hợp Danh Bá Tông	Công ty đầu giá Hợp Danh Bá Tông	Công ty đầu giá Hợp Danh Bá Tông	Công ty đầu giá Hợp Danh Bá Tông		Lý do khác
15	Đặng Nghĩa Nhân	108	28/10/2010	862	13/03/2013	Kỳ trước chuyển sang	Đặng Thị Hồng Oanh	470.000	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 2	378.618	Đầu giá hợp sanh Bá Tông					Lý do khác
16	Đặng Nghĩa Nhân	184	31/03/2023	219	21/04/2023	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Bích Vân	899.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	1.351.799	Đầu giá hợp sanh Bá Tông					Lý do khác
17	Đặng Nghĩa Nhân	66	23/09/2020	170	29/03/2021	Kỳ trước chuyển sang	Trần Thị Minh Thảo	519.056	Ô tô	Lần thứ 1	350.500	Đầu giá hợp sanh Bá Tông					Lý do khác
7	Chợ Gạo	7	7	7	7	7	7	7	7	7	4.330.067	7	6	2	2	2	7

1	Mai Minh Khương	451/2022/DS-ST 180/2022/QĐST-DS 265/2022/QĐST-DS 362/2022/DSST 344/2022/DSST 345/2022/DSST 415/2022/DSST	29/09/2022 26/05/2022 15/07/2022 25/08/2022 29/08/2022 29/08/2022 21/09/2022	145/QĐ-CCTHADS; 199/QĐ-CCTHADS 256/QĐ-CCTHADS; 121/QĐ-CCTHADS 122/QĐ-CCTHADS 123/QĐ-CCTHADS; 110/QĐ-CCTHADS	08/12/2022 08/06/2022 08/8/2022 23/11/2022 23/11/2022 23/11/2022 14/11/2022	Kỳ trước chuyển sang	Trần Văn Đua Lương Thị Bé Tư	5.591.654.245	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 4	1.612.142	Công ty đấu giá Hợp danh Tây Nam					Lý do khác
2	Nguyễn Phạm Đan Thuý	268/2011/DSST	19/09/2011	QĐ-CCTHADS	13/3/2019	Kỳ trước chuyển sang	Võ Văn Năm	148.905	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 3	149	Doanh Nghiệp Đầu Giá Tư nhân Quốc Tế	Doanh Nghiệp Đầu Giá Tư nhân Quốc Tế				Lý do khác
3	Nguyễn Phạm Đan Thuý	141/2016/DSST	30/9/2016	QĐ-CCTHADS	26/12/2016	Kỳ trước chuyển sang	Huỳnh Văn Chính	93.569	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 2	93.569	Doanh Nghiệp Đầu Giá Tư nhân Quốc Tế	Doanh Nghiệp Đầu Giá Tư nhân Quốc Tế				Lý do khác
4	Võ Đức Nhân	311/2016/QĐST-DS	08/06/2016	5/QĐ-CCTHADS	01/10/2018	Kỳ trước chuyển sang	Bùi Thị Diệu	592.869	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 10	373.663	Danh nghiệp Đầu giá Tư nhân Quốc Tế	Danh nghiệp Đầu giá Tư nhân Quốc Tế	Danh nghiệp Đầu giá Tư nhân Quốc Tế	Danh nghiệp Đầu giá Tư nhân Quốc Tế	Danh nghiệp Đầu giá Tư nhân Quốc Tế	Lý do khác
5	Võ Đức Nhân	342/DSST	18/10/2019	1226/QĐ-CCTHADS	15/06/2020	Kỳ trước chuyển sang	Võ Thị Tuyết Trang và	382.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	340.368	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Lý do khác
6	Võ Đức Nhân	296/2022/DSST	29/07/2022	104/QĐ-CCTHADS	08/11/2022	Kỳ trước chuyển sang	Lê Văn Cung	1.132.038	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	1.223.416	Danh nghiệp Đầu giá Tư nhân Quốc Tế	Danh nghiệp Đầu giá Tư nhân Quốc Tế				Lý do khác
7	Võ Đức Nhân	75/DSPT	24/02/2021	237/QĐ-CCTHADS	05/04/2021	Kỳ trước chuyển sang	Trần T Kim Loan	446.520	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	780.329	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông				Lý do khác
8	Gò Công Tây	15	15	15	15	15	15	15	15	15	26.666.269	15	7	5	2	-	15
01	Võ Anh Phương	186/2022/DS-ST	29/06/2022	118/QĐ-CCTHADS	19/12/2022	Kỳ trước chuyển sang	Ông Cao Văn Kỳ, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Thanh Trúc, sinh năm 1979; Ấp Bình Khánh, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang	157.001	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	258.621	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông					Giá trị tài sản định giá quá cao
02	Đặng Văn Lợi	338/2022/QĐST-DS	24/11/2022	154	10/02/2023	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Hiền, Lê Thị Yến	410.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	412.896	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông		Giá trị tài sản định giá quá cao
03	Đặng Văn Lợi	132/2022/DSST	26/05/2022	273	01/08/2022	Kỳ trước chuyển sang	Võ Long Sơ, Mai Thị Lá	44.748	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	242.973	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam		Giá trị tài sản định giá quá cao

04	Đặng Văn Lợi	65/2023/D SPT	17/02/2023	179	06/03/2023	Kỳ trước chuyển sang	Hà Văn Hùng	300.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	198.052	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam			Giá trị tài sản định giá quá cao
05	Đặng Văn Lợi	91/2020/D SST	27/05/2020	217	06/07/2020	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Cường, Giản Thị Mỹ	505.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	318.476	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông			Giá trị tài sản định giá quá cao
06	Đặng Văn Lợi	108/2019/ DSST	15/07/2019	8	09/10/2019	Kỳ trước chuyển sang	Hồ Thị Phương	332.582	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	713.511	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam				Giá trị tài sản định giá quá cao
07	Đặng Văn Lợi	279/2022/ QĐST-DS	13/09/2022	175	06/03/2023	Kỳ trước chuyển sang	Lê Văn Sơn	78.250	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	2.626.475	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam	Công ty đấu giá Hợp Danh Tây Nam			Giá trị tài sản định giá quá cao
08	Đặng Văn Lợi	93/2023/Q ĐST-DS	07/04/2023	214	18/04/2023	Kỳ trước chuyển sang	Trần Thị Thắm	115.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	264.736	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông					Giá trị tài sản định giá quá cao
09	Đặng Văn Lợi	53/2023/D SST	03/03/2023	233	10/05/2023	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Bích Sơn	420.011	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	562.126	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông					Giá trị tài sản định giá quá cao
10	Đặng Văn Lợi	237/2023/ DS-ST	24/07/2023	12	11/10/2023	Thụ lý mới	Nguyễn Trung Quốc	1.076.359	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	1.006.118	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông				Giá trị tài sản định giá quá cao
11	Từ Kim Khoảnh	258/HNG Đ-ST	08/08/2022	74	28/10/2022	Thụ lý mới	Trần Minh Trí	485.495	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 3	570.000	Công ty TNHH bán đấu giá Tây Nam					Lý do khác
12	Từ Kim Khoảnh	07/DSST	06/01/2021	180	23/03/2021	Kỳ trước chuyển sang	Huỳnh Văn Cơ	8.286.760	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 4	9.952.485	Công ty TNHH Dịch vụ - Bán đấu giá Nguyễn Quế					Lý do khác
13	Nguyễn Thân Sinh	243	24/09/2020	74	24/11/2020	Kỳ trước chuyển sang	Trần Văn Hạnh Nguyễn Thị Nhiều	33.017.249	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	7.416.338	Công ty đấu giá hợp danh Nguyễn Quế					Giá trị tài sản định giá quá cao
14	Nguyễn Thân Sinh	116	44.278	229	44.720	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Giới	291.505	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 1	413.137	Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc tế					Giá trị tài sản định giá quá cao
15	Nguyễn Thân Sinh	71	06/04/2021	193	23/04/2021	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Mai	920.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	1710325	Công ty đấu giá hợp danh Bá Tông					Giá trị tài sản định giá quá cao
10	Gò Công Đông	25	25	25	25	25	25	25	25	25	27.504.460	25	16	15	12	12	25
1	Nguyễn Hoàng Vũ	19/DSST	08/04/2021	01	12/10/2021	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Hồng Giang	7.045.723	Động sản khác	Lần thứ 18	50.031	Công ty đấu giá Hợp danh Gò Công	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Lý do khác
2	Nguyễn Hoàng Vũ	40/DSST	08/11/2021	123	14/04/2022	Thụ lý mới	Hồ Văn Sùng Nguyễn Thị Liên	6.649.715	Động sản khác	Lần thứ 10	270.063	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác
3	Nguyễn Hoàng Vũ	01/KDTM	12/11/2021	155	06/06/2022	Thụ lý mới	Công ty TNHH MTV Đại Thành Khánh Vân	9.885.415	Động sản khác	Lần thứ 13	1.141.460	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Lý do khác

4	Nguyễn Hoàng Vũ	102/DSST	13/06/2023	19	07/10/2022	Thụ lý mới	Lê Thị Lê Hoa	7.298.670	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 7	384.837	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Lý do khác
5	Nguyễn Hoàng Vũ	78A/DSST	13/05/2022	15	05/10/2022	Thụ lý mới	Phạm Thị Hiền Em	2.181.796	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 7	311.677	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Lý do khác
6	Nguyễn Hoàng Vũ	152/DSST	26/07/2022	72	24/10/2022	Thụ lý mới	Huỳnh Văn Chung Đặng Thị Trúc Minh	1.916.915	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	491.055	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác
7	Nguyễn Hoàng Vũ	47/DSST	29/03/2022	80	31/10/2022	Thụ lý mới	Quách Minh Hùng Đặng Thị Hồng Nhung	4.016.173	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 7	549.440	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác
8	Nguyễn Hoàng Vũ	168/DSST	10/08/2022	73	24/10/2022	Thụ lý mới	Phạm Ngọc Tư Ngô Thị Nơ	1.910.729	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	438.834	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác
9	Nguyễn Hoàng Vũ	193/DSST	06/09/2022	169	01/02/2023	Thụ lý mới	Nguyễn Văn Toàn	2.940.225	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	222.697	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác
10	Nguyễn Hoàng Vũ	187/DSST	30/08/2022	142	16/12/2022	Thụ lý mới	Hồ Thị Ên	4.074.986	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	519.728	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác
11	Nguyễn Hoàng Vũ	178/DSST	18/08/2022	94	07/11/2022	Kỳ trước chuyển sang	Đoàn Công Trường	3.423.701	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	2.454.220	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác

12	Nguyễn Hoàng Vũ	07/DSST	06/07/2022	233	18/5/2023	Thụ lý mới	Phạm Văn Lợi	5.672.464	Động sản khác	Lần thứ 2	243.000	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông			Lý do khác
13	Nguyễn Hoàng Vũ	222/DSST	15/9/2022	208	04/06/2023	Kỳ trước chuyển sang	Cô Văn Chí	2.127.791	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 2	196.495	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông			Lý do khác
14	Nguyễn Hoàng Vũ	52/DSST	30/12/2021	147	24/5/2022	Kỳ trước chuyển sang	Trần Văn Hùng	8.189.258	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 5	3.612.352	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông	Lý do khác
15	Nguyễn Ngọc Vinh	41/QĐST-DS	12/11/2021	127	27/04/2022	Kỳ trước chuyển sang	Võ Văn Phùng Nguyễn Thị Nguyệt	8.201.906	Động sản khác	Lần thứ 10	562.201	Công ty Đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông				Lý do khác
16	Nguyễn Ngọc Vinh	01/KDTM-PT	24/01/2022	107	09/03/2022	Kỳ trước chuyển sang	Công ty TNHH TMDV Thủy hải sản Thái Hòa	20.450.078	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 10	5.236.770	Công ty Đấu giá Hợp danh Nguyễn Quế	Công ty đấu giá Hợp danh Gò Công	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông			Lý do khác
17	Nguyễn Ngọc Vinh	60/QĐST-DS	25/04/2022	165	22/06/2022	Kỳ trước chuyển sang	Cao Văn Phúc Phạm Thị Thơm	1.981.604	Động sản khác	Lần thứ 10	384.581	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác
18	Nguyễn Ngọc Vinh	168/DSST	03/09/2020	70	25/11/2020	Kỳ trước chuyển sang	Lê Thị Loan Nguyễn Ngọc Hán	495.000	Động sản khác	Lần thứ 10	302.106	Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc tế					Lý do khác
19	Nguyễn Ngọc Vinh	109/QĐST-DS	15/06/2022	16	05/10/2022	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Thị Diệu Đình Khắc Qui	1.404.760	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 7	579.929	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác

20	Nguyễn Ngọc Vinh	68/QĐST-DS	04/05/2022	150	24/05/2022	Kỳ trước chuyển sang	Phan Văn Đồi Nguyễn Thị Diễm	13.741.104	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 8	2.304.971	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác
21	Nguyễn Ngọc Vinh	25/QĐCN HGT-DS	02/08/2022	108	21/11/2022	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Đâu, Võ Thanh Thủy	1.945.599	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	874.982	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác
22	Nguyễn Ngọc Vinh	23/QĐCN HGT-DS	01/08/2022	74	24/10/2022	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Hiếu	208.825	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 9	141.116	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác
23	Nguyễn Ngọc Vinh	04/2022/KDTM-ST	27/09/2022	195	03/03/2023	Kỳ trước chuyển sang	CÔNG ty TNHH TMDV Thủy hải sản, xăng dầu Tú Trinh	8.054.653	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	2.427.584	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác
24	Nguyễn Ngọc Vinh	04/2022/QĐCNHGT-DS	07/06/2022	190	24/02/2023	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Đây	3.169.315	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	2.055.407	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác
25	Nguyễn Ngọc Vinh	10/QĐCN HGT-DS	24/06/2022	206	31/03/2023	Thụ lý mới	Đoàn Văn Tuấn, Phạm Thị Trinh	1.367.227	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 1	1.748.924	Công ty đấu giá Hợp danh Bá Tông					Lý do khác
11	Tân Phú Đông	2	2	2	2	2	2	2	2	2	8.882.836	2	1	-	-	-	2
1	Nguyễn Ngọc Tinh	5	14/07/2022	134	22/11/2022	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Văn Hiếu	2.500.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 2	5.951.777	5.951.777	Công ty ĐBG Hợp danh Diên Nguyên				Lý do khác
2	Trần Thị Mỹ Nhân	71	28/06/2023	7	10/10/2023	Thụ lý mới	Võ Thanh Phương	2.050.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	2.931.059	Công ty Đấu giá Hợp Danh Gò Công					Lý do khác
12	TX Cai Lậy	10	10	10	10	10	10	10	10	10	15.135.322	10	4	2	-	-	10
1	Khải	130/DSPT	07/05/2019	134/QĐ-CCTHADS	05/05/2020	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Diên, Nguyễn Thị Bé Tư	194.100	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 1	681.472	Công ty đấu giá Hợp danh Tây Nam					Lý do khác
2	Khải	106/DSST	19/11/2019	128/QĐ-CCTHADS	16/04/2020	Kỳ trước chuyển sang	Mai Phát Đạt	605.152	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	608.665	Công ty đấu giá Hợp danh Tây Nam					Lý do khác

3	Khài	01/QĐST-KDTM	11/05/2018	63/QĐ-CCTHADS	21/12/201/	Kỳ trước chuyển sang	Mai Thị Thùy Dung	497133	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	518.167	Công ty đấu giá Hợp danh Tây Nam					Lý do khác
4	Giang	26/DSST	19/04/2021	01/QĐ-CCTHADS	04/10/2021	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Thị Liễu, Nguyễn Tấn Vũ	964.320	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 4	937.000	Công ty Đấu giá hợp danh Bá Tông	Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Tế	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam			Lý do khác
5	Giang	275/DSPT	11/06/2023	2356/QĐ-CCTHADS	26/06/2013	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Văn Tư, Nguyễn Thị Ngọc Giàu	738.210	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 1	4.611.894	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam					Lý do khác
6	Giang	02/KDTM-ST	26/09/2014	342/QĐ-CCTHADS	18/12/2014	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thanh Thơ	726.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 6	4.316.037	Công ty Đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam	Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Tế			Lý do khác
7	Giang	174/DSST	29/04/2011	1380/QĐ-CCTHADS	17/05/2011	Kỳ trước chuyển sang	Lê Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Ngân	500.000	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	1.016.282	Công ty Đấu giá hợp danh Bá Tông	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam				Lý do khác
8	Giang	113/DSST	23/07/2012	227/QĐ-CCTHADS	08/10/2012	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Tấn Tài	231.000	Quyền sử dụng đất	Lần thứ 1	1.819.518	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam					Lý do khác
9	Mai	161/QĐST-HGT	23/11/2010	996/QĐ-CCTHADS	24/02/2011	Kỳ trước chuyển sang	Phạm Minh Tuấn, Võ Thị Thanh Thủy	48.471	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 8	65.543	Công ty đấu giá hợp danh Hoàng Vũ	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam				Lý do khác
10	Mai	01/DS-PT	13/01/2020	174/QĐ-CCTHADS	31/07/2020	Kỳ trước chuyển sang	Nguyễn Thị Tuyết Lan	402.459	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Lần thứ 3	560.744	Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Quốc Tế					Lý do khác
Tổng số việc thực tế bán đấu giá chưa thành:						111											
Tổng số tiền thực tế bán đấu giá chưa thành:						329.799.321											

NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Thị Cẩm Quyên

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Ngọc On

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TIỀN GIANG

THỐNG KÊ SỐ VIỆC BÁN ĐẦU GIÁ TÀI SẢN CHƯA THÀNH
06 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo báo cáo số/BC-CTHADS ngày/03/2024)

Đơn vị tính: việc và 1.000 đồng

TT	Tên chỉ tiêu	Việc	Tiền
	A	1	2
	Tổng số việc bán đầu giá chưa thành	111	329.799.321
I	Kỳ trước chuyển sang	93	296.468.787
II	Thụ lý mới	18	33.330.534
III	Số lần bán đầu giá chưa thành	111	329.799.321
1	Lần thứ 1	22	86.305.977
2	Lần thứ 2	25	53.597.498
3	Lần thứ 3	16	76.913.614
4	Lần thứ 4	13	41.541.485
5	Lần thứ 5	4	4.575.403
6	Lần thứ 6	10	18.320.955
7	Lần thứ 7	6	4.340.436
8	Lần thứ 8	3	16.978.785
9	Lần thứ 9	2	3.048.229
10	Lần thứ 10	7	22.674.737
11	Lần thứ 11	-	0
12	Lần thứ 12	-	0
13	Lần thứ 13	2	1.452.171
14	Lần thứ 14	-	0
15	Lần thứ 15	-	0
16	Lần thứ 16	-	0
17	Lần thứ 17	-	0
18	Lần thứ 18	1	50.031
19	Lần thứ 19	-	0
20	Lần thứ 20	-	0
IV	Lý do bán đầu giá chưa thành	111	329.799.321
1	Giá trị tài sản định giá quá cao	13	16.143.784
2	Tài sản không đúng hiện trạng kê biên	0	0
3	Tài sản hư hỏng	0	0
4	Tài sản có tranh chấp	2	1.673.377

5	Lý do khác	96	311.982.160
V	Tài sản bán đấu giá	111	329.799.321
1	Đất hoa màu	0	0
2	Đất nông nghiệp	0	0
3	Quyền sử dụng đất	20	34.921.614
4	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	75	219.618.495
5	Đất thổ cư	0	0
6	Cây ăn quả	1	393.946
7	Ô tô	1	350.500
8	Xe máy	0	0
9	Dây chuyền sản xuất	0	0
10	Máy móc thiết bị	0	0
11	Nhà xưởng và tài sản gắn liền trên đất	1	49.134.945
12	Động sản khác	9	5.504.634
13	Nhà cấp 4	0	0
14	Nhà ở và tài sản gắn liền	3	18.495.073
15	Nhà và đất	1	1.380.114
16	Khác	0	0

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Cẩm Quyên

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đinh Ngọc On

Tiền Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2024

THU HỒI, HỦY QUYẾT ĐỊNH THI HÀNH ÁN 06 THÁNG NĂM 2024

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	TỈNH	06 tháng năm 2024		Nguyên nhân															
		Việc	Tiền	Ra quyết định thi hành án không đúng quy định (không đúng phạm vi, nghĩa vụ thi hành án); cơ quan THADS nơi ủy thác thu hồi QĐ ủy thác dẫn tới cơ quan nơi nhận ủy thác phải thu hồi quyết định THA		Một bản án nhưng ra 2 quyết định THA cho cùng một khoản nghĩa vụ phải thi hành		Tòa án chấp nhận kháng cáo quá hạn; giải thích, đính chính bản án, quyết định		Thu hồi QĐ THA để thực hiện chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 54 Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014		Người yêu cầu thi hành án không được ủy quyền hợp lệ theo quy định		Tòa án đóng dấu án sơ thẩm đã có hiệu lực trong khi đương sự đang kháng cáo		Cùng một vụ án, cùng người được, người phải thi hành án, cùng một nội dung nhưng Tòa án chuyển 2 lần với 2 số bản án khác nhau		Lý do khác	
				Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Toàn tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi cục ..	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Cẩm Quyên

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ngọc On

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ PHẢN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN ĐANG CHẤP HÀNH
ÁN PHẠT TÙ TẠI TRẠI GIAM, TRẠI TẠM GIAM 06 THÁNG NĂM 2024
(Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 29/3/2024)

Đơn vị: 1.000 đồng																
TT	Đơn vị	Tổng thụ lý						Đã thi hành được		Thi hành dở dang, chưa thi hành						Ghi chú
		Tổng số việc (1)=(2)+(3)	Năm trước chuyển sang (2)	Mới thụ lý (3)	Tổng số tiền (4)=(5)+(6) tiền	Năm trước chuyển sang (5)	Mới thụ lý (6)	Việc (7)	Tiền (8)	Tổng số việc (9)=(10)+(11)	Có điều kiện (10)	chưa có điều kiện (11)	Tổng số tiền (12)=(13)+(14)	Có điều kiện (13)	Chưa có điều kiện (14)	
1	Cục THADS tỉnh	96	28	68	7.505.335	3.780.382	3.724.953	36	1.309.635	60	50	10	6.195.700	4.656.906	1.538.794	
2	Chi cục THADS h. Cái Bè	146	78	68	3.026.796	2.297.291	729.505	49	250.208	97	23	74	2.776.588	167.720	2.608.868	
3	Chi cục THADS h. Cai Lậy	14	12	2	11.412	11.012	400	4	1.200	10	10		10.212	10.212	-	
4	Cục THADS huyện Châu Thành	94	12	82	514.891	373.728	141.163	63	75.517	31	21	10	439.374	103.651	335.723	
5	Chi cục THADS tp. Mỹ Tho	105	56	49	986.406	581.487	404.919	23	180.100	82	32	50	806.306	460.844	345.462	
6	Chi cục THADS huyện Chợ Gạo	78	36	42	290.183.649	237.711.329	52.472.320	27	39.000	51	20	31	290.144.649	53.155.402	236.989.247	
7	Chi cục THADS huyện Gò Công Tây	9	3	6	2.376.120	2.291.105	85.015			9	2	7	2.376.120	45.700	2.330.420	

8	Chi cục THADS TX. Gò Công	72	59	13	1.238.298	1.218.674	19.624	17	52.924	55	7	48	1.185.374	63.850	1.121.524	
9	Chi cục THADS h. Gò Công Đông	16		16	154.100		154.100	14	153.700	2	2	-	400	400	-	
10	Chi cục THADS huyện Tân Phước	22	8	14	145.227	50.185	95.042	6	17.595	16	9	7	127.632	86.447	41.185	
11	Chi cục THADS h. Tân Phú Đông	34	34		1.882.793	1.882.793				34		34	1.882.793		1.882.793	
12	Chi cục THADS thị xã Cai Lậy	255	137	118	17.854.277	9.543.154	8.311.123	114	539.210	141	14	127	17.315.067	330.834	16.984.233	
TỔNG SỐ		941	463	478	325.879.304	259.741.140	66.138.164	353	2.619.089	588	190	398	323.260.215	59.081.966	264.178.249	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Cẩm Quyên

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đinh Ngọc Ôn

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH TRÊN 01 NĂM CHƯA THI HÀNH XONG VỀ VIỆC
(báo cáo tháng 03 năm 2024)

Email: atkr@moj.gov.vn

Đơn vị tính: Việc

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên đơn vị	Tổng số có điều kiện thi hành trên 01 năm chưa thi hành xong	Chia ra:					Số chuyển kỳ sau	
			Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48		Trường hợp khác
				Thi hành xong	Đình chỉ				
A		1	2=3+4	3	4	5	6	7	8=5+6+7
TỔNG CỘNG		2.450	254	209	45	2.146	34	16	2.196
1	Phòng Nghiệp vụ & TCTHA - Cục THADS tỉnh Tiền Giang	47	-	-	-	47	-	-	47
2	Chi cục THADS huyện Cái Bè	468	9	2	7	459	-	-	459
3	Chi cục THADS huyện Cai Lậy	303	79	71	8	224	-	-	224
4	Chi cục THADS thị xã Cai Lậy	200	12	12	-	188	-	-	188
5	Chi cục THADS huyện Tân Phước	70	1	1	-	69	-	-	69
6	Chi cục THADS huyện Châu Thành	333	12	12	-	321	-	-	321
7	Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho	230	18	18	-	170	29	13	212
8	Chi cục THADS huyện Chợ Gạo	342	94	66	28	248	-	-	-
9	Chi cục THADS huyện Gò Công Tây	148	12	10	2	131	5	-	136
10	Chi cục THADS thị xã Gò Công	83	-		-	83	-	-	83
11	Chi cục THADS huyện Gò Công Đông	161	2	2	-	159	-	-	159
12	Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông	65	15	15	-	47	-	3	50

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Cẩm Quyên

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đinh Ngọc On

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH TRÊN 01 NĂM CHƯA THI HÀNH XONG VỀ TIỀN
(báo cáo tháng 03 năm 2024)

Email: atkr@moj.gov.vn

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

STT	Tên đơn vị	Tổng số có điều kiện thi hành trên 01 năm chưa thi hành xong	Chia ra:							Số chuyển kỳ sau
			Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác	
				Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án				
A		1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9=6+7+8
TỔNG CỘNG		697.552.444	28.773.074	22.109.733	6.663.341	-	656.703.098	11.028.120	1.048.152	668.779.370
1	Phòng Nghiệp vụ & TCTHA - Cục THADS tỉnh Tiền Giang	40.413.542	-	-	-	-	40.413.542	-	-	40.413.542
2	Chi cục THADS huyện Cái Bè	248.763.797	473.575	14.511	459.064		248.290.222			248.290.222
3	Chi cục THADS huyện Cai Lậy	34.716.736	15.368.082	14.180.858	1.187.224		19.348.654		-	19.348.654
4	Chi cục THADS thị xã Cai Lậy	31.049.183	198.266	198.266	-	-	30.850.917	-	-	30.850.917
5	Chi cục THADS huyện Tân Phước	46.416.493	15.669	15.669	-	-	46.400.824	-	-	46.400.824
6	Chi cục THADS huyện Châu Thành	46.934.012	3.388.553	3.388.553	-		43.545.459	-	-	43.545.459
7	Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho	95.510.083	631.864	631.864	-		83.776.693	10.928.120	173.406	94.878.219
8	Chi cục THADS huyện Chợ Gạo	6.540.264	4.102.161	1.620.108	2.482.053		2.438.103	-	-	2.438.103
9	Chi cục THADS huyện Gò Công Tây	26.987.798	2.587.140	87.140	2.500.000	-	24.400.658	-	-	24.400.658
10	Chi cục THADS thị xã Gò Công	29.191.418	-		-	-	29.191.418	-	-	29.191.418
11	Chi cục THADS huyện Gò Công Đông	86.514.427	327.973	327.973			86.186.454	-	-	86.186.454
12	Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông	4.514.691	1.679.791	1.644.791	35.000	-	1.860.154	100.000	874.746	2.834.900

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Cẩm Quyên



Đinh Ngọc On

BÁO CÁO ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ 06 THÁNG NĂM 2024

STT	ĐƠN VỊ	SỐ QĐ Đã ra	Tiền	Thành công (bao gồm cả đương sự đã tự nguyện)	Tiền	Số việc đương sự Tự nguyện	Tiền	Số việc không thành công	Tiền	Số việc còn đang giải quyết	Tiền	Ghi chú
TỔNG CỘNG		68	2.026.575.262	67	90.286.587	39	55.161.605	-	-	27	1.969.430.657	
1	Cục THADS tỉnh											
2	Chi cục THADS h. Cái Bè	30	40.008.904	30	40.008.904	14	18.221.922	-	-	16	21.786.982	
3	Chi cục THADS h. Cai Lậy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Chi cục THADS tx. Cai Lậy	9	11.755.000	9	11.755.000	1	400.000	-	-	8	11.355.000	
5	Chi cục THADS h. Tân Phước	6	1.960.723.300	5	24.500.000	5	24.500.000			1	1.936.223.300	
6	Chi cục THADS h. Châu Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho	7	7.448.683	7	7.448.683	7	7.448.683					
8	Chi cục THADS h. Chợ Gạo	3	2.047.375	3	1.982.000	2	2.000			2	65.375	
9	Chi cục THADS h. Gò Công Tây	7	4.586.000	7	4.586.000	7	4.586.000					
10	Chi cục THADS Tx. Gò Công	3	3.000	3	3.000							
11	Chi cục THADS h. Gò Công Đông	3	3.000	3	3.000	3	3.000					Tạm dừng việc đăng ký
12	Chi cục THADS h. Tân Phú Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Cẩm Quyên

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đinh Ngọc On

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH TIỀN GIANG

DANH SÁCH VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TRỌNG ĐIỂM 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TCTHADS ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Số TT	Số Bản án, Quyết định của Tòa án (Ngày, tháng, năm ra Bản án, Quyết định của Tòa án)	Loại án (Lựa chọn trong danh sách DS, KT, TM...)	Số Quyết định THA (Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA)	Loại việc thi hành án (Lựa chọn trong danh sách chủ động hoặc theo đơn)	Họ và tên người được thi hành án	Họ và tên người phải thi hành án	Kết quả thi hành về tiền: tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ, các loại chứng chỉ có giá được quy đổi ra tiền Việt Nam Đồng				Phương hướng giải quyết	Ghi chú
							Số tiền phải thi hành (1.000 đồng)	Số tiền đã thi hành (1.000 đồng)	Số tiền còn phải thi hành (1.000 đồng)	Tiêu chí xác định việc thi hành án dân sự trọng điểm (Lựa chọn trong danh mục)		
	1	3	4	6	7	8	9	10	11=9-10	12	13	14
Cộng		0	0	0			-	-	-	0		
I	Cục THADS	0	0	0			-	-	-	0		
II	Các Chi cục THADS	0	0	0	0	0	-	-	-	0	0	0
	Chi cục THADS huyện ...	0	0	0			-	-	-	0		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Cẩm Quyên

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ngọc On

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH TIỀN GIANG

SỔ CHUYỂN SỔ THEO DỐI RIÊNG LOẠI ÁN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG
06 tháng năm 2024

TT	Tên đơn vị	Số việc chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng	Số tiền chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng (1.000đ)
	Tổng cộng	187	140.619.125
1	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang	17	50.298.154
2	Chi cục THADS huyện Cái Bè	10	3.092.748
3	Chi cục THADS huyện Cai Lậy	0	0
4	Chi cục THADS thị xã Cai Lậy	19	32.985.925
5	Chi cục THADS huyện Tân Phước	16	275.117
6	Chi cục THADS huyện Châu Thành	5	853.786
7	Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho	29	1.666.385
8	Chi cục THADS huyện Chợ Gạo	37	2.559.002
9	Chi cục THADS huyện Gò Công Tây	18	14.086.470
10	Chi cục THADS thị xã Gò Công	16	4.869.916
11	Chi cục THADS huyện Gò Công Đông	16	26.389.323
12	Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông	4	3.542.299

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Thị Cẩm Quyên

Đinh Ngọc On

